

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số 24/GP-NHNN ngày 26/5/2021 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và Quyết định số 1756/QĐ-QLGS2 ngày 25/7/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số:...../ QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày.....tháng.....năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung được cung cấp từ ngày/...../2025 tại:

Tổ Chức Đăng Ký niêm yết

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 2 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 024. 3772 2773

Website : www.agribank.com.vn

Tổ Chức Tư Vấn niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, Số 93 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 024. 6276 2666

Website : agriseco.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên : Đoàn Ngọc Lưu - **Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại : 024. 3772 2773 - **Fax:** 024.3831 4069

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số 24/GP-NHNN ngày 26/5/2021 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và Quyết định số 1756/QĐ-QLGS2 ngày 25/7/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- **Tên Trái Phiếu** : Trái Phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2025
- **Loại Trái Phiếu** : Là Trái Phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản của Agribank, không kèm chứng quyền, thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật
- **Mã Trái Phiếu** : VBA125019
- **Ngày phát hành** : 29/07/2025
- **Thời điểm đáo hạn** : 29/07/2035
- **Lãi suất** : Lãi suất là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi Suất Trái Phiếu} = \text{LSTC} + \text{Biên độ}$$
 Quy định chi tiết về lãi suất được trình bày tại Mục 14 Phần V
- **Kỳ trả lãi** : 01 năm/lần
- **Mệnh giá** : 100.000 đồng/Trái Phiếu (Một trăm nghìn đồng/Trái Phiếu)
- **Tổng số lượng Trái Phiếu niêm yết** : 100.000.000 trái phiếu (Bằng chữ: Một trăm triệu trái phiếu)
- **Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)** : 10.000.000.000.000 VND (Bằng chữ: Mười nghìn tỷ đồng)

➤ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

- Trụ sở chính: Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024. 3946 1600 - Fax: 024. 3946 1601

➤ TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:

Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank

- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024. 6276 2666 - Fax: 024. 6276 5666

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	3
1. Rủi ro về kinh tế	3
2. Rủi ro về luật pháp	6
3. Rủi ro về ngành	7
4. Rủi ro đối với Trái Phiếu niêm yết	10
5. Rủi ro khác	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	11
1. Tổ Chức Niêm Yết	11
2. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết	11
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	13
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	13
2. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức niêm yết	23
3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức niêm yết	30
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	33
5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	34
6. Hoạt động kinh doanh	36
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	66
8. Vị thế của Tổ chức niêm yết so với các doanh nghiệp khác cùng ngành	73
9. Chính sách đối với người lao động	77
10. Chính sách cổ tức	79
11. Tình hình hoạt động tài chính	79
12. Hội đồng thành viên, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	86
13. Tài sản	123
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2024	125
15. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	127
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	128
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	128



V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT	129
1. Mã Trái Phiếu	129
2. Loại Trái Phiếu	129
3. Số lượng Trái Phiếu phát hành	129
4. Tổng giá trị theo mệnh giá	129
5. Ngày phát hành	129
6. Ngày đáo hạn	129
7. Thời hạn Trái Phiếu	129
8. Mệnh giá	129
9. Mục đích phát hành Trái Phiếu	129
10. Nguồn thanh toán Trái Phiếu	129
11. Tổng số Trái Phiếu niêm yết	130
12. Lãi suất	130
13. Kỳ trả lãi	132
14. Mua lại Trái Phiếu	133
15. Các đặc điểm pháp lý khác của Trái Phiếu	134
16. Số lượng Trái Phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	134
17. Xếp hạng tín nhiệm	134
18. Phương pháp tính giá	134
19. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn	134
20. Phương thức thực hiện quyền	135
21. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với Trái Phiếu niêm yết	135
22. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo	136
23. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	136
24. Các loại thuế liên quan	136
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	138
1. Tổ Chức Kiểm Toán Báo Cáo Tài Chính	138
2. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết	139
VII. PHỤ LỤC	140
VIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN	141

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Agribank phát sinh do: Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái chênh lệch kỳ xác định lại lãi suất (GAP) sẽ có tác động đến thay đổi thu nhập lãi thuần (ΔNII) và thay đổi giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (ΔEVE) của Agribank.

Để phòng tránh rủi ro lãi suất, Agribank trong thời gian qua đã chủ động áp dụng một số chính sách để giảm thiểu rủi ro lãi suất như:

- Agribank đã ban hành quy định và quy trình quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng trong hệ thống Agribank. Hiện việc quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng của Agribank đã đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN;
- Agribank đang sử dụng các công cụ đo lường rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng gồm: (i) Khe hở tái định giá (GAP); (ii) Chỉ số thay đổi thu nhập lãi thuần (ΔNII); (iii) Chỉ số thay đổi giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (ΔEVE). Đồng thời, Agribank đã xây dựng hạn mức và vùng cảnh báo sớm rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, đáp ứng được yêu cầu của NHNN và phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế tại Agribank;
- Thiết lập các giới hạn về lãi suất huy động và lãi suất cho vay cũng như điều chỉnh lại cơ cấu giữa huy động vốn và sử dụng vốn. Để tránh rủi ro lãi suất, Agribank thường xuyên bám sát diễn biến lãi suất trên thị trường để điều hành lãi suất trên toàn hệ thống đảm bảo chênh lệch đầu ra đầu vào thực dương.

1.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với Agribank.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ việc thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai dịch họa hoặc dịch bệnh như dịch Covid 19 gây tác động tới toàn bộ nền kinh tế toàn cầu, hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của Agribank và đòi hỏi Agribank phải tăng chi phí trích lập dự

phòng rủi ro tín dụng.

Rủi ro tín dụng được coi là rủi ro lớn nhất đối với các NHTM Việt Nam nói chung và Agribank nói riêng do các khoản cho vay khách hàng thường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản của các NHTM, nguồn thu từ hoạt động tín dụng cũng chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng nguồn thu và đóng góp phần lớn vào lợi nhuận của các NHTM. Rủi ro tín dụng có thể dẫn tới tổn thất về tài sản, sụt giảm thu nhập, lợi nhuận và giảm khả năng thanh toán của ngân hàng. Do đó, Agribank thường xuyên và luôn quan tâm chú trọng đến rủi ro tín dụng, xác định giới hạn mức rủi ro hợp lý, đồng thời chủ động và kịp thời áp dụng các biện pháp quản trị nhằm duy trì rủi ro tín dụng trong mức giới hạn, đảm bảo an toàn hiệu quả.

Để kiểm soát nợ xấu, Agribank đã quyết liệt triển khai nhiều giải pháp như sau:

- Một là, theo định hướng của Ban điều hành, đảm bảo kế hoạch do NHNN giao năm 2025, Agribank đã rà soát từng chi nhánh trên cơ sở nợ xấu thực hiện năm 2024, kế hoạch chi nhánh xây dựng để giao chỉ tiêu tỷ lệ nợ nhóm 2, nợ xấu và nợ có khả năng mất vốn cho từng Chi nhánh phù hợp đảm bảo mục tiêu, định hướng nợ xấu của Agribank. Thường xuyên cập nhật, đánh giá tính khả thi của phương án xử lý nợ xấu để đảm bảo hoàn thành kế hoạch tỷ lệ nợ xấu do NHNN giao năm 2025. Đến thời điểm 31/7/2025 tỷ lệ nợ xấu của Agribank là 1,38% theo Thông tư 31. Agribank quyết liệt áp dụng các biện pháp xử lý nợ đảm bảo tỷ lệ nợ xấu thời điểm 31/12/2025 dưới 1,5%, đảm bảo hoàn thành kế hoạch NHNN giao năm 2025.
- Hai là, xây dựng phương án xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ tiềm ẩn nợ xấu toàn hệ thống năm 2025 đảm bảo hoàn thành phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025. Trên cơ sở đó, thường xuyên nắm bắt tình hình triển khai phương án của các chi nhánh, theo dõi, đôn đốc và chỉ đạo các chi nhánh rà soát, xây dựng lộ trình, biện pháp xử lý thu hồi nợ phù hợp đối với từng khách hàng, nhóm khách hàng cụ thể cũng như cập nhật tiến độ thu hồi các khoản nợ xấu. Phấn đấu đến cuối năm 2025, tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho VAMC chưa được xử lý, thu hồi và nợ tiềm ẩn nợ xấu ở mức dưới 2,76%.
- Ba là, Agribank đã thành lập Ban chỉ đạo xử lý nợ có vấn đề (BCĐ) và tổ chức triển khai hoạt động của Ban chỉ đạo tại Trụ sở chính và các Chi nhánh; phân công nhiệm vụ và triển khai hoạt động của Ban chỉ đạo xử lý nợ có vấn đề, theo đó phân công rõ trách nhiệm từng thành viên BCĐ, BCĐ Trụ sở chính rà soát các khoản nợ, đưa vào danh sách các khoản nợ BCĐ Trụ sở chính theo dõi, chỉ đạo; BCĐ Chi nhánh rà soát các khoản nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro đưa vào danh sách BCĐ Chi nhánh theo dõi, chỉ đạo để tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ xử lý, thu hồi nợ. Đồng thời thành lập các Tổ chuyên trách để triển khai công tác thu hồi khắc phục tồn tại, xử lý nợ có vấn đề, nâng cao hiệu quả hoạt động từ Trụ sở chính đến Chi nhánh đối với các đơn vị tồn tại lớn, kết quả thu hồi hạn chế.

- Bốn là, bám sát việc thực hiện theo kế hoạch được giao của các chi nhánh: Cập nhật tình hình các nhóm nợ của chi nhánh để theo dõi sự biến động, cũng như hỗ trợ các Chi nhánh xử lý các tình huống phát sinh hằng ngày. Với chi nhánh có phát sinh nợ xấu cao, thành lập đoàn công tác làm việc với Chi nhánh để nắm bắt tình hình thực tế cũng như đôn đốc, hỗ trợ và chỉ đạo triển khai các biện pháp nhằm kiểm soát tốt nợ tiềm ẩn phát sinh nợ xấu, xử lý thu hồi nợ xấu.
- Năm là, áp dụng linh hoạt, đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế về xử lý nợ để tăng cường quản lý, giám sát và chỉ đạo các chi nhánh trong công tác xử lý, thu hồi nợ.
- Sáu là, tăng cường rà soát các khoản nợ tiềm ẩn, nợ xấu; thường xuyên cảnh báo tới chi nhánh để kịp thời triển khai các biện pháp xử lý thu hồi nợ.
- Bảy là, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo chi nhánh về việc quyết liệt triển khai các biện pháp xử lý, thu hồi nợ xấu.

1.3. Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trạng thái ngoại tệ. Biến động về tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị các tài sản và khoản nợ bằng ngoại tệ, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh ngoại tệ của Ngân hàng, có thể dẫn tới suy giảm tài sản và lợi nhuận của ngân hàng. Biến động tỷ giá trên thị trường càng mạnh thì rủi ro ngoại hối càng lớn. Trong quá trình hoạt động, Agribank luôn tuân thủ nghiêm túc việc quản lý rủi ro ngoại hối theo quy định của NHNN, duy trì một tỷ lệ cân xứng giữa tài sản Nợ và tài sản Có ngoại tệ, duy trì trạng thái ở mức hợp lý, đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao và có khả năng phân tích dự báo tình hình biến động tỷ giá của các đồng tiền và ra quyết định mua, bán các hợp đồng ngoại tệ đúng đắn. Agribank xây dựng trạng thái ngoại tệ cho các đơn vị trong toàn hệ thống và hạn mức giao dịch mua bán ngoại tệ với các Định chế tài chính có quan hệ kinh doanh ngoại tệ với Agribank. Bên cạnh đó, Agribank đã sử dụng các công cụ tài chính có khả năng phòng ngừa rủi ro như các hợp đồng Forwards, Swap... trong hoạt động kinh doanh ngoại hối. Trong những trường hợp nhất định, vẫn khó để giảm thiểu hoàn toàn rủi ro ngoại hối khi tỷ giá biến động lớn.

1.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Agribank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc Agribank có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Agribank. Rủi ro thanh khoản có thể làm giảm thu nhập, uy tín của ngân hàng, nghiêm trọng hơn có thể khiến ngân hàng mất khả năng thanh toán. Agribank đã ban hành quy định, quy trình quản lý rủi ro thanh khoản trong hệ thống Agribank, qua đó Agribank luôn đảm bảo an toàn thanh khoản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Agribank đã triển khai thực hiện đo lường rủi ro theo quy định của NHNN thông qua các phương pháp sau: phương pháp dòng tiền thông qua báo cáo khe hở thanh khoản và phương pháp chỉ số cấu trúc bảng cân đối kế toán thông qua các tỷ lệ an toàn thanh khoản (bao gồm tỷ lệ khả năng chi trả; tỷ lệ Dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi; tỷ lệ Vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung, dài hạn). Ban Quản lý tài sản Nợ-tài sản Có, Trung tâm Quản lý rủi ro Phi tín dụng phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên xem xét và tính toán các tỷ lệ an toàn thanh khoản và có biện pháp đảm bảo khả năng thanh khoản trong từng khoảng thời gian tiếp theo. Agribank cũng đã xây dựng kế hoạch dự phòng trường hợp xảy ra khủng hoảng thanh khoản và cách đối phó trong từng thời kỳ. Với sự phát triển ổn định, khả năng nắm bắt và theo dõi kịp thời biến động thị trường, Agribank luôn đảm bảo an toàn thanh khoản và đáp ứng tối đa nhu cầu thanh toán của khách hàng.

Hơn nữa, Agribank duy trì khối lượng tài sản có tính thanh khoản cao đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện Agribank hoạt động bình thường hoặc có diễn biến bất lợi về thanh khoản; tuân thủ đúng các tỷ lệ an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN; và luôn sẵn sàng để tham gia nghiệp vụ thị trường mở với NHNN để đảm bảo thanh khoản của hệ thống. Agribank cũng thiết lập và duy trì quan hệ hạn mức giao dịch với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác để hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết.

1.5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Agribank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này đã tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng. Các hoạt động ngoại bảng (như cam kết bảo lãnh thanh toán, cam kết trong nghiệp vụ L/C, ...) là các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn do khi khách hàng vi phạm thỏa thuận với bên thứ ba, Ngân hàng sẽ phải thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba và các khoản nợ tiềm ẩn này sẽ thành nghĩa vụ nợ thực sự, dẫn tới gia tăng chi phí trích lập, giảm lợi nhuận và suy giảm tài sản của Ngân hàng.

Để giảm thiểu rủi ro từ hoạt động ngoại bảng, Agribank đã xây dựng, sửa đổi các quy trình, quy chế, quy định về công tác tín dụng; thường xuyên tổ chức kiểm tra, kiểm soát các nghiệp vụ, đảm bảo ngăn ngừa các yếu tố tiềm ẩn rủi ro; xử lý nghiêm tập thể và cá nhân liên quan các tồn tại vi phạm; tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn các quy định pháp luật, các quy định, quy trình của Agribank cho cán bộ toàn hệ thống.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là các rủi ro xảy ra khi mà các quy định của pháp luật hiện hành và/hoặc các quy định pháp luật mới được ban hành không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đáp ứng tình hình thực tiễn, xu thế của thị trường và gây ra các khó khăn, trở ngại, vướng mắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và làm doanh nghiệp phải đối mặt với các chi phí và thiệt hại phát sinh do các tranh chấp pháp lý. Hiện nay, Việt Nam vẫn đang trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến tổ chức và hoạt động

của tổ chức tín dụng tại Việt Nam, trong đó có Agribank. Trong thời gian qua, nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành nhằm thay thế các văn bản quy phạm pháp luật cũ không còn phù hợp. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế còn đang phát triển và trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ, hệ thống pháp luật tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Vậy đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các nhà đầu tư Trái Phiếu liên quan đến các vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan có thẩm quyền.

Rủi ro pháp lý liên quan đến những sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm thiệt hại cho khách hàng và đôi tác dẫn đến việc Agribank bị khởi kiện. Rủi ro này có thể phát sinh trong các mảng hoạt động của Agribank, đặc biệt là hoạt động tín dụng, thanh toán quốc tế. Bên cạnh đó, là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nên mọi hoạt động của Agribank chịu sự điều chỉnh của các quy định luật pháp theo từng thời kỳ như Luật các Tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, các văn bản chính sách của NHNN và các bộ ngành liên quan khác. Mọi sự thay đổi của quy định pháp luật cũng như chính sách của NHNN đều ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Agribank.

Để phòng chống các rủi ro này, Agribank đã thực hiện cơ chế giám sát online hàng ngày qua hệ thống Core Banking và trách nhiệm này được giao cho bộ phận kiểm soát, giám sát. Với hệ thống Core Banking nói trên, nếu xuất hiện rủi ro, hệ thống có thể cập nhật kịp thời các cảnh báo, đồng thời chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ chính, đảm bảo sự chính xác trong khâu tác nghiệp của Ngân hàng. Bên cạnh đó, Agribank chủ động tiến hành phân tích thị trường, nghiên cứu kỹ lưỡng và cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành nhằm ứng phó được với những thay đổi về khung pháp lý. Đồng thời, Agribank có các đơn vị nghiệp vụ tại trụ sở chính với chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc ban hành các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ; thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ về tính thích hợp, tuân thủ quy định của pháp luật, thay đổi quy định liên quan của pháp luật và các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Agribank.

Agribank cũng đã xây dựng hệ thống văn bản chính sách nội bộ quy định về các nguyên tắc, tiêu chuẩn, thủ tục; hệ thống văn bản chính sách được rà soát đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật trước khi ban hành và hệ thống hóa để đảm bảo tính đồng bộ, đầy đủ và phù hợp trong quá trình triển khai văn bản. Bộ phận pháp chế của ngân hàng chịu trách nhiệm tư vấn hoàn thiện các vấn đề pháp lý theo quy định pháp luật Việt Nam đối với hoạt động tổ chức, quản lý, phù hợp với quy định pháp luật. Agribank luôn chủ động nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng để nắm bắt các thay đổi của chính sách pháp luật.

3. Rủi ro về ngành

3.1. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài

chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro chiến lược và rủi ro danh tiếng (ngoại trừ các tác động về danh tiếng có nguyên nhân từ rủi ro hoạt động).

Ngoài ra, xu hướng phát triển mạnh mẽ sản phẩm dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao cũng như tăng cường hợp tác hoặc thuê ngoài các bên thứ ba hiện nay có thể làm gia tăng các rủi ro hoạt động liên quan đến ứng dụng công nghệ, hợp tác bên thứ ba.

Agribank đang áp dụng 02 phương pháp đo lường rủi ro hoạt động (sử dụng các phát hiện của Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán, thu thập, phân tích số liệu tổn thất nội bộ và bên ngoài), đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN.

Căn cứ kết quả nhận dạng, đo lường và theo dõi rủi ro hoạt động, Agribank thực hiện kiểm soát rủi ro hoạt động thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ; thiết lập hạn mức rủi ro hoạt động, giám sát mức độ rủi ro hoạt động theo hạn mức; triển khai các biện pháp kiểm soát rủi ro hoạt động phù hợp (gồm giám thiểu rủi ro, chuyển giao, chia sẻ rủi ro, phòng tránh rủi ro, chấp nhận rủi ro), báo cáo và trao đổi thông tin rủi ro hoạt động, xử lý kịp thời các sự kiện rủi ro hoạt động.

Xây dựng phương án, kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong những trường hợp gián đoạn hoạt động do: mất tài liệu, cơ sở dữ liệu quan trọng; hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố; các sự kiện bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, chiến tranh,...) nhằm chủ động ứng phó, khôi phục các hoạt động kinh doanh trong thời gian sớm nhất, giảm thiểu các ảnh hưởng có thể xảy ra.

3.2. Rủi ro về Phòng, chống rửa tiền

Nhằm tuân thủ quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro rửa tiền, Agribank đã ban hành hệ thống văn bản nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và tuân thủ trừng phạt (phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố); triển khai đầy đủ các biện pháp nhận biết, sàng lọc và phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro; giám sát giao dịch, thực hiện báo cáo, lưu trữ, bảo mật thông tin theo quy định; định kỳ đào tạo, kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao năng lực cán bộ và tăng cường hiệu quả công tác phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.

3.3. Tính thanh khoản của thị trường thứ cấp đối với Trái Phiếu

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của thị trường đối với Trái Phiếu và không có gì đảm bảo rằng có tồn tại một thị trường giao dịch có thanh khoản cao cho Trái Phiếu. Trái Phiếu có thể được giao dịch ở các mức giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, bao gồm cả yếu tố về lãi suất áp dụng, kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và hoạt động của thị trường dành cho các loại chứng khoán tương tự.

3.4. Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro do NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hoạt động kinh

doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Hiện nay, tỷ trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt trên 61% tổng dư nợ của Agribank. Vì vậy, những thay đổi về môi trường, sự xuất hiện của dịch bệnh hay những chính sách tác động đến khu vực nông nghiệp, nông thôn có thể ảnh hưởng đến chất lượng tài sản, thu nhập, lợi nhuận và triển vọng phát triển của Agribank.

Để hạn chế rủi ro tập trung, Agribank đã ban hành quy định về quản lý rủi ro tập trung tín dụng, xây dựng hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng, theo sản phẩm, ngành/lĩnh vực kinh tế; các tiêu chí nhận diện người có liên quan, quản lý nhóm khách hàng có liên quan.

3.5. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Hiện nay, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã tác động thay đổi xu hướng thị trường, khách hàng có nhu cầu sử dụng các dịch vụ ngân hàng trực tuyến tăng nhanh, mức độ tự động hóa xử lý giao dịch và quản lý tập trung ngày càng cao. Do vậy, hệ thống thông tin là một phần rất quan trọng trong hoạt động của một ngân hàng hiện đại và đồng nghĩa với việc đối mặt với các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến công nghệ, quy trình và con người. Việc đảm bảo hệ thống thông tin hoạt động liên tục, ổn định và an toàn, hỗ trợ hiệu quả các công tác kế toán, tài chính, quản lý rủi ro, phân tích tín dụng, báo cáo, dịch vụ khách hàng và các hoạt động khác, có tính quyết định đối với công việc kinh doanh và khả năng cạnh tranh hiệu quả của ngân hàng.

Vì vậy, nhằm đáp ứng các quy định của Nhà nước (Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư 09/2020/TT-NHNN quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng;...) và bảo vệ hệ thống thông tin khỏi các rủi ro tiềm ẩn nêu trên, Agribank đã chủ động ban hành các chính sách, quy định nội bộ về an toàn hệ thống thông tin. Đồng thời, Agribank cũng thường xuyên chủ động định kỳ rà soát, cập nhật rủi ro và lên phương án phòng ngừa rủi ro. Trong đó, tại Đề án chiến lược phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030, Agribank đã đưa ra các giải pháp quản lý rủi ro hệ thống thông tin như: Xây dựng kiến trúc an toàn thông tin đáp ứng yêu cầu mới của ứng dụng và nghiệp vụ; Giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP); Đầu tư hệ thống kiểm thử an ninh bảo mật ứng dụng; Đầu tư hệ thống quản lý lỗ hổng và bản vá tập trung; Triển khai dịch vụ an ninh bảo mật phòng chống tấn công từ xa;...

3.6. Rủi ro đối thủ cạnh tranh

Agribank hiện đang chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các Ngân hàng khác (bao gồm cả NHTM có vốn Nhà nước chi phối khác, NHTM cổ phần, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam). Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa rộng hơn với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì

bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ gia tăng đáng kể.

Bên cạnh đó, tại Việt Nam thời gian qua các công ty Fintech phát triển khá mạnh mẽ, tận dụng những lợi thế mạnh để cung ứng các dịch vụ, giải pháp tài chính an toàn và thuận tiện cho người sử dụng. Trong thời gian qua, thị trường Fintech Việt Nam đã có những bước phát triển khá ấn tượng. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số lượng công ty Fintech trong nước đã tăng đáng kể trong giai đoạn 2010 - 2023, từ 10 công ty vào cuối năm 2010 lên hơn 187 công ty vào năm 2023 và vẫn còn nhiều dư địa để tăng trưởng trong vài năm tới, thậm chí là thập kỷ tới. Thị trường Fintech Việt Nam còn được hưởng lợi từ hệ sinh thái khởi nghiệp mạnh mẽ và sự gia tăng các khoản đầu tư mạo hiểm. Số liệu của Mordor Intelligence cho thấy quy mô thị trường Fintech Việt Nam ước đạt gần 200 tỷ USD năm 2025 và dự kiến sẽ vượt 520 tỷ USD vào năm 2030, sở hữu tốc độ tăng trưởng kép hàng năm ấn tượng là 20,23% năm 2025 đến năm 2030.

4. Rủi ro đối với Trái Phiếu niêm yết

4.1. Các khoản thanh toán tiền lãi Trái Phiếu có thể bị giảm trừ hoặc khấu trừ thuế nếu pháp luật yêu cầu

Nhà đầu tư cần biết rằng tiền lãi Trái Phiếu và lợi nhuận thu được từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam. Do đó các khoản tiền mà nhà đầu tư có thể nhận được liên quan đến Trái Phiếu có thể sẽ bị khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật theo Mục V.26 Phần V.

4.2. Những thay đổi đáng kể về lãi suất của Trái Phiếu

Trái Phiếu có lãi suất thả nổi. Lãi suất cho các kỳ tính lãi không phải là kỳ tính lãi đầu tiên của Trái Phiếu có thể thay đổi đáng kể phụ thuộc vào mức lãi suất trung bình của lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân, kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ bằng Đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất. Bất kỳ thay đổi đáng kể nào về lãi suất đều có thể ảnh hưởng bất lợi đến dòng lưu chuyển tiền tệ và điều kiện tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cũng như nhà đầu tư Trái Phiếu.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh đó, một số rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh... ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và các ngành chế biến, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, tác động ít nhiều đến hoạt động của Agribank, đặc biệt đây là lĩnh vực đầu tư chính của Agribank.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Niêm Yết

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

- | | |
|-----------------------------|---|
| - Ông: Tô Huy Vũ | - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên |
| - Ông: Phạm Toàn Vượng | - Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| - Ông: Phùng Văn Hưng Quang | - Chức vụ: Kế toán trưởng |
| - Ông: Trần Trọng Dương | - Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Đại diện được ủy quyền: Ông Lê Sơn Tùng – Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Theo Quyết định số 88A/QĐ-CT.HĐQT ngày 11/08/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu do Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng Tư Vấn Phát Hành, Tư Vấn Niêm Yết, Đại Lý Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2025 số 21/2025/TPRCC/AGRISECO – AGRIBANK ngày 22 tháng 05 năm 2025 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Bản Cáo Bạch	: Bản Cáo Bạch này là bản cung cấp thông tin của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết về Trái Phiếu chào bán, tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư Trái Phiếu.
Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết/Agribank	: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
Tổ chức tư vấn niêm yết/AgriSeco	: Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank
NHTM	: Ngân hàng thương mại
TCTD	: Tổ chức tín dụng
CTCP	: Công ty cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
TMCP	: Thương mại cổ phần
HĐTV	: Hội đồng thành viên
BKS	: Ban Kiểm soát
BCTC	: Báo cáo tài chính
ATM	: Automated Teller Machine – Máy rút tiền tự động
KBNN	: Kho bạc Nhà nước
NSNN	: Ngân sách Nhà nước
VSDC	: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
UBCKNN	: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
CNTT	: Công nghệ thông tin

Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

♦ Tên tiếng Việt	: NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
♦ Tên giao dịch quốc tế	: VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT
♦ Tên viết tắt	: AGRIBANK
♦ Trụ sở chính	: Số 02 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội
♦ Điện thoại	: 024. 3772 2773 - Fax: 024. 3831 4069
♦ Website	: www.agribank.com.vn
♦ Logo	
♦ Vốn thực góp của chủ sở hữu đến 30/06/2025	: 51.638.603 triệu đồng (tại thời điểm 30/06/2025 theo BCTC hợp nhất bán niên soát xét 2025)
♦ Vốn điều lệ theo Giấy phép thành lập và hoạt động	: 51.638.603.001.584 đồng
♦ Giấy phép thành lập và hoạt động	: Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng số 24/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 26/5/2021, Quyết định số 651/QĐ-TTGSNNH1 ngày 04/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*) và Quyết định số 1756/QĐ-QLGS2 ngày 25/7/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
♦ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	: Số 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004, thay đổi lần thứ 15 ngày 11/01/2024.
♦ Người đại diện theo pháp luật	: Ông Phạm Toàn Vượng – Chức vụ: Tổng Giám đốc
♦ Mã số thuế	: 0100686174

(*) Tại Quyết định số 651/QĐ-TTGSNNH1 ngày 04/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp

và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định sửa đổi nội dung về vốn điều lệ ghi tại Điều 2 Giấy phép thành lập thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số 24/GP-NHNN ngày 26/5/2021 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 51.638.603.001.584 tỷ đồng.

➤ **Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:**

Agribank tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do NHNN cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ Agribank và phù hợp với quy định của pháp luật. Hoạt động kinh doanh chính của Agribank bao gồm:

STT	Tên ngành
1	Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2	Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; e) Bảo thanh toán trong nước.
3	Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
4	Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a) Cung ứng phương tiện thanh toán; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
5	Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
6	Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
7	Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
8	Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
9	Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
10	Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
11	Dịch vụ môi giới tiền tệ.
12	Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
13	Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật

STT	Tên ngành
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
14	Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
15	Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
16	Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
17	Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
18	Lưu ký chứng khoán.
19	Kinh doanh mua, bán vàng miếng.
20	Mua nợ.

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

NĂM	MỐC LỊCH SỬ
1988	Thành lập ngày 26/03/1988 với tên gọi Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp Việt Nam.
1990	Đổi tên thành Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam.
1995	Thành lập Ngân hàng phục vụ người nghèo, nay là Ngân hàng Chính sách Xã hội, tách ra từ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam.
1996	Đổi tên thành Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).
2003	Được phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới. Triển khai hiện đại hóa hệ thống thanh toán và kế toán khách hàng (IPCAS) tại các chi nhánh của Agribank.
2005	Mở Văn phòng đại diện nước ngoài đầu tiên tại Campuchia.
2007	Được Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) xếp hạng là Doanh nghiệp số 1 Việt Nam.
2008	Kỷ niệm 20 năm thành lập. Được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì. Đảm nhận chức Chủ tịch Hiệp hội Tín dụng Nông nghiệp và Nông thôn Châu Á – Thái Bình Dương (APRACA).

NĂM	MỐC LỊCH SỬ
	Top 10 Giải thưởng Sao Vàng đất Việt.
2009	Vinh dự được đón Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam tới thăm và làm việc.
	Lần thứ 2 đạt Giải thưởng TOP 10 Sao vàng đất Việt.
	Khai trương hệ thống IPCAS II, kết nối trực tuyến toàn bộ 2.300 chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn hệ thống.
2010	Khai trương chi nhánh tại Campuchia; Khẳng định vị trí ngân hàng số 1 Việt Nam trong lĩnh vực phát triển chủ thẻ.
	Top 10 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500).
2011	Chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.
2012	Ngân hàng thương mại có quy mô tổng tài sản lớn nhất Việt Nam.
	Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500); Doanh nghiệp tiêu biểu ASEAN; Thương hiệu nổi tiếng ASEAN; Ngân hàng có chất lượng thanh toán cao; Ngân hàng thương mại thanh toán hàng đầu Việt Nam.
2013	Kỷ niệm 25 năm ngày thành lập. Được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba về thành tích xuất sắc phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong thời kỳ Đổi mới.
2014	Thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu.
	Ngân hàng thương mại duy nhất lần thứ 5 liên tiếp thuộc Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500).
	Tổ chức xếp hạng quốc tế Fitch Ratings nâng xếp hạng tín nhiệm của Agribank lên B+.
2015	Triển khai thành công Đề án tái cơ cấu lại Agribank giai đoạn 2013-2015 đã được Thống đốc NHNN phê duyệt.
	Thành lập Trung tâm Vốn Agribank nhằm nâng cao tính tập trung, chuyên nghiệp và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh Vốn và Ngoại tệ.
	Ra mắt hệ thống phát hành và thanh toán thẻ CHIP theo chuẩn EMV đem lại nhiều tiện ích và an toàn hơn cho chủ thẻ Agribank.
2016	Tổng tài sản cán mốc trên 01 triệu tỷ đồng.
	Ngân hàng đứng đầu hệ thống ngân hàng theo Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, năm đầu tiên thực hiện Đề án chiến lược kinh doanh năm 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Đề án chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ giai đoạn 2016-2020, Top 20 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.

NĂM	MỐC LỊCH SỬ
2017	Giữ vững vị trí Top 3 ngân hàng thương mại dẫn đầu thị trường thẻ.
	Top 10 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và đứng thứ 6 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất và thứ nhất trong các Ngân hàng thương mại tại Việt Nam theo bảng xếp hạng VNR500.
	Top 20 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.
	Tổ chức xếp hạng quốc tế Fitch Ratings nâng mức triển vọng của Agribank từ “Ổn định” lên “Tích cực” với đánh giá xếp hạng Nhà phát hành nợ dài hạn ở mức B+.
2018	Kỷ niệm 30 năm thành lập.
	Được trao tặng Huân chương lao động hạng Nhất. Năm thứ 6 liên tiếp đạt Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500).
2019	Được tổ chức Xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody’s xếp hạng ở mức Ba3, tương đương mức tín nhiệm quốc gia; Xếp hạng thứ 142/500 Ngân hàng lớn nhất châu Á về quy mô tài sản.
	Lợi nhuận đạt mức cao kỷ lục trong 31 năm hoạt động.
2020	Hoàn thành thắng lợi Phương án Tái cơ cấu Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 – 2020.
	Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2277/QĐ-TTg về việc điều chỉnh mức vốn điều lệ cho Agribank tăng 3.500 tỷ đồng.
2021	Agribank thực hiện tăng vốn điều lệ lên 34.209.923.001.584 tỷ đồng theo Quyết định số 2277/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
	Hoàn thành và phát huy tốt “sứ mệnh kép” của ngân hàng thương mại Nhà nước hàng đầu Việt Nam, vừa phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, vừa phát triển kinh tế- xã hội. Ban hành Đề án Chiến lược phát triển Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
2022	Được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody’s nâng hạng tiền gửi nội tệ và nhà phát hành nội tệ/ngoại tệ từ mức “Ba3” lên mức “Ba2” với triển vọng “Ổn định”.
	Lợi nhuận đạt mốc gần 1 tỷ Đô la Mỹ; đi đầu trong thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Brand Finance xác định Agribank là thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất Việt Nam.
2023	Được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng Nhất và Kỷ niệm 35 năm ngày thành lập. Quốc hội nhất trí chủ trương bổ sung vốn điều lệ cho Agribank 17.100 tỷ đồng (Agribank đã được cấp bổ sung vốn điều lệ 6.753 tỷ đồng theo Quyết định số

NĂM	MỐC LỊCH SỬ
	1584/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 7/12/2023). Tổng Tài sản vượt mốc 2 triệu tỷ đồng.
2024	Vốn điều lệ tăng lên 51.639 tỷ đồng. Lợi nhuận vượt mốc 1 tỷ Đô la Mỹ.

➤ **Các giải thưởng và danh hiệu, xếp hạng tín nhiệm**

- 14 năm đạt TOP10 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo bảng xếp hạng VNR500.
- 04 năm đạt giải thưởng Sao Vàng đất Việt.
- 04 năm 2018, 2020, 2022 và 2024, đạt giải thưởng “Thương hiệu Quốc gia Việt Nam”.
- 04 năm đạt “Ngân hàng tiêu biểu vì Cộng đồng”; “Ngân hàng tiêu biểu về hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp công nghệ cao”; “Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng xanh”; “Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu”.
- 14 ứng dụng và hệ thống công nghệ thông tin của Agribank được vinh danh tại giải thưởng Sao Khuê cho hệ thống công nghệ thông tin xuất sắc lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và Ngân hàng số.
- Từ năm 2016 đến nay, Agribank thuộc Top đầu trong danh sách Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.
- Asian Banking & Finance trao tặng “Ngân hàng thực hiện trách nhiệm xã hội và chương trình xanh của năm” và “Ngân hàng có giải pháp thanh toán trên điện thoại tốt nhất của năm”; “Ngân hàng bán lẻ nội địa tốt nhất năm tại Việt Nam 2020”.
- 05 năm đạt TOP 10 Thương hiệu mạnh Việt Nam lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- Top 10 Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín qua nhiều năm
- 05 năm liên tiếp là ngân hàng xếp hạng cao nhất trong các ngân hàng Việt Nam tại bảng xếp hạng Thương hiệu ngân hàng giá trị nhất toàn cầu theo đánh giá của Công ty tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới Brand Finance.
- Ngân hàng có thứ hạng cao nhất trong số những ngân hàng Việt Nam tại bảng xếp hạng 500 ngân hàng hàng đầu khu vực Châu Á Thái Bình Dương về quy mô tài sản trong năm 2021 được tạp chí The Asian Banker công bố.
- Được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody’s (Fitch Ratings) nâng hạng tiền gửi nội tệ và nhà phát hành nội tệ/ngoại tệ từ mức “Ba3” lên mức “Ba2” với triển vọng “Ổn định” từ năm 2022 đến nay ; Được tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Fitch Ratings xếp hạng là nhà phát hành dài hạn ở mức BB+ với triển vọng “Ổn định” từ năm 2023 đến nay, bằng với trần xếp hạng quốc gia và là mức xếp hạng cao nhất trong số các ngân hàng tại Việt Nam.

- Giải thưởng Ngân hàng có mạng lưới ATM tốt nhất, dẫn đầu về chuyển đổi thẻ chip nội địa theo chuẩn VCCS do Công ty CP Thanh toán quốc gia Việt Nam (NAPAS) trao tặng. Giải thưởng Ngân hàng có tỷ lệ toàn vẹn dữ liệu cao nhất do Tổ chức thẻ quốc tế Mastercard vinh danh.
- Giải thưởng Ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng doanh số sử dụng thẻ ghi nợ, tăng trưởng tỷ lệ giao dịch thanh toán chạm, phát triển thẻ ghi nợ và doanh số thanh toán thẻ do các Tổ chức Thẻ quốc tế trao tặng (JCB, Visa, MasterCard).
- Agribank – Ngân hàng dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng tỉ lệ giao dịch thanh toán chạm.
- Giải thưởng Ngân hàng giao dịch trái phiếu xuất sắc năm 2022, 2023 và năm 2024 do London Stock Exchange Group (LSEG) trao tặng.
- Giải thưởng top 5 thành viên giao dịch đặc biệt có thị phần giao dịch lớn nhất năm 2022 do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam trao tặng.
- Trong nhiều năm liên tiếp, Agribank được các ngân hàng uy tín trên thế giới như J.P. Morgan, Wells Fargo, Standard Chartered Bank, Citibank và Bank of New York Mellon ghi nhận với hàng loạt giải thưởng danh giá như “Tỷ lệ điện đạt chuẩn cao” và “Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc”. Năm 2024, Agribank vinh dự được ngân hàng Wells Fargo trao tặng Giải thưởng “Công nhận đặc biệt” nhờ tỷ lệ điện đạt chuẩn STP cao, tỷ lệ điện ghi sổ cao, tỷ lệ tra soát tốt.
- Đạt 14 giải thưởng Sao Khuê từ năm 2016 đến năm 2025
- Đạt giải thưởng “Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại tệ tốt nhất Việt Nam năm 2025” do Tạp chí Asian Banking & Finance trao tặng.
- Đạt giải thưởng Top 100 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á năm 2025.

➤ **Tầm nhìn, giá trị cốt lõi, sứ mệnh, triết lý kinh doanh**

- **Tầm nhìn:** Phát triển theo hướng ngân hàng hiện đại, “tăng trưởng- an toàn- hiệu quả- bền vững”, khẳng định vai trò chủ lực trong đầu tư tín dụng phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn; đủ sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.
- **Giá trị cốt lõi:** Trung thực, Kỷ cương, Sáng tạo, Chất lượng, Hiệu quả.
- **Sứ mệnh:** Ngân hàng thương mại Nhà nước hàng đầu Việt Nam; giữ vai trò chủ lực trong đầu tư phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.
- **Triết lý kinh doanh:** Mang phồn thịnh đến khách hàng.

➤ **Trách nhiệm xã hội**

Là một trong các ngân hàng thương mại Nhà nước đóng vai trò chủ lực trong hệ thống ngân hàng, bên cạnh hoạt động kinh doanh, Agribank tích cực triển khai công tác hỗ trợ an ninh xã

hội trên khắp cả nước, thể hiện tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, góp phần tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Đảng, Nhà nước.

Hàng năm, Agribank đều dành hàng trăm tỉ đồng để thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội, tập trung vào các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, tài trợ giáo dục, y tế, giao thông nông thôn, quan tâm chia sẻ và hỗ trợ người nghèo, đồng bào vùng sâu vùng xa, dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và giảm thiểu thiệt hại thiên tai, dịch bệnh.

Trong năm 2023, từ lợi nhuận kinh doanh, Agribank đã dành hơn 388 tỷ đồng kinh phí cho các chương trình an sinh, tập trung vào các lĩnh vực giáo dục, y tế; xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết; xóa đói giảm nghèo; đền ơn đáp nghĩa; khắc phục hậu quả thiên tai. Trong đó, riêng kinh phí đầu tư cho giáo dục hơn 163 tỷ đồng; đầu tư xây dựng công trình và mua sắm thiết bị y tế hơn 39 tỷ đồng; kinh phí dành để xây dựng nhà ở cho người nghèo hơn 126 tỷ đồng; hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai hơn 3 tỷ đồng; kinh phí dành cho các hoạt động xã hội khác là hơn 55 tỷ đồng.

Tiếp tục phát huy trách nhiệm với xã hội đối với cộng đồng trong nhiều năm qua, Agribank dành nhiều nguồn lực triển khai các chương trình tài trợ cho các dự án an sinh xã hội, hỗ trợ người dân nghèo và các địa phương có hoàn cảnh khó khăn. Agribank đặc biệt chú trọng đến việc phát triển hạ tầng nông thôn, cung cấp nguồn tín dụng ưu đãi cho nông dân, doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các lĩnh vực phục vụ lợi ích cộng đồng như giáo dục, y tế và môi trường. Trong năm 2024, Agribank đã giành 686 tỷ đồng kinh phí cho các chương trình an sinh. Trong đó, tài trợ người nghèo là 317,6 tỷ đồng, tài trợ cho giáo dục là 167 tỷ đồng, an sinh xã hội là 123 tỷ đồng, tài trợ cho y tế là 41,5 tỷ đồng, tài trợ phòng chống thiên tai là 37,2 tỷ đồng.

Bước sang năm 2025, trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều thách thức, 6 tháng đầu năm 2025, Agribank đã dành tổng cộng trên 250 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội, hướng tới các nhóm yếu thế, vùng sâu vùng xa, đồng bào chịu ảnh hưởng bởi thiên tai và những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên khắp cả nước. Bên cạnh đó, với niềm tin “giáo dục là nền tảng của phát triển”, Agribank đã triển khai hàng loạt chương trình hỗ trợ giáo dục trên cả nước. Kết thúc 6 tháng đầu năm 2025, Agribank đã dành gần 34 tỷ đồng tài trợ học bổng, xây dựng cơ sở vật chất trường học, thư viện, phòng học chức năng và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

Với những đóng góp tích cực cho công tác an sinh xã hội trong nhiều năm qua, Agribank được các tổ chức trong nước và quốc tế ghi nhận là Ngân hàng vì cộng đồng; Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong thời kỳ đổi mới; Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và phát triển cộng đồng; Ngân hàng thực hiện tốt trách nhiệm xã hội khu vực Đông Nam Á... Hình ảnh thương hiệu gắn liền với dấu ấn “Agribank – Ngân hàng vì cộng đồng” đã lan tỏa mọi miền Tổ quốc, đến tận vùng sâu vùng xa, biên giới, hải đảo.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Đơn vị: Đồng

Năm	Số vốn tăng	Vốn sau khi tăng	Hình thức tăng	Căn cứ pháp lý
2011	118.470.000.000	21.160.111.522.375	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2012	4.700.000.000.000	25.860.111.522.375	Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011	Quyết định 439/QĐ – BTC ngày 2/3/2012 của Bộ Tài Chính
2012	118.470.000.000	25.978.581.522.375	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2012	100.347.057.409	26.078.928.579.784	Nguồn thu hồi nợ tồn đọng nhóm II	Quyết định số 2885/QĐ-BTC ngày 12/11/2012 của Bộ Tài Chính
2013	118.470.000.000	26.197.398.579.784	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2013	6.983.151.982	26.204.381.731.766	Tăng vốn điều lệ từ nguồn thu hồi nợ khắc phục hậu quả cơn bão số 5 năm 1997 các năm 2011, 2012, 2013.	VB 791/NHNN-TCKT ngày 23/12/2008 của NHNN
2014	2.517.400.000.000	28.721.781.731.766	Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011	Quyết định 36/QĐ – BTC ngày 14/1/2014 của Bộ Tài Chính
2014	118.470.000.000	28.840.251.731.766	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2015	44.989.628.075	28.885.241.359.841	Nguồn thu hồi nợ tồn đọng nhóm II	Quyết định 3070/QĐ-BTC ngày 01/12/2014 (BS nợ tồn đọng nhóm 2 năm 2012, 2013) của Bộ Tài chính
2015	118.400.000.000	29.003.641.359.841	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2016	4.261.641.742	29.007.903.001.583	Tăng vốn điều lệ từ nguồn thu nợ khắc phục hậu quả cơn bão số 5 năm 2014, 2015.	Hạch toán theo VB 791/NHNN-TCKT ngày 23/12/2008 của NHNN
2016	118.540.000.000	29.126.443.001.583	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	- Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 27/12/2019 (bao gồm các đợt tăng vốn năm

Năm	Số vốn tăng	Vốn sau khi tăng	Hình thức tăng	Căn cứ pháp lý
				2011 – 2016)
2017	1.109.600.000.000	30.236.043.001.583	Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011	Quyết định số 1264/QĐ-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính
2017	118.470.000.000	30.354.513.001.583	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2018	118.470.000.000	30.472.983.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2019	118.470.000.000	30.591.453.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	- Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 22/01/2021 (bao gồm các đợt tăng vốn năm 2017 – 2019)
2020	118.470.000.000	30.709.923.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	- Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính - Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 22/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ
2021	3.500.000.000.000	34.209.923.001.584	Cấp vốn bổ sung vốn điều lệ	- Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 22/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ - Quyết định số 2277/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 17/02/2021
2021	118.470.000.000	34.328.393.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2022	118.470.000.000	34.446.863.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2023	68.970.000.000	34.515.833.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2023	6.753.000.000.000	41.268.833.001.584	Cấp bổ sung vốn điều lệ	Quyết định số 1584/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 7/12/2023

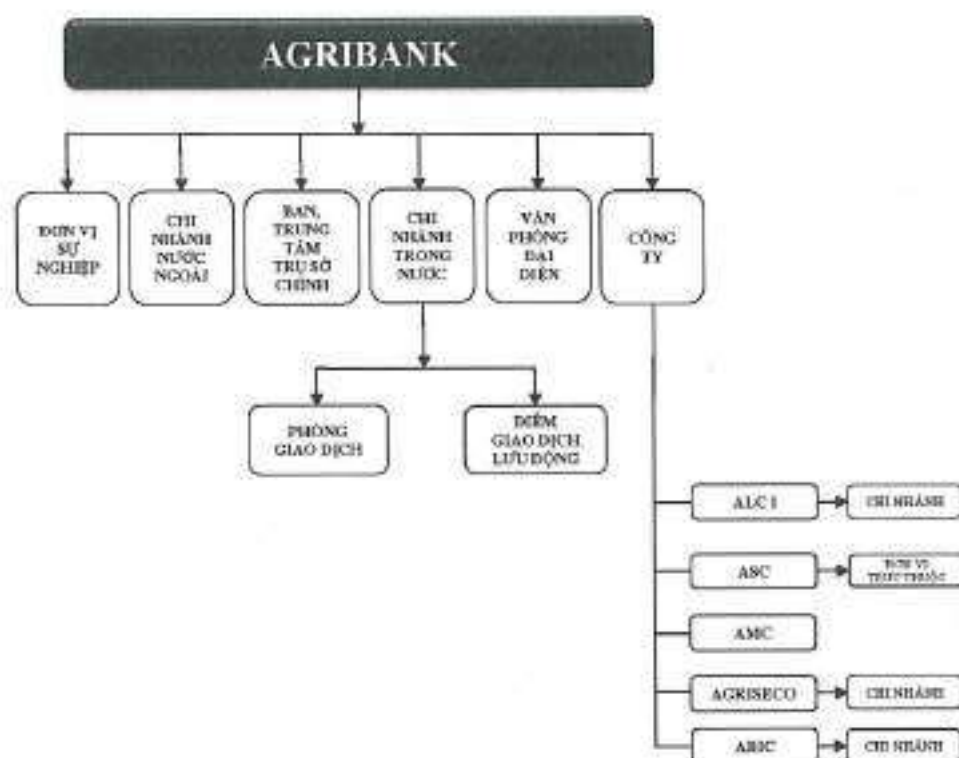
Handwritten signatures and initials:



Năm	Số vốn tăng	Vốn sau khi tăng	Hình thức tăng	Căn cứ pháp lý
2024	10.347.000.000.000	51.615.833.001.584	Cấp bổ sung vốn điều lệ	Quyết định số 1118/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/09/2023 và Quyết định số 1601/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/12/2023
2024	22.770.000.000	51.638.603.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt	- Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính - Quyết định số 651/QĐ-TTGSNH1 ngày 04/10/2024 của Ngân hàng nhà nước về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Agribank

Kể từ khi thành lập đến nay, Agribank không có lần giảm vốn điều lệ nào.

2. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức niêm yết



(Nguồn: Agribank)

❖ Đơn vị sự nghiệp

- **Trường Đào tạo cán bộ:** Trường Đào tạo cán bộ có chức năng tham mưu cho HĐQT, Tổng Giám đốc về hoạt động đào tạo; trực tiếp tổ chức triển khai các hoạt động đào tạo trong hệ thống Agribank.
- **Trung tâm Công nghệ Thông tin:** Trung tâm Công nghệ Thông tin có chức năng tham mưu cho HĐQT, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống Công nghệ thông

tin theo quy định của pháp luật, NHNN và Agribank. Thực hiện việc nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và quản trị, vận hành, giám sát các hệ thống công nghệ thông tin của Agribank.

- **Trung tâm Thẻ:** Trung tâm Thẻ Agribank có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống thẻ; tham gia kết nối thanh toán với các Tổ chức thẻ trong nước, quốc tế và các Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ và quản lý triển khai nghiệp vụ thẻ trong toàn hệ thống theo quy định của pháp luật, NHNN, Agribank và các Tổ chức thẻ trong nước, quốc tế mà Agribank là thành viên. Trực tiếp quản trị, giám sát, vận hành hệ thống thẻ, các chương trình phần mềm và thiết bị phần cứng liên quan đến hệ thống thẻ theo các quy định, quy trình nghiệp vụ.
- ❖ **Hệ thống các Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính**
 - **Ban Chính sách tín dụng:** Ban Chính sách tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành các cơ chế chính sách, quy chế, quy trình nghiệp vụ tín dụng và triển khai các chương trình tín dụng chính sách của Chính phủ, NHNN. Thực hiện xây dựng và quản lý hạn mức cấp tín dụng đối với ngành, lĩnh vực, khách hàng, nhóm khách hàng có liên quan.
 - **Ban Đầu tư và Cổ phần hóa:** Ban Đầu tư và Cổ phần hóa có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về hoạt động đầu tư (bao gồm đầu tư và quản lý vốn của Agribank đầu tư vào công ty con, doanh nghiệp khác và dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc đối tượng cơ sở ở nước ngoài); xây dựng kế hoạch, lộ trình cổ phần hóa Agribank; xây dựng phương án sử dụng các tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi dự kiến chuyển giao cho Công đoàn Agribank khi cổ phần hóa; giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, quy định của NHNN, Agribank trong quản lý hoạt động đầu tư; đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất và triển khai thực hiện công việc theo kế hoạch, lộ trình cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; triển khai các nhiệm vụ cụ thể được giao sau cổ phần hóa Agribank.
 - **Ban Công nghệ:** Ban Công nghệ có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc hoạch định, xây dựng chiến lược, kế hoạch và chương trình phát triển công nghệ thông tin trong toàn hệ thống Agribank; tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành quy chế, quy định về công nghệ thông tin; đầu mối chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện và kiểm tra, giám sát các đơn vị tại Agribank thực hiện chính sách, quy định của pháp luật, NHNN, Agribank trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
 - **Ban Định chế Tài chính:** Ban Định chế Tài chính có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, chính sách, quy chế, quy định, quy trình quản lý hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế của Agribank. Tham mưu, đề xuất quản lý, dự báo, xây dựng và tổ chức triển khai chính sách khách hàng, phát triển sản phẩm dịch vụ đối với khách hàng là định chế tài chính và kênh phân phối cung cấp sản phẩm dịch vụ cho định chế tài chính; thiết lập, duy trì, phát triển khách hàng định chế tài

chính. Tham mưu, đề xuất xây dựng quy chế, quy định, quy trình; đầu mối tiếp cận, tiếp nhận, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức quản lý nguồn vốn dự án tín dụng nước ngoài, nguồn vốn tài trợ, dự án ngân hàng phục vụ, nguồn vốn Agribank nhận ủy thác từ nước ngoài.

- **Ban Kế hoạch Chiến lược:** Ban Kế hoạch Chiến lược có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ, đề án liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác kế hoạch, cân đối các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh; xếp loại, xếp hạng Agribank theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước; xếp loại, xếp hạng các chi nhánh theo quy định của Agribank; công tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ. Tham mưu trong công tác xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh trung, dài hạn; kế hoạch kinh doanh hàng quý, năm của toàn hệ thống Agribank.
- **Ban Khách hàng cá nhân:** Ban Khách hàng cá nhân có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, dự báo, xây dựng chiến lược, chính sách khách hàng đối với khách hàng cá nhân, tổ hợp tác, hộ gia đình (sau đây gọi chung là Khách hàng cá nhân). Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, phát triển, quản lý các sản phẩm: huy động vốn, tín dụng, dịch vụ cung cấp đối với Khách hàng cá nhân; đề xuất việc phát triển các kênh phân phối để cung cấp các sản phẩm đối với Khách hàng cá nhân. Tham mưu, đề xuất trong việc thiết lập, quản lý, duy trì và phát triển Khách hàng cá nhân trong hệ thống Agribank.
- **Ban Khách hàng doanh nghiệp:** Ban Khách hàng doanh nghiệp có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, dự báo, xây dựng chiến lược, chính sách khách hàng đối với khách hàng là Doanh nghiệp và Pháp nhân khác không phải là doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Khách hàng doanh nghiệp). Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, phát triển, quản lý các sản phẩm: huy động vốn, tín dụng, dịch vụ cung cấp đối với Khách hàng doanh nghiệp; đề xuất việc phát triển các kênh phân phối để cung cấp các sản phẩm đối với Khách hàng doanh nghiệp. Tham mưu, đề xuất trong việc thiết lập, quản lý, duy trì và phát triển Khách hàng doanh nghiệp trong hệ thống Agribank.
- **Ban Kiểm tra, giám sát nội bộ:** Ban Kiểm tra, giám sát nội bộ có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Agribank đối với các hoạt động tại đơn vị; tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng giám đốc trong công tác xử lý đơn thư; phòng, chống tham nhũng tiêu cực và tội phạm.
- **Ban Ngân hàng số:** Ban Ngân hàng số có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo, điều hành và triển khai chiến lược chuyển đổi số trong toàn hệ thống Agribank; đề xuất và xây dựng giải pháp kỹ thuật để triển khai các sản phẩm liên quan đến ngân hàng số; hỗ trợ các đơn vị trong quá trình chuyển đổi số.
- **Ban Pháp chế:** Ban Pháp chế có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc về các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Agribank. Giám sát tuân thủ việc xây dựng và ban hành văn bản trong hệ thống Agribank. Quản lý,

hướng dẫn, tổ chức kiểm tra chuyên đề việc thực hiện cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban.

- **Ban Quản lý đầu tư nội ngành:** Ban Quản lý đầu tư nội ngành có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng; đầu tư, mua sắm, thuê, cho thuê và quản lý tài sản trong hệ thống Agribank. Giám sát việc thực hiện các quy định nội bộ về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng; đầu tư, mua sắm, thuê, cho thuê và quản lý tài sản trong hệ thống Agribank.
- **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực có chức năng trực tiếp tổ chức quản lý dự án theo phân công của Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và Chủ đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và Chủ đầu tư về các hoạt động của mình. Tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật và của Agribank. Thực hiện một số chức năng khác theo phân công của Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và của Chủ đầu tư đúng theo quy định của pháp luật và của Agribank.
- **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính Agribank:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính Agribank có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc triển khai dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính Agribank tại Lô 23-E3 Cầu Giấy, Hà Nội; thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án theo thẩm quyền được giao và quy định của pháp luật.
- **Ban Quản lý tài sản Nợ - tài sản Có:** Ban Quản lý tài sản Nợ - tài sản Có có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc, Hội đồng ALCO, Hội đồng quản lý vốn trong công tác ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy trình nghiệp vụ liên quan đến công tác quản lý tài sản Nợ - tài sản Có và đánh giá nội bộ về mức dư vốn của Agribank; xây dựng và vận hành cơ chế điều hành vốn nội bộ. Tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác phát triển hệ thống thông tin quản lý về mặt nghiệp vụ.
- **Ban Tài chính Kế toán:** Ban Tài chính kế toán có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước về lĩnh vực tài chính kế toán, tiền tệ kho quỹ trong hệ thống Agribank. Quản lý, giám sát, kiểm tra, tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán, tiền tệ kho quỹ trong hệ thống Agribank theo quy định của Nhà nước và quy định nội bộ của Agribank. Lập, quản lý báo cáo tài chính, báo cáo kế toán, tiền tệ kho quỹ theo quy định của Nhà nước và Agribank. Quản lý, khai thác và cung cấp thông tin số liệu kế toán tài chính, tiền tệ kho quỹ của Agribank phục vụ công tác quản trị điều hành.
- **Ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng:** Ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác phê duyệt các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền của Chi nhánh; phê duyệt Hạn mức tín dụng đối với các Định chế tài chính. Phê duyệt các khoản cấp tín dụng theo phân cấp, ủy quyền trong từng thời kỳ.

- **Ban Thư ký tổng hợp:** Ban Thư ký tổng hợp có chức năng tham mưu, giúp Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động của Agribank. Tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phân công tổ chức triển khai thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, NHNN, các cơ quan, Bộ ngành, cấp ủy Đảng và HĐQT Agribank. Tổng hợp, theo dõi, đôn đốc các cá nhân, đơn vị thành viên Trụ sở chính thực hiện chương trình công tác và các nhiệm vụ do Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng chỉ đạo; đề xuất giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định điều hành, lễ lối làm việc của các cá nhân, đơn vị thành viên Trụ sở chính theo quy định.
- **Ban Tổ chức nhân sự:** Ban Tổ chức nhân sự có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về mô hình tổ chức, mạng lưới hoạt động, công tác nhân sự, quản lý lao động, tiền lương theo phân cấp, công tác thi đua, khen thưởng và các công việc có liên quan trong hệ thống Agribank theo quy định; tham mưu HĐQT, Tổng giám đốc trong quản lý, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các quy định nội bộ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban.
- **Ban Truyền thông:** Ban Truyền thông có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về công tác truyền thông và quan hệ công chúng; phát triển thương hiệu và marketing; quản lý và phát triển văn hóa doanh nghiệp, thực hiện công tác truyền thông nội bộ trong toàn hệ thống Agribank; phối hợp tổ chức tập huấn và đào tạo theo chuyên đề, giải đáp các vướng mắc, các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban.
- **Trung tâm Phòng, chống rửa tiền Agribank:** Trung tâm Phòng, chống rửa tiền Agribank thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng giám đốc trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong hệ thống Agribank; tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng giám đốc thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; công tác phòng, chống khủng bố tại Agribank.
- **Trung tâm Chăm sóc khách hàng:** Trung tâm Chăm sóc khách hàng có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ khách hàng theo quy định của pháp luật và của Agribank. Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, thực hiện công tác chăm sóc, hỗ trợ khách hàng của Agribank; tham gia nghiên cứu, khảo sát thị trường, giới thiệu, tư vấn, quảng bá các sản phẩm dịch vụ, chương trình khuyến mại, marketing của Agribank thông qua các kênh của Trung tâm.
- **Trung tâm Dịch vụ thanh toán và Kiều hối:** Trung tâm Dịch vụ thanh toán và Kiều hối có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành quy định nội bộ về lĩnh vực thanh toán trong nước, kiều hối, chuyển tiền ngoại tệ cá nhân ra nước ngoài theo quy định của Agribank, NHNN và pháp luật; tổ chức quản lý, phát triển, triển khai sản phẩm dịch vụ thanh toán trong nước, kiều hối, chuyển tiền ngoại tệ cá nhân ra nước ngoài của Agribank.
- **Trung tâm Kinh doanh Vốn và Tiền tệ:** Trung tâm Kinh doanh Vốn và Tiền tệ có chức

năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc về chiến lược, chính sách, quy định, quy trình trong hoạt động kinh doanh vốn, ngoại tệ và phái sinh của Agribank. Trực tiếp kinh doanh vốn, ngoại tệ và phái sinh trên thị trường liên ngân hàng trong nước và quốc tế thuộc Sở kinh doanh theo quy định của pháp luật và Agribank. Thực hiện giao dịch các sản phẩm kinh doanh vốn, ngoại tệ và phái sinh cho Sở ngân hàng theo quy định.

- **Trung tâm Phê duyệt tín dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh:** Trung tâm Phê duyệt tín dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác phê duyệt cấp tín dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Thực hiện thẩm quyền phê duyệt các khoản cấp tín dụng áp dụng cho Trung tâm phê duyệt tín dụng khu vực theo quy định của HĐQT từng thời kỳ; chấp thuận chủ trương trước khi triển khai quy trình cấp tín dụng đối với các trường hợp phải trình chủ trương thuộc thẩm quyền của Trung tâm.
- **Trung tâm Quản lý nợ có vấn đề:** Trung tâm Quản lý nợ có vấn đề có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong quản lý, xử lý các khoản cấp tín dụng có vấn đề (nợ nhóm 2 đến nợ nhóm 5, nợ xử lý rủi ro và các khoản nợ khác theo quy định của Agribank trong từng thời kỳ). Tham mưu, đề xuất Hội đồng xử lý rủi ro Trụ sở chính trong việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng của Agribank.
- **Trung tâm Quản lý rủi ro phi tín dụng:** Trung tâm Quản lý rủi ro phi tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý rủi ro phi tín dụng, bao gồm: Rủi ro thị trường, rủi ro tập trung đối với hoạt động giao dịch tự doanh, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản và rủi ro hoạt động; thực hiện đo lường, theo dõi và báo cáo về quản lý rủi ro (QLRR) phi tín dụng. Tham mưu, đề xuất Hội đồng rủi ro trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về QLRR phi tín dụng theo quy định.
- **Trung tâm Quản lý rủi ro tín dụng:** Trung tâm Quản lý rủi ro tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý rủi ro (QLRR) tín dụng; quản lý rủi ro tập trung trong hoạt động cấp tín dụng (QLRR tập trung tín dụng); thực hiện đo lường, theo dõi và báo cáo về QLRR tín dụng, QLRR tập trung tín dụng. Tham mưu, đề xuất Hội đồng xử lý rủi ro Trụ sở chính và các Hội đồng khác có liên quan trong việc theo dõi, giám sát phân loại, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng và đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp của Agribank. Tham mưu, đề xuất Hội đồng rủi ro trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về QLRR tín dụng, QLRR tập trung tín dụng theo quy định.
- **Trung tâm Tài trợ thương mại:** Trung tâm Tài trợ thương mại có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai các cơ chế, quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ, chiến lược, chính sách phát triển hoạt động thanh toán, chuyển tiền quốc tế (bao gồm hoạt động thanh toán biên giới) và tài trợ thương mại đối với khách hàng là Doanh nghiệp và Pháp nhân khác không phải là doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Khách hàng doanh nghiệp). Thực hiện tác nghiệp tập trung nghiệp vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại tại Agribank đối với Khách hàng doanh nghiệp.

- **Trung tâm Thanh toán:** Trung tâm Thanh toán Agribank có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống thanh toán nội bộ, tham gia thanh toán với các tổ chức thanh toán trong nước và quốc tế; trực tiếp quản lý, giám sát về nghiệp vụ, vận hành các hệ thống/chương trình thanh toán tại Trụ sở chính theo các quy định, quy trình nghiệp vụ; thực hiện nghiệp vụ hạch toán kế toán thuộc cân đối Trụ sở chính.
- **Văn phòng Trụ sở chính:** Văn phòng Trụ sở chính có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về quản lý, vận hành công tác văn phòng tại Trụ sở chính và lĩnh vực lưu trữ trong hệ thống Agribank; tham mưu, giúp HĐQT, Tổng giám đốc trong quản lý công tác kế hoạch tài chính, tài sản và tổ chức thực hiện công tác hành chính, quản trị, lễ tân tại Trụ sở chính; tổ chức tiếp nhận, lưu trữ, quản lý, khai thác và sử dụng các tài liệu lưu trữ của Trụ sở chính Agribank; hỗ trợ, hướng dẫn và quản lý công tác lưu trữ trong toàn hệ thống Agribank.
- ❖ **Văn phòng đại diện**
 - **Văn phòng Đại diện Khu vực Miền Nam:** Thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động của các Chi nhánh trong khu vực theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị và công tác ban hành, tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác phát triển sản phẩm dịch vụ cho các chi nhánh trong khu vực, công tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ tại khu vực; đại diện theo ủy quyền và bảo vệ lợi ích của Agribank tại các tỉnh, thành phố trong khu vực.
 - **Văn phòng Đại diện Khu vực Miền Trung:** Thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động của các Chi nhánh trong khu vực theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị và công tác ban hành, tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác phát triển sản phẩm dịch vụ cho các chi nhánh trong khu vực, công tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ tại khu vực; đại diện theo ủy quyền và bảo vệ lợi ích của Agribank tại các tỉnh, thành phố trong khu vực.
 - **Văn phòng Đại diện Khu vực Tây Nam Bộ:** Thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động của các Chi nhánh trong khu vực theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị và công tác ban hành, tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác phát triển sản phẩm dịch vụ cho các chi nhánh trong khu vực, công tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ tại khu vực; đại diện theo ủy quyền và bảo vệ lợi ích của Agribank tại các tỉnh, thành phố trong khu vực.
- ❖ **Chi nhánh loại I:** Chi nhánh loại I là Chi nhánh thuộc sự quản lý, điều hành của Agribank.
- ❖ **Chi nhánh loại II:** Chi nhánh loại II là Chi nhánh thuộc sự quản lý, điều hành của

Agribank và chịu sự quản lý, điều hành của Chi nhánh loại I theo phân cấp của Agribank.

- ❖ **Phòng giao dịch:** Phòng giao dịch là loại hình Chi nhánh, được quản lý bởi một Chi nhánh của Agribank, hạch toán báo sổ, có con dấu, có địa điểm đặt trụ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở Chi nhánh quản lý; có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của Agribank theo quy định của pháp luật, NHNN.
- ❖ **Công ty con và Chi nhánh ở nước ngoài:** Công ty con và Chi nhánh ở nước ngoài hoạt động theo Điều lệ (Công ty con hoạt động theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty con, chi nhánh nước ngoài hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh nước ngoài).
- ❖ **Điểm giao dịch lưu động:** Là bộ phận thuộc cơ cấu tổ chức hoạt động của một chi nhánh Agribank, được sử dụng con dấu và tư cách pháp lý của chi nhánh trực tiếp quản lý để thực hiện một số lĩnh vực, nghiệp vụ kinh doanh theo quy định của pháp luật, NHNN và Agribank.

3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức niêm yết



(Nguồn : Agribank)

❖ **Hội đồng thành viên**

- Hội đồng thành viên gồm tất cả người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu, nhân danh Chủ sở hữu tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ sở hữu theo quy định; là cơ quan quản trị, có toàn quyền nhân danh Agribank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Agribank.
- HĐTV bao gồm tất cả các thành viên có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp HĐTV định kỳ, họp HĐTV bất thường hoặc thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
- HĐTV có nhiệm vụ xác định, quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh và các chính sách, quy chế hoạt động, cơ cấu tổ chức... của Agribank và các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Agribank.
- Các thành viên HĐTV bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Tô Huy Vũ	Chủ tịch HĐTV
Ông Phạm Toàn Vượng	Thành viên HĐTV kiêm Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Dũng	Thành viên HĐTV
Bà Nguyễn Tuyết Dương	Thành viên HĐTV
Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên HĐTV
Ông Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐTV
Ông Lê Xuân Trung	Thành viên HĐTV
Bà Từ Thị Kim Thanh	Thành viên HĐTV
Ông Phạm Đức Tuấn	Thành viên HĐTV

- ❖ **Các ủy ban giúp việc của Hội đồng thành viên bao gồm:**
- Ủy ban Đầu tư:** Ủy ban Đầu tư có chức năng tham mưu, giúp HĐTV trong hoạt động đầu tư nội ngành và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- Ủy ban Nhân sự:** Ủy ban Nhân sự có chức năng tham mưu, giúp HĐTV, Chủ tịch HĐTV trong lĩnh vực tổ chức, nhân sự, tiền lương và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- Ủy ban Chính sách:** Ủy ban Chính sách có chức năng tham mưu, giúp HĐTV trong việc ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Agribank; xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.

- Ủy ban Quản lý rủi ro: Ủy ban Quản lý rủi ro có chức năng tham mưu, giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến quản lý rủi ro và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- Ban Thư ký Hội đồng thành viên: Ban Thư ký HĐQT có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank; theo dõi, đôn đốc các cá nhân, đơn vị thực hiện nhiệm vụ do HĐQT, Chủ tịch HĐQT chỉ đạo.

❖ Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Chủ sở hữu, HĐQT.
- Thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Trọng Dường	Trưởng ban Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Lê Văn Đê	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Phạm Văn Minh	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Thái Thị An Hoa	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Lê Mạnh Thắng	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Đinh Việt Đông	Thành viên Ban kiểm soát

❖ Kiểm toán nội bộ

- Kiểm toán nội bộ là việc thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; Đánh giá độc lập về tính thích hợp và tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong hệ thống Agribank; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Agribank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
- Bộ phận Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban kiểm soát, thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ (tuyến bảo vệ thứ ba trong Hệ thống kiểm soát nội bộ của Agribank).

❖ Ban Điều hành, Kế toán trưởng

- Ban điều hành chịu trách nhiệm quản lý, điều hành công việc hàng ngày của Agribank theo Điều lệ của Agribank. Ban Điều hành chịu sự giám sát của HĐQT, Ban Kiểm soát.
- Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Phạm Toàn Vượng	Tổng Giám đốc
Ông Vương Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Chi Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Ngọc Lưu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Dự	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Hưng Quang	Kế toán trưởng

❖ **Các hội đồng giúp việc của Ban điều hành**

- **Hội đồng Rủi ro:** Hội đồng Rủi ro có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc trong việc giám sát các cá nhân, đơn vị trong việc triển khai thực hiện quản lý rủi ro của Agribank.
- **Hội đồng ALCO:** Hội đồng ALCO có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc giám sát các cá nhân, đơn vị trong việc quản lý Tài sản/Nợ phải trả của Agribank.
- **Hội đồng Quản lý vốn:** Hội đồng Quản lý vốn có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc giám sát, chỉ đạo các cá nhân, đơn vị trong việc thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của Agribank.
- **Các Hội đồng khác:** Các Hội đồng khác được thành lập và tổ chức hoạt động theo quyết định của các cấp có thẩm quyền, có chức năng tham mưu, đề xuất trong việc giám sát, điều hành các hoạt động khác của Agribank.

❖ **Đơn vị sự nghiệp:** Như trình bày tại Mục 2 Phần IV.

❖ **Hệ thống Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính:** Như trình bày tại Mục 2 Phần IV.

❖ **Văn phòng đại diện:** Như trình bày tại Mục 2 Phần IV.

❖ **Chi nhánh, Phòng giao dịch:** Như trình bày tại Mục 2 Phần IV.

❖ **Công ty con và Chi nhánh nước ngoài:** Như trình bày tại Mục 2 Phần IV.

4. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông**

4.1. **Danh sách cổ đông sáng lập**

Không có.

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/07/2025

STT	Tên cổ đông	GCNDKDN/ Mã số giao dịch	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15/SL	49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội	5.163.860.300	100%

(Nguồn: Agribank)

4.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/07/2025

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ phiếu phổ thông	5.163.860.300	100
1	Cá nhân	0	0
	Trong đó:		
A	Trong nước	0	0
B	Ngoài nước	0	0
2	Tổ chức	5.163.860.300	100
	Trong đó:		
A	Trong nước	5.163.860.300	100
B	Ngoài nước	0	0
II	Cổ phiếu ưu đãi	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0
	Tổng cộng	5.163.860.300	100

(Nguồn: Agribank)

5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

5.1. Công ty mẹ, tổ chức nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Agribank

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan nhà nước đang nắm quyền kiểm soát Agribank, cụ thể như sau:

- Tên: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)

- Địa chỉ: 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội.
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam tiền thân là Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, được thành lập ngày 06/05/1951 theo sắc lệnh số 15/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 26/10/1961, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chính:
 - NHNN là cơ quan ngang bộ của Chính phủ và là Ngân hàng trung ương của Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng Ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.
 - Hoạt động của NHNN là nhằm ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm sự an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- Vốn điều lệ: Không có, vì NHNN là cơ quan quản lý Nhà nước.
- Tỷ lệ vốn nắm giữ của NHNN tại Agribank (tại thời điểm 31/07/2025) là 100% vốn điều lệ.

5.2. Danh sách công ty con, công ty Agribank nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối tại ngày 31/07/2025

1	Công ty Cho thuê Tài chính I Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("ALCI")
	• Trụ sở chính: Số 4, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội. • Ngày thành lập: 14/07/1998. • Giấy phép thành lập và hoạt động: 238/1998/QĐ-NHNN5 ngày 14 tháng 7 năm 1998 do Thống đốc NHNN Việt Nam cấp. • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế doanh nghiệp nhà nước: 0100780297 (số đăng ký kinh doanh cũ: 0106000597) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/12/2005, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 06/12/2019. • Hoạt động kinh doanh chính: Cho thuê tài chính. • Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100%.
2	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam ("Công ty Dịch vụ")
	• Trụ sở chính: Số 10, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội. • Ngày thành lập: 15/04/2011. • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động: 0101452242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/04/2011, cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 04/8/2025. • Hoạt động kinh doanh chính: In thương mại, quảng cáo thiết kế thi công các công trình xây dựng cơ bản, đào tạo và cung cấp các dịch vụ ngân quỹ cho Ngân hàng. • Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100%.
3	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Agribank ("Agribank AMC")
	• Trụ sở chính: Tầng 8, tầng 9, số nhà 135 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành

	phố Hà Nội. • Ngày thành lập: 25/03/2013. • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động: 0106134589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/03/2013, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 04/04/2023. • Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý và khai thác tài sản. • Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100%.
4	CTCP Chứng khoán Agribank (“Agriseco”)
	• Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, phường Đồng Đa, thành phố Hà Nội. • Ngày thành lập: 04/05/2001. • Giấy phép hoạt động: 108/UBCK-GP ngày 10/7/2009 và giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 30/6/2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0101150107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/05/2001, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 21/02/2024. • Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh chứng khoán. • Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 74,92%.
5	CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (“ABIC”)
	• Trụ sở chính: Tầng 6 – Tòa nhà 29T1, Hoàng Đạo Thúy, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội. • Ngày thành lập: 18/10/2006. • Giấy chứng nhận đăng ký hoặc giấy phép hoạt động: 38/GP/KDBH ngày 18 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC9/KDBH ngày 19 tháng 02 năm 2024 do Bộ Tài chính cấp. • Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ bảo hiểm, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính. • Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 52,08%.

(Nguồn: Agribank)

5.3. Danh sách công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Agribank

Agribank là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là đơn vị đại diện vốn chủ sở hữu tại Agribank.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Agribank

6.1.1. Chủng loại và chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng cá nhân

a) Tiền gửi

Tiền gửi không kỳ hạn

- Tiền gửi thanh toán là sản phẩm tiền gửi mà theo đó khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để thực hiện các dịch vụ chuyển khoản, thanh toán và sử dụng các dịch vụ tiện ích

gia tăng khác của Agribank, bao gồm: dịch vụ thu ngân sách Nhà nước, dịch vụ thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, học phí, viễn thông...; dịch vụ nhờ thu tự động, kết nối quản lý tài khoản và thanh toán chứng khoán, chuyển và nhận tiền kiều hối; chuyển nhận tiền nhiều nơi, gửi rút tiền nhiều nơi; chuyển, nhận tiền trong nước và quốc tế cho khách hàng cá nhân không cần tài khoản; chuyển nhận tiền, thanh toán không dùng tiền mặt; thấu chi tài khoản; phát hành thẻ; đăng ký sử dụng dịch vụ khác: Mobile banking, eBanking,... Trong năm 2021, Agribank chính thức triển khai dịch vụ đăng ký mở tài khoản thanh toán trực tuyến bằng phương thức điện tử (eKYC) trên ứng dụng Agribank Plus. Agribank triển khai dịch vụ mở tài khoản thanh toán trực tuyến bằng phương thức điện tử (eKYC) trên Kiosk ngân hàng số (Kiosk Agribank Digital) từ năm 2022. Từ tháng 10/2024, Agribank triển khai Dịch vụ đăng ký mã định danh tài khoản (Alias) trên ứng dụng Agribank Plus. Ngày 01/11/2024, phân hệ OSB, dịch vụ mở và sử dụng tài khoản Plus trên ứng dụng Agribank Plus chính thức được triển khai tới toàn bộ khách hàng. Đây là một trong những giải pháp quan trọng giúp giảm tải cho hệ thống Corebanking, tăng năng lực xử lý của hệ thống, đáp ứng nhu cầu giao dịch trực tuyến ngày càng tăng của khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần phát triển số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ, giữ vững và mở rộng thị phần của Agribank.

- *Tiết kiệm không kỳ hạn* là hình thức gửi tiền tiết kiệm mà khách hàng có thể rút tiền theo yêu cầu mà không cần báo trước vào bất kỳ ngày làm việc nào của Agribank và gửi thêm tiền không giới hạn số lần gửi tại bất kỳ thời điểm nào dưới nhiều hình thức: trực tiếp tại quầy, chuyển khoản tại quầy, chuyển khoản qua E-banking, ủy quyền cho Agribank trích tiền từ tài khoản tiền gửi thanh toán. Khách hàng được rút tiền không giới hạn tại bất cứ Đơn vị giao dịch tiết kiệm nào; dịch vụ thông tin tài khoản qua Mobile Banking.
- *Tiền gửi linh hoạt* là tiền gửi không kỳ hạn, trong đó khách hàng gửi tiền vào tài khoản và rút tiền một cách linh hoạt dưới nhiều hình thức; áp dụng lãi suất thả nổi bậc thang lũy tiến theo số dư bình quân tháng trên tài khoản tiền gửi linh hoạt, không vượt trần lãi suất huy động của NHNN từng thời kỳ và được niêm yết công khai tại các Điểm giao dịch.

Tiền gửi có kỳ hạn

- *Tiết kiệm có kỳ hạn*: Là sản phẩm tiết kiệm có kỳ hạn cho khách hàng cá nhân với đa dạng kỳ hạn gửi, kỳ hạn linh lái (như tiết kiệm có kỳ hạn trả lãi sau toàn bộ, trả lãi sau định kỳ, trả lãi trước toàn bộ, trả lãi trước định kỳ) và các tiện ích kèm theo như: giao dịch tại bất kỳ chi nhánh/phòng giao dịch của Agribank; được chuyển quyền sở hữu khi sổ tiết kiệm chưa đến hạn thanh toán; được bảo hiểm theo quy định của bảo hiểm tiền gửi, bảo mật số dư tiền gửi; được sử dụng số dư để cầm cố vay vốn, chứng minh tài chính, được lựa chọn phương thức thanh toán lãi, được tham gia các chương trình dự thưởng của Agribank, dịch vụ tài khoản qua Mobile Banking, eBanking...
- *Tiết kiệm có kỳ hạn lãi suất thả nổi*: Là sản phẩm tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn lãi suất được tự động điều chỉnh phù hợp với lãi suất thị trường và theo quy định của Agribank theo từng thời kỳ. Theo đó khách hàng có thể yên tâm gửi tiền khi có biến động về lãi suất trên thị trường. Các tiện ích khác tương tự với sản phẩm *tiết kiệm có kỳ hạn*.

- *Tiết kiệm linh hoạt*: Là sản phẩm huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, theo đó trong kỳ hạn gửi, khách hàng có thể rút trước hạn một phần hoặc toàn bộ tiền gốc. Phần tiền gửi rút trước hạn khách hàng được hưởng lãi suất không kỳ hạn. Số tiền gốc còn lại khách hàng được hưởng nguyên lãi suất khi gửi tiền.
- *Tiết kiệm gửi góp theo định kỳ*: là hình thức gửi tiền tiết kiệm tích lũy có kỳ hạn với tổng số tiền tích lũy cố định, theo đó khách hàng gửi tiền nhiều định kỳ (theo tháng) một số tiền cố định vào tài khoản tiết kiệm gửi góp dưới nhiều hình thức: gửi tiền bằng tiền mặt/chuyển khoản (Ủy nhiệm chi/quia E-Banking/ủy quyền cho Agribank tự động hàng tháng trích tiền tự động từ tài khoản thanh toán). Khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để xác nhận khả năng tài chính và được bảo hiểm theo quy định của Bảo hiểm tiền gửi; bảo mật số dư và thông tin tài khoản.
- *Tiết kiệm gửi góp không theo định kỳ*: Là hình thức gửi tiền tích lũy, theo đó trong kỳ hạn đăng ký gửi khách hàng có thể chủ động gửi tiền thành nhiều lần không theo định kỳ, với số tiền gửi mỗi lần không cố định, khách hàng rút gốc và lãi một lần khi đến hạn. Các tiện ích khác tương tự với sản phẩm *tiết kiệm gửi góp theo định kỳ*.
- *Các sản phẩm tiền gửi được thiết kế cho từng nhóm đối tượng khách hàng đặc thù*: Ngoài các sản phẩm nêu trên, Agribank còn có các sản phẩm được thiết kế để phù hợp với từng nhóm đối tượng khách hàng như *Tiết kiệm An sinh*, *Tiết kiệm Học đường*, *Tiết kiệm hưu trí* để giúp khách hàng đạt được các kế hoạch tài chính cụ thể như tích lũy tài chính, đáp ứng nhu cầu học tập, cuộc sống khi về hưu; sản phẩm *Tiết kiệm Tích lũy Kiều hối* hướng đến khách hàng là các đối tượng đi lao động, học tập và làm việc tại nước ngoài có nhu cầu tích lũy tiền lương chuyển về Việt Nam để gửi tiết kiệm cho chính khách hàng hoặc người thân.
- *Tiền gửi có kỳ hạn*: Agribank cung cấp đa dạng kỳ hạn gửi và định kỳ trả lãi (Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau định kỳ; Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi trước toàn bộ; Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau toàn bộ).

Tiền gửi trực tuyến: Ngoài kênh giao dịch truyền thống, Agribank đã phát triển các sản phẩm Tiền gửi Trực tuyến, Tiền gửi Tích lũy trực tuyến, Tiền gửi rút gốc linh hoạt, Tiền gửi trực tuyến trả lãi sau định kỳ trên các kênh số như Agribank Plus, Agribank eBanking, Agribank Digital nhằm đáp ứng nhu cầu gửi tiền online ngày càng được khách hàng ưa chuộng, phù hợp với xu thế số hóa trong hoạt động ngân hàng.

Giấy tờ có giá gồm: Trái Phiếu, Chứng chỉ tiền gửi được Agribank phát hành trong từng thời kỳ với kỳ hạn đa dạng và lãi suất hấp dẫn.

b) Tín dụng

Các sản phẩm cho vay do Agribank cung cấp rất đa dạng, phong phú đặc biệt đối với các khách hàng cá nhân vay vốn tiêu dùng, đời sống và sản xuất kinh doanh cụ thể:

- *Cho vay tiêu dùng*: Là giải pháp tài chính đối với các khách hàng cá nhân có nhu cầu vay vốn để đáp ứng nhu cầu chi tiêu cá nhân, phục vụ nhu cầu đời sống như: Cho vay mua sắm hàng tiêu dùng vật dụng gia đình; cho vay xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp,

mua nhà ở đối với dân cư; cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài; cho vay cầm cố giấy tờ có giá; cho vay mua phương tiện đi lại; cho vay tiêu dùng đối với khách hàng cá nhân, hộ gia đình nhằm hạn chế tin dụng đen. Agribank không ngừng phát triển thêm nhiều sản phẩm, chương trình ưu đãi dành riêng cho đối tượng khách hàng cá nhân, đáp ứng nhu cầu vay tiêu dùng cho khách hàng.

- *Cho vay sản xuất kinh doanh:* Là giải pháp tài chính đáp ứng nhu cầu đối với khách hàng cá nhân và hộ gia đình phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với các nhu cầu đa dạng như: Bán buôn, bán lẻ, xuất nhập khẩu; hàng không, vận tải kho bãi, du lịch, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, công nghệ chế biến chế tạo; hoạt động sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, chuỗi cung ứng hàng hóa, sản xuất, mua bán nguyên vật liệu, đầu tư máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp... Là Ngân hàng phục vụ đối tượng khách hàng đa dạng từ thành thị đến nông thôn do đó các sản phẩm Agribank đưa ra đều phù hợp cả về phương thức vay và Chương trình cho vay.
- *Chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác:* Agribank mua công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác từ người thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán. Công cụ chuyển nhượng bao gồm Hối phiếu đòi nợ; Hối phiếu nhận nợ; Séc; Các loại công cụ chuyển nhượng khác theo quy định của pháp luật. Các giấy tờ có giá khác bao gồm Tín phiếu NHNN; Trái Phiếu Chính phủ; Trái Phiếu được Chính phủ bảo lãnh; Trái Phiếu Chính quyền địa phương được NHNN cho phép tham gia thị trường mở; Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, Trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành theo quy định của NHNN; Kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu do tổ chức khác phát hành và được chiết khấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
- *Bảo lãnh:* Agribank cung cấp các loại hình bảo lãnh đa dạng như: Bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh đối ứng, xác nhận bảo lãnh, bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm, đồng bảo lãnh và các bảo lãnh khác theo yêu cầu của khách hàng.
- c) **Dịch vụ thanh toán:** Agribank cung cấp các dịch vụ thanh toán đa dạng, đáp ứng tối ưu mọi nhu cầu thanh toán và quản lý dòng tiền của khách hàng cá nhân. Theo đó khách hàng cá nhân có thể thực hiện các dịch vụ: Thanh toán, chuyển tiền, nộp ngân sách Nhà nước, thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, học phí, viễn thông...; dịch vụ nhờ thu tự động, Séc, nhờ thu, kết nối quản lý tài khoản và thanh toán chứng khoán, chuyển và nhận tiền kiều hối; chuyển nhận tiền nhiều nơi, gửi rút tiền nhiều nơi; chuyển, nhận tiền trong nước và quốc tế... Khách hàng có thể thực hiện các giao dịch thanh toán qua các kênh giao dịch khác nhau của Agribank (tại quầy, Điểm giao dịch lưu động, Agribank Plus, Agribank eBanking, ATM, CDM, POS).

Agribank liên tục mở rộng, gia tăng tiện ích dịch vụ và số hóa các giao dịch cho khách hàng cá nhân thông qua liên kết trực tuyến với các fintech, sàn thương mại điện tử, ví điện tử, trung gian thanh toán...; triển khai các giải pháp thanh toán hỗ trợ lĩnh vực nông nghiệp nông thôn như ứng dụng QR code cho Chợ dân sinh không dùng tiền mặt, kết nối các ứng dụng quản lý bán hàng cho hộ kinh doanh, triển khai dịch vụ loa báo có, biến động số dư; triển khai các gói

sản phẩm dịch vụ ngân hàng mở như sao kê điện tử, QR tính, QR động...

Đến ngày 31/7/2025, đối với lĩnh vực y tế, giáo dục và dịch vụ, Agribank đã triển khai kết nối tới hơn 14 nghìn đơn vị cung cấp dịch vụ, trong đó có gần 13 nghìn trường học các cấp và 149 Bệnh viện – Trung tâm y tế. Giao dịch thanh toán hóa đơn hàng năm đạt trên 75 triệu giao dịch, tổng giá trị đạt trên 75 ngàn tỷ đồng.

d) Dịch vụ ngân hàng điện tử

Dịch vụ ngân hàng điện tử là dịch vụ ngân hàng Agribank cung cấp cho khách hàng cá nhân, theo đó khách hàng cá nhân có thể thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm:

- *Dịch vụ Agribank Plus*: Là dịch vụ do Agribank cung cấp, cho phép khách hàng thực hiện giao dịch với Agribank thông qua chương trình phần mềm phiên bản ứng dụng được cài đặt trên các thiết bị di động có kết nối mạng internet hoặc phiên bản web truy cập trên trình duyệt web của các thiết bị di động hoặc máy tính.
- *Dịch vụ SMS Banking*: Là dịch vụ do Agribank cung cấp, cho phép khách hàng thực hiện giao dịch với Agribank thông qua tin nhắn điện thoại di động hoặc thiết bị có chức năng nhắn tin khác, nhận tin nhắn biến động số dư, tra cứu và thanh toán một số dịch vụ nhất định.
- *Dịch vụ thương mại điện tử (e-Commerce)*: Là dịch vụ cho phép khách hàng có tài khoản thanh toán mở tại Agribank thực hiện đăng ký các dịch vụ trực tuyến trên kênh điện tử (như liên kết ví điện tử); thanh toán trực tuyến cho các giao dịch mua hàng hóa/dịch vụ có kết nối hệ thống với Agribank và sử dụng các dịch vụ khác do Agribank cung cấp trong từng thời kỳ.
- *Dịch vụ Agribank eBanking*: Là dịch vụ ngân hàng điện tử do Agribank cung cấp cho khách hàng thông qua hệ thống Agribank eBanking, bao gồm các kênh sau:
 - + Qua website tại địa chỉ <https://ebanking.agribank.com.vn>;
 - + Qua ứng dụng *Agribank Retail eBanking* dành cho khách hàng cá nhân được cài đặt trên điện thoại thông minh/máy tính bảng.
- *Dịch vụ Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital)*: Là mô hình ngân hàng tự động 24/7, bao gồm thiết bị phần cứng và giải pháp phần mềm, có chức năng định danh, nhận diện khách hàng bằng công nghệ sinh trắc học để được thực hiện các dịch vụ theo quy định của Agribank.

e) Thẻ

Agribank cung cấp đa dạng các loại thẻ và dịch vụ thẻ cho khách hàng cá nhân, các sản phẩm thẻ hiện nay của Agribank cung cấp cho khách hàng cá nhân bao gồm:

- *Thẻ ghi nợ nội địa*: Là thẻ ghi nợ do Agribank phát hành cho chủ thẻ để thực hiện giao dịch trong phạm vi số tiền và/hoặc hạn mức thấu chi (nếu có) trên tài khoản thanh toán của chủ thẻ mở tại Agribank. Thẻ ghi nợ nội địa có thể thực hiện giao dịch thẻ trong lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam trong trường hợp giao dịch tại Tổ chức thanh

toán thẻ nước ngoài kết nối qua NAPAS. Thẻ ghi nợ nội địa kết nối với trung gian thanh toán Ví điện tử để thực hiện các dịch vụ liên kết, nạp rút Ví và thanh toán hàng hóa dịch vụ bằng thẻ đã liên kết... Hiện nay, thẻ ghi nợ nội địa của Agribank bao gồm: Thẻ ghi nợ nội địa hạng chuẩn – Success; Thẻ ghi nợ nội địa hạng chuẩn Lộc Việt; Thẻ ghi nợ nội địa hạng vàng – Plus success, First Class; Thẻ liên kết sinh viên; Thẻ liên kết thương hiệu Co-brand Card.

- *Thẻ ghi nợ quốc tế:* Là thẻ ghi nợ do Agribank phát hành cho chủ thẻ để thực hiện giao dịch thẻ trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam. Thẻ ghi nợ quốc tế của Agribank bao gồm các sản phẩm thẻ: Thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu Visa (hạng chuẩn, hạng vàng), thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu MasterCard (hạng chuẩn, hạng vàng (chỉ phát hành thẻ phi vật lý)), thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu JCB (hạng vàng).
- *Thẻ tín dụng quốc tế:* Là thẻ cho phép chủ thẻ sử dụng trong phạm vi hạn mức tín dụng do Agribank cấp. Thẻ tín dụng được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; ứng tiền mặt; không được sử dụng thẻ tín dụng để chuyển khoản (hoặc ghi Có) vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước. Thẻ tín dụng quốc tế của Agribank bao gồm các sản phẩm: Thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu Visa (hạng chuẩn, hạng vàng), thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu Mastercard (hạng vàng, hạng bạch kim, hạng kim cương), thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu JCB (hạng vàng, hạng bạch kim).
- *Thẻ phi vật lý:* Là thẻ không hiện hữu bằng hình thức vật chất, tồn tại dưới dạng điện tử và chứa các thông tin trên thẻ cho phép chủ thẻ giao dịch trên môi trường Internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động; không bao gồm các trường hợp thẻ vật lý có đăng ký chức năng để giao dịch trên môi trường Internet, các chương trình ứng dụng trên thiết bị di động. Hiện nay, Agribank đang triển khai 03 sản phẩm thẻ phi vật lý gồm: Thẻ phi vật lý ghi nợ nội địa (Dcard), Thẻ phi vật lý ghi nợ quốc tế thương hiệu MasterCard (Vcard), Thẻ phi vật lý ghi nợ quốc tế thương hiệu JCB (Jcard)".
- *Thẻ Lộc Việt:* Là sản phẩm thẻ chip nội địa theo chuẩn VCCS được phát triển trên nền tảng công nghệ hiện đại tích hợp 02 ứng dụng thẻ ghi nợ nội địa và thẻ tín dụng nội địa trên cùng một chip.
- *Thẻ trả trước:* Là thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi giá trị tiền được nạp vào thẻ tương ứng với số tiền đã trả trước cho Tổ chức phát hành thẻ. Thẻ trả trước bao gồm: Thẻ trả trước định danh (có các thông tin định danh chủ thẻ) và thẻ trả trước vô danh (không có các thông tin định danh chủ thẻ).
- f) **Dịch vụ chuyển tiền ngoại tệ cá nhân và kiều hối:** đáp ứng nhu cầu của khách hàng như chuyển học phí, sinh hoạt phí cho học sinh du học, chuyển tiền phục vụ khám, chữa bệnh ở nước ngoài, trợ cấp cho thân nhân ở nước ngoài ... và mục đích khác theo quy định của pháp luật; dịch vụ nhận và chi trả kiều hối qua Western Union, qua hệ thống SWIFT, chi trả kiều hối với các đối tác song phương tại các thị trường: Mỹ, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản...

g) Dịch vụ liên kết ngân hàng – bảo hiểm – chứng khoán, liên kết khác

Bảo hiểm phi nhân thọ: Agribank phối hợp với Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC) phân phối đa dạng các sản phẩm bảo hiểm nhằm bảo vệ khách hàng trước các rủi ro về sức khỏe, thiệt hại về tài sản, những tổn thất khác hoặc trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba, đáp ứng nhu cầu của khách hàng cá nhân như: Bảo an tín dụng, Bảo an chủ thẻ, Bảo an tài khoản, Bảo hiểm xe cơ giới, Bảo hiểm toàn diện nhà tư nhân, Bảo hiểm cháy nổ, Bảo hiểm tài sản hàng hóa, tàu thuyền... Năm 2025, Agribank đã phối hợp với ABIC triển khai sản phẩm bảo hiểm Bảo an tiết kiệm giúp bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tiền gửi cho khách hàng gửi tiền tại Agribank. Để khách hàng có thể dễ dàng lựa chọn và tham gia sản phẩm bảo hiểm, Agribank đã phối hợp với ABIC triển khai cung cấp dịch vụ đại lý bảo hiểm trên kênh phân phối trực tiếp tại các chi nhánh, phòng giao dịch Agribank trên toàn quốc và kênh phân phối qua ứng dụng Agribank Plus (đối với sản phẩm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự xe ô tô, xe máy, bảo hiểm Bảo an tài khoản).

Bảo hiểm nhân thọ: Agribank triển khai hợp tác với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam (FWD) phân phối các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ của FWD giúp bảo vệ sức khỏe, tài chính cho khách hàng trước những rủi ro, gia tăng tài sản. Sản phẩm được phân phối qua hệ thống chi nhánh, phòng giao dịch Agribank trên toàn quốc.

Chứng khoán: Agribank hợp tác với Agriseco triển khai dịch vụ chứng khoán Agriseco trên ứng dụng Agribank Plus như dịch vụ mở tài khoản, nạp tiền chứng khoán, giao dịch, đầu tư trái phiếu, tư vấn đầu tư...

Dịch vụ liên kết khác: Agribank triển khai dịch vụ thu hộ tiền bán vé máy bay ...

Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng tổ chức
a) Nhóm sản phẩm huy động vốn

- **Tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi thanh toán)** là sản phẩm tiền gửi mà theo đó khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để thực hiện các dịch vụ chuyển khoản, thanh toán và đăng ký sử dụng các dịch vụ tiện ích gia tăng khác của Agribank.
- **Tiền gửi rút gốc linh hoạt:** là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn, theo đó trong thời hạn gửi tiền, bên gửi tiền có thể rút một phần hoặc toàn bộ số tiền gửi trước hạn.
- **Tiền gửi có kỳ hạn:** Doanh nghiệp có thể chủ động lựa chọn kỳ hạn gửi tiền với đa dạng hình thức lĩnh lãi: trả lãi trước/sau toàn bộ hoặc theo định kỳ khách hàng đăng ký. Khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để vay vốn tại Agribank theo quy định từng thời kỳ.
- **Tiền gửi Tích lũy:** Là hình thức gửi tiền có kỳ hạn của khách hàng tổ chức, theo đó khách hàng được gửi thêm tiền vào tài khoản không theo định kỳ (gửi tiền tại bất kỳ thời điểm nào trong thời gian giao dịch của ngân hàng mà không cần theo định kỳ), phù hợp với các doanh nghiệp muốn tích lũy một khoản vốn để thực hiện kế hoạch mua sắm tài sản hoặc đầu tư dự án trong tương lai.
- **Tiền gửi trực tuyến:** Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau được thực hiện trên kênh Agribank eBanking của Agribank.

- *Tiền gửi đầu tư tự động*: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, trả lãi sau toàn bộ. Theo đó khách hàng ủy quyền cho Agribank tự động đầu tư số tiền tạm thời nhận rồi từ tài khoản thanh toán sang tài khoản tiền gửi đầu tư tự động. Hết thời hạn gửi tiền, tổng số tiền gốc và lãi của tài khoản tiền gửi đầu tư tự động được tự động chuyển về tài khoản thanh toán của khách hàng khi gửi tiền.
- *Giấy tờ có giá*: bao gồm Trái Phiếu, chứng chỉ tiền gửi được Agribank phát hành trong từng thời kỳ với kỳ hạn đa dạng và lãi suất hấp dẫn.
- *Tiền gửi rút gốc linh hoạt trực tuyến đối với khách hàng tổ chức trên kênh ngân hàng điện tử (E-Banking)*: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn áp dụng đối với khách hàng tổ chức thực hiện trên E-Banking, theo đó trong thời hạn gửi tiền, Bên gửi tiền (khách hàng) có thể rút một phần hoặc toàn bộ số tiền gửi trước ngày đến hạn và được hưởng mức lãi suất tối đa bằng mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất tương ứng với thời gian thực gửi và số tiền rút trước hạn. Số tiền còn lại rút đúng hạn được duy trì mức lãi suất đã thỏa thuận khi khách hàng gửi tiền.
- *Tiền gửi trả lãi sau định kỳ trực tuyến đối với khách hàng tổ chức trên kênh ngân hàng điện tử (E-Banking)*: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau định kỳ áp dụng đối với khách hàng tổ chức được thực hiện trên E-Banking, theo đó khách hàng gửi tiền được Agribank trả lãi sau theo định kỳ đã đăng ký và được rút gốc một lần khi đến hạn; khách hàng mở và đóng tài khoản qua E-Banking mà không cần trực tiếp đến quầy giao dịch.

b) Tín dụng khách hàng pháp nhân

- *Cho vay*, bao gồm:
 - + Cho vay từng lần, cho vay hạn mức tín dụng: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã/ liên hiệp hợp tác xã cần vốn cho chi phí sản xuất, kinh doanh.
 - + Cho vay theo dự án đầu tư: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã/ liên hiệp hợp tác xã cần vốn phục vụ chi phí đầu tư tài sản cố định như máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ để thực hiện dự án.
 - + Cho vay dự án cơ sở hạ tầng: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã/ liên hiệp hợp tác xã cần vốn để thực hiện các dự án hoặc phương án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.
 - + Cho vay hợp vốn: Agribank cùng một hoặc một số tổ chức tín dụng khác thực hiện cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của doanh nghiệp.
 - + Cho vay theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã/ liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu sử dụng vốn vay cho chi phí sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn.
 - + Cho vay các dự án theo chỉ định của Chính phủ: Agribank hỗ trợ chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh thuộc các dự án bằng nguồn vốn chỉ định của Chính phủ cho khách

hàng doanh nghiệp có nhu cầu, đáp ứng đủ điều kiện vay vốn của dự án.

- + Cho vay theo dự án, chương trình bằng vốn tài trợ nước ngoài: Agribank hỗ trợ khách hàng doanh nghiệp chi phí phục vụ tiêu dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc dự án chương trình được tài trợ bằng vốn nước ngoài.
- **Bảo lãnh:** Agribank cung cấp các loại hình bảo lãnh đa dạng như: Bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh đối ứng, xác nhận bảo lãnh, bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm, đồng bảo lãnh và các bảo lãnh khác theo yêu cầu của khách hàng.
- **Chiết khấu công cụ chuyển nhượng giấy tờ có giá khác:** Agribank nhận chiết khấu tối đa bằng nhu cầu của khách hàng doanh nghiệp là chủ sở hữu công cụ chuyển nhượng (bao gồm: hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ, séc và các loại công cụ chuyển nhượng khác theo quy định của pháp luật) và/hoặc giấy tờ có giá khác (bao gồm: Tín phiếu NHNN; Trái phiếu Chính phủ; Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; Trái phiếu Chính quyền địa phương được NHNN cho phép tham gia thị trường mở; Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu; Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức khác phát hành và được chiết khấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
- c) **Dịch vụ thanh toán trong nước:** bao gồm dịch vụ gửi rút nhiều nơi; dịch vụ chuyển nhận nhiều nơi (Agri-Pay); cung ứng séc trong nước, thanh toán thu hộ séc; thanh toán hóa đơn; thu hộ, chi hộ với đối tác (đơn vị quản lý tài chính công, đơn vị sự nghiệp, tổ chức, doanh nghiệp, định chế tài chính); thu ngân sách nhà nước; kết nối thanh toán với khách hàng; quản lý vốn tập trung; số phụ điện tử; thu, chuyển trả kinh phí công đoàn; chuyển nhận tiền trong nước, thu bảo hiểm.
- d) **Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại**
 - Agribank hiện đang cung cấp 42 sản phẩm dịch vụ liên quan đến thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại cho khách hàng pháp nhân, với các sản phẩm vượt trội trong lĩnh vực thanh toán xuất nhập khẩu, như: L/C, nhờ thu, bảo lãnh, thương lượng thanh toán Bộ chứng từ theo L/C xuất khẩu, ứng trước tiền theo bộ chứng từ nhờ thu, L/C Discounting on Applicant's cost, UPAS L/C (hình thức L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả ngay) với sự tham gia tài trợ của 28 ngân hàng đại lý lớn (Wells Fargo, JP Morgan Chase, Standard Chartered, Shinhan Bank, Citi Bank ...), tài trợ thanh toán nhập khẩu đối với hàng hóa là nông sản Mỹ theo chương trình GSM – 102 của Bộ Nông nghiệp Mỹ ... Agribank là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam vận hành SWIFT GPI (Global Payments Innovation) – Sáng kiến đổi mới toàn cầu của Tổ chức SWIFT, sử dụng phương thức API với phần mềm SWIFT Microgateway hiện đại nhất.
 - Trên cơ sở hợp tác với các định chế tài chính lớn tại Trung Quốc và Lào, Agribank đã và đang cung cấp dịch vụ thanh toán biên giới cho các khách hàng có hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc bằng VND và CNY, qua biên giới Việt Nam – Lào bằng VND và LAK.
 - Cung cấp các dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại đến các tổ chức tín dụng

trong và ngoài nước như: dịch vụ tài khoản, thu hộ chi hộ; thông báo, xác nhận L/C cho khách hàng của Agribank; phát hành bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng.

e) Mua bán ngoại tệ

Bao gồm mua bán ngoại tệ giao ngay, mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ.

f) Thẻ tín dụng công ty

- Đơn vị chấp nhận thanh toán là tổ chức, cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt theo hợp đồng ký kết với Agribank. Trở thành Đơn vị chấp nhận thanh toán của Agribank mang đến các lợi ích như: Sử dụng phương thức thanh toán hiện đại qua đó thu hút thêm khách hàng, giảm thiểu rủi ro về tiền giả, tiền rách, kiểm đếm, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tham gia các chương trình marketing, khuyến mại, quảng bá thương hiệu do Agribank triển khai ...
- Dịch vụ chi lương qua tài khoản phát hành thẻ: Dịch vụ chi lương của Agribank là dịch vụ tự động chi trả lương cán bộ, nhân viên phát hành thẻ Agribank từ tài khoản của doanh nghiệp mở tại Agribank.
- Thẻ công ty: Là thẻ tín dụng do tổ chức là pháp nhân đứng tên đề nghị Agribank phát hành và ủy quyền cho người thuộc tổ chức mình sử dụng. Pháp nhân đứng tên đề nghị phát hành thẻ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản chi tiêu, lãi và phí phát sinh liên quan đến sử dụng thẻ. Mỗi pháp nhân có thể phát hành một hoặc nhiều thẻ công ty theo chỉ định cụ thể của pháp nhân đó. Thẻ công ty không có thẻ phụ.

g) Dịch vụ ngân hàng điện tử

Dịch vụ ngân hàng điện tử là dịch vụ ngân hàng được thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm:

- *Dịch vụ SMS Banking*: Với dịch vụ SMS Banking, khách hàng có thể vẫn tin số dư tài khoản của mình, được tự động thông báo biến động số dư.
- *Dịch vụ Agribank eBanking*: Là dịch vụ ngân hàng điện tử do Agribank cung cấp cho khách hàng thông qua hệ thống Agribank eBanking, bao gồm các kênh sau:
 - + Qua website tại địa chỉ <https://ebanking.agribank.com.vn/corporate/>; và/hoặc
 - + Qua ứng dụng *Agribank Corporate eBaking* dành cho khách hàng tổ chức được cài đặt trên điện thoại thông minh/máy tính bảng.
- Dịch vụ Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital): Là môi hình ngân hàng tự động giao dịch 24/7, bao gồm thiết bị phần cứng và giải pháp phần mềm, có chức năng định danh, nhận diện khách hàng bằng công nghệ sinh trắc học để thực hiện các dịch vụ theo quy định của Agribank bao gồm các cấu phần: Kiosk, ATM/CMD, và hệ thống Web Admin và Web Counter.

h) Dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ

Agribank cung cấp các loại hình dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ đa dạng như: Thu đổi

tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông; Kiểm đếm, giao nhận tiền mặt với khách hàng; Thu chi tiền mặt lưu động tại địa chỉ của khách hàng; Thu tiền theo tài niêm phong; Dịch vụ bảo quản tài sản; Dịch vụ cho thuê tủ/két an toàn...

i) Dịch vụ liên kết khác

Dịch vụ thu hộ tiền bán vé máy bay, Dịch vụ liên kết Ngân hàng – Bảo hiểm (Bảo hiểm ô tô; Bảo hiểm tài sản; Bảo hiểm cháy nổ ...).

6.1.2. Hoạt động huy động vốn

Xác định huy động vốn là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quản trị điều hành hoạt động kinh doanh, Agribank đã tập trung chỉ đạo, linh hoạt điều hành công tác huy động vốn phù hợp với tình hình thị trường, đảm bảo nguồn vốn cho tăng trưởng tín dụng theo đúng định hướng; triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, quyết liệt để huy động nguồn vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế; đa dạng hóa sản phẩm huy động vốn, phát huy công tác quản lý vốn huy động tập trung tại Trụ sở chính đối với nguồn tiền gửi lớn của các tổ chức, tập đoàn kinh tế lớn; thường xuyên theo dõi tình hình cân đối vốn và sử dụng vốn của toàn hệ thống, đảm bảo thanh khoản và cân đối đủ vốn để cho vay; kiểm soát và điều hành tăng trưởng vốn huy động phù hợp tốc độ và cơ cấu tăng trưởng tín dụng; thực hiện điều chuyển kịp thời vốn thanh toán và vốn tiền mặt trong hệ thống, đáp ứng nhu cầu hoạt động của các chi nhánh Agribank.

Phát huy thế mạnh về mạng lưới, nguồn vốn huy động của Agribank tiếp tục tăng trưởng ổn định, khẳng định mức độ tín nhiệm lớn của khách hàng đối với uy tín, thương hiệu không ngừng được nâng cao của Agribank. Tính đến thời điểm 30/06/2025, tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của Agribank đạt 2.215.634 tỷ đồng (tăng 7,299% so với cuối năm 2024). Tiền gửi của Khách hàng là kênh huy động vốn chính của Agribank (chiếm hơn 92% tổng huy động vốn). Bên cạnh đó, từ năm 2018 đến nay, Agribank cũng liên tục tăng cường huy động vốn trung và dài hạn thông qua việc phát hành Trái Phiếu riêng lẻ và phát hành Trái Phiếu ra công chúng giúp gia tăng vốn cấp 2, đảm bảo an toàn trong hoạt động.

Tình hình huy động vốn của Agribank

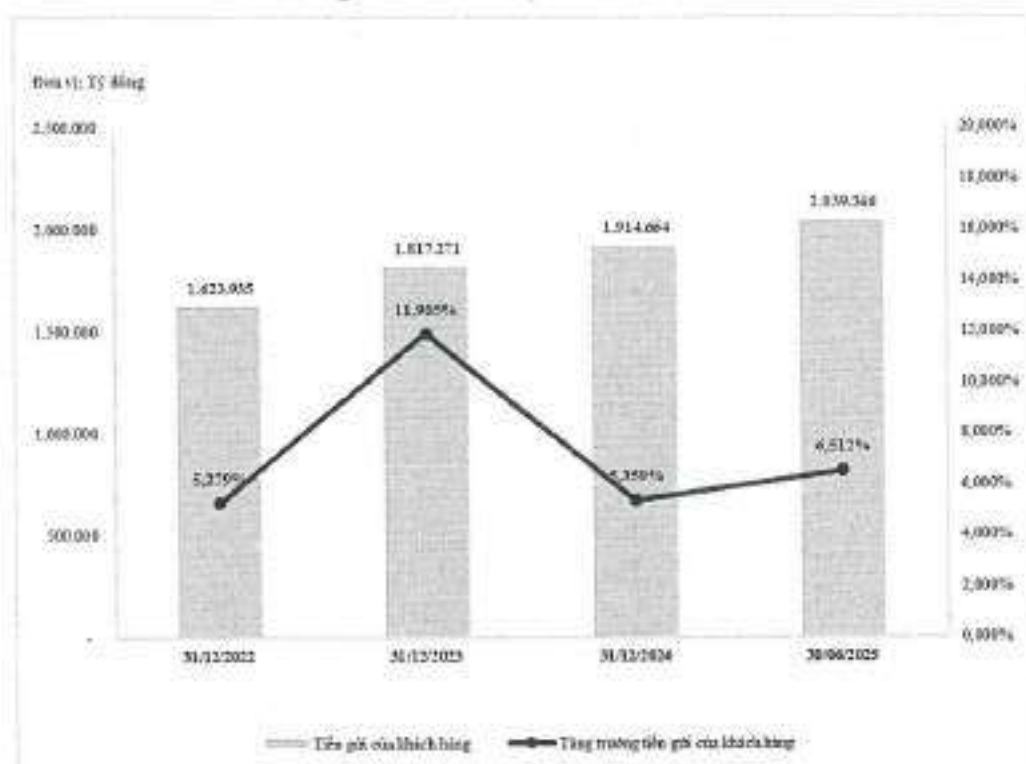
Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng (giảm) 2024/2023	30/06/2025
Vay NHNN	384	228	(40,625%)	169
Tiền gửi của KBNN	892	795	(10,874%)	1.574
Tiền gửi và vay các TCTD khác	2.743	38.430	1301,021%	58.362
Tiền gửi của khách hàng	1.817.271	1.914.664	5,359%	2.039.346
Vốn tài trợ ủy thác đầu tư cho vay TCTD chịu rủi ro	3.737	2.644	(29,248%)	2.089

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng (giảm) 2024/2023	30/06/2025
Phát hành giấy tờ có giá	60.559	108.147	78,581%	114.094
Tổng vốn huy động	1.885.586	2.064.908	9,510%	2.215.634
Tăng trưởng huy động	8,009%	9,510%	-	7,299%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

Tình hình tiền gửi khách hàng của Agribank qua các năm



(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

Cơ cấu huy động vốn theo loại tiền của Agribank

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng (giảm) 2024/2023	30/06/2025
Vay NHNN	384	228	(40,625%)	169
Bằng VND	384	228	(40,625%)	169
Bằng ngoại tệ	-	-	-	-
Tiền gửi của KBNN	892	795	(10,868%)	1.574
Bằng VND	888	795	(10,473%)	1.574
Bằng ngoại tệ	4	0,057	(98,575%)	0,058

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng (giảm) 2024/2023	30/06/2025
Tiền gửi và vay các TCTD khác	2.743	38.430	1301,021%	58.362
Bằng VND	2.139	37.857	1669,846%	57.531
Bằng ngoại tệ	604	573	(5,132%)	831
Tiền gửi của khách hàng	1.817.271	1.914.664	5,359%	2.039.346
Bằng VND	1.803.969	1.901.288	5,395%	2.024.739
Bằng ngoại tệ	13.302	13.376	0,558%	14.607
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	3.737	2.644	(29,248%)	2.089
Bằng VND	3.540	2.499	(29,407%)	1.957
Bằng ngoại tệ	197	145	(26,396%)	132
Phát hành giấy tờ có giá	60.559	108.147	78,581%	114.094
Bằng VND	60.559	108.147	78,581%	114.094
Bằng ngoại tệ	-	-	-	-
Vốn huy động	1.885.586	2.064.908	9,510%	2.215.634
Huy động vốn VND	1.871.479	2.050.814	9,583%	2.200.064
Huy động vốn ngoại tệ	14.107	14.094	(0,090%)	15.570
Tỷ trọng huy động vốn VND	99,252%	99,317%	-	99,297%
Tỷ trọng huy động vốn ngoại tệ	0,748%	0,683%	-	0,703%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

Đồng nội tệ chiếm phần lớn tỷ trọng trong cơ cấu huy động vốn theo loại tiền của Agribank, tại ngày 30/06/2025, giá trị vốn huy động bằng tiền Việt Nam hợp nhất chiếm hơn 99% tổng nguồn vốn. Trong khi đó, tỷ trọng vốn ngoại tệ của Ngân hàng từ năm 2020 đến nay đều không vượt quá 3% và chủ yếu đến từ hoạt động huy động tiền gửi và vay các TCTD khác và tiền gửi của khách hàng.

Với đặc điểm là NHTM chủ lực trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nguồn tiền gửi của Agribank đến chủ yếu từ khách hàng cá nhân (chiếm khoảng 80%). Xét về cơ cấu tiền gửi, tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) của Agribank giao động quanh mức 10 – 13%.

Vốn huy động tăng trưởng bền vững, phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh và gắn với đảm bảo khả năng thanh khoản và các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN.

Về điều hành lãi suất huy động, Agribank bám sát tình hình kinh tế vĩ mô, diễn biến thị

trường để điều hành linh hoạt, đồng bộ công cụ phí, lãi suất phù hợp theo hướng tiết giảm chi phí huy động vốn. Triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của NHNN về trần lãi suất tiền gửi, Agribank đã ban hành các văn bản về lãi suất huy động đối với khách hàng cá nhân, tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng), duy trì lãi suất huy động ở mức thấp và điều chỉnh giảm linh hoạt theo tín hiệu thị trường, góp phần định hướng mặt bằng lãi suất thị trường theo chủ trương của Chính phủ, NHNN.

6.1.3. Hoạt động tín dụng

6.1.3.1. Hoạt động cho vay khách hàng

Với vị trí là NHTM lớn nhất, đóng vai trò chủ lực trên thị trường tài chính nông thôn, Agribank đã vượt qua nhiều khó khăn để có thể hoàn thành tốt hai nhiệm vụ: vừa phục vụ các chính sách tín dụng nông nghiệp, nông thôn theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN vừa đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn và phát triển.

Luôn xem trọng lợi ích của doanh nghiệp, lấy khách hàng làm trọng tâm trong mục tiêu hướng tới phát triển bền vững, Agribank đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm mở rộng tín dụng có hiệu quả, tiên phong triển khai mạnh mẽ các chương trình tín dụng ưu đãi đối với các đối tượng khách hàng pháp nhân và cá nhân. Cho vay nông nghiệp, nông thôn là lĩnh vực có chi phí hoạt động cao, rủi ro lớn do thiên tai, biến đổi khí hậu, thị trường tiêu thụ hàng hóa, lãi suất cho vay thấp theo chính sách ưu đãi lãi suất, phần nào ảnh hưởng đến năng lực tài chính, khả năng tự tăng vốn tự có từ lợi nhuận và thu nhập của người lao động.

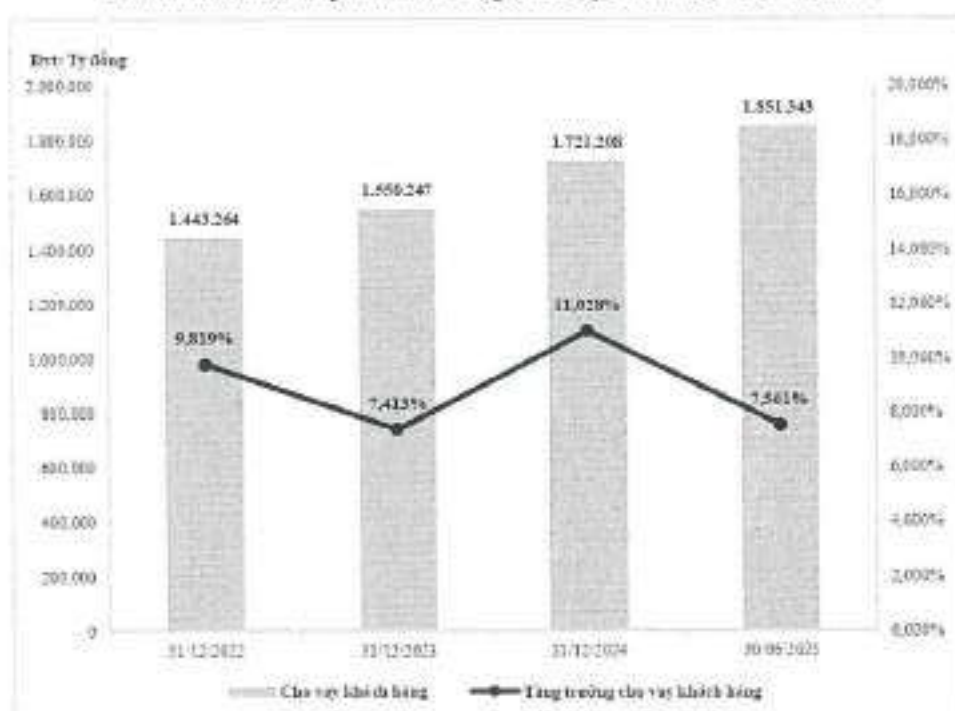
Với ưu tiên hàng đầu tiếp tục đẩy mạnh đầu tư tín dụng phát triển nông nghiệp an toàn, hiệu quả và bền vững, Agribank đưa ra nhiều giải pháp hiệu quả như: ban hành đồng bộ chính sách ưu đãi về lãi suất tiền gửi, tiền vay, phí thanh toán, phí dịch vụ và các chính sách khác để khách hàng có thể sử dụng nhiều gói sản phẩm, dịch vụ có tính liên kết; tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi khách hàng truyền thống, thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng.

Năm 2022, Agribank đã nỗ lực triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 2 năm (2022-2023) thông qua hệ thống các NHTM với tổng số tiền hỗ trợ lên tới 40.000 tỷ đồng là chương trình hỗ trợ lãi suất từ nguồn ngân sách Nhà nước có quy mô lớn nhất từ trước tới nay với mục tiêu phục hồi nhanh nền kinh tế. Sang năm 2023, trên cơ sở tiết giảm chi phí huy động đầu vào, Agribank đã thực hiện tám lần điều chỉnh giảm lãi suất cho vay, theo đó lãi suất cho vay đã giảm mạnh từ 1,3-4%/năm so với đầu năm. Bên cạnh đó, Agribank còn triển khai nhiều chương trình chính sách lãi suất cho vay như cho vay lĩnh vực lâm thủy sản, chương trình hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP; chương trình cho vay nhà ở xã hội theo Nghị quyết 33/NQ-CP, cho vay hỗ trợ các cá nhân hưởng lương ngân sách, cho vay hỗ trợ đối với cán bộ nhân viên y tế; chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ngành lúa gạo Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long... cùng với giảm lãi suất cho vay, Agribank đã triển khai 03 chương trình giảm lãi suất đối với dư nợ hiện hữu của gần 2 triệu khách hàng với số tiền giảm lãi ước tính lên tới hơn 1.000 tỷ đồng trong năm 2023 và sẽ tiếp nối thực hiện trong năm 2024.

Tính đến 31/12/2024, tổng dư nợ cho vay khách hàng hợp nhất (không bao gồm khoản phải

thu, cho vay của các công ty con) tăng 11,028% so với thời điểm 31/12/2023, đạt 1.721.208 tỷ đồng hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng do NHNN và HĐTV giao, tiếp tục là một trong những trụ cột cung cấp tín dụng cho nền kinh tế. Đến 30/06/2025 tổng dư nợ cho vay khách hàng hợp nhất (không bao gồm khoản phải thu, cho vay của các công ty con) là 1.851.343 tỷ đồng. Chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN. Cơ cấu tín dụng được điều chỉnh theo hướng tập trung cho vay ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch; kiểm soát chặt chẽ việc cấp tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao như đầu tư, kinh doanh bất động sản, chứng khoán, BOT, BT giao thông, tiêu dùng.

Tình hình cho vay khách hàng của Agribank qua các năm



(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn của Agribank

Đơn vị: Tỷ đồng

Phân tích dư cho vay KH theo kỳ hạn	31/12/2023		31/12/2024		% tăng (giảm) 2024/2023	30/06/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	943.343	60,851%	1.102.359	64,046%	16,857%	1.189.672	64,260%
Nợ trung hạn	402.574	25,968%	386.169	22,436%	(4,075%)	396.714	21,428%
Nợ dài hạn	204.330	13,180%	232.680	13,518%	13,875%	264.957	14,312%
Tổng dư nợ cho vay	1.550.247	100%	1.721.208	100%	11,028%	1.851.343	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

Tính đến thời điểm 30/06/2025, theo báo cáo tài chính hợp nhất, tổng dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn tăng 7,561% so với thời điểm 31/12/2024, đạt 1.851.343 tỷ đồng (không bao gồm khoản phải thu, cho vay của các công ty con). Trong đó cho vay ngắn hạn tiếp tục có tỷ trọng cao nhất khi phân tích dư nợ cho vay khách hàng phân theo kỳ hạn. Cụ thể, nợ ngắn hạn đạt 1.189.672 tỷ đồng tương đương 64,260%; nợ trung hạn và nợ dài hạn chiếm tỷ trọng lần lượt là 21,428% và 14,312%. Số liệu phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn trên BCTC riêng và hợp nhất là tương tự nhau.

6.1.3.2. Chất lượng tín dụng và tỷ lệ nợ xấu

Chất lượng tín dụng luôn được Agribank ưu tiên và kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN bằng những giải pháp quyết liệt và đồng bộ. Nhờ quy mô tăng trưởng tốt, cơ cấu chuyển dịch tích cực đi cùng với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, hiệu quả từ hoạt động tín dụng tiếp tục được nâng cao đóng góp quan trọng cho kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng.

Chi tiết phân tích chất lượng dư nợ cho vay khách hàng theo Thông tư 31 như sau:

Chất lượng tín dụng của Agribank

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023 (*)		31/12/2024		% tăng (giảm) 2024/2023	30/06/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.488.504	96,017%	1.662.998	96,618%	11,723%	1.795.571	96,987%
Nợ cần chú ý	32.308	2,084%	29.202	1,697%	(9,614%)	29.179	1,576%
Nợ dưới tiêu chuẩn	4.084	0,263%	2.283	0,133%	(44,099%)	4.534	0,245%
Nợ nghi ngờ	5.876	0,379%	4.088	0,238%	(30,429%)	2.476	0,134%
Nợ có khả năng mất vốn	19.475	1,256%	22.638	1,315%	16,241%	19.583	1,058%
Tổng dư nợ cho vay khách hàng	1.550.247	100%	1.721.209	100%	11,028%	1.851.343	100%
Số dư nợ xấu	29.435	1,899%	29.009	1,685%	(1,447%)	26.593	1,436%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Số liệu 31/12/2023 được trình bày lại theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Tại thời điểm 30/06/2025, tổng nợ xấu là 26.593 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,436%/Tổng dư nợ cho vay khách hàng đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ nợ xấu Ngân hàng nhà nước giao năm 2025 (dưới 1,5%).

6.1.3.3. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất được Agribank thực hiện kiểm soát thông qua việc thiết lập các giới hạn về lãi suất huy động và lãi suất cho vay nhằm đảm bảo chênh lệch lãi suất đầu vào và đầu ra thực

đương sau khi loại trừ các chi phí về huy động vốn, chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, mặt bằng lãi suất thị trường để đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Agribank. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Agribank áp dụng đồng bộ các biện pháp như: quy định chính sách lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay trung, dài hạn; quy định các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo luôn chủ động trước những biến động của thị trường.

6.1.3.4. Phân loại trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Tính đến thời điểm 30/06/2025, số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng hợp nhất của Agribank là 37.782 tỷ đồng, trong đó dự phòng cụ thể là 24.104 tỷ đồng và dự phòng chung là 13.678 tỷ đồng.

Số dư dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng của Agribank

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023 (*)	31/12/2024	% tăng (giảm) 2024/2023	30/06/2025
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	38.065	38.279	0,562%	37.782
Dự phòng cụ thể	26.654	25.650	(3,767%)	24.104
Dự phòng chung	11.411	12.629	10,674%	13.678

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Số liệu 31/12/2023 được trình bày lại theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Agribank chủ động sàng lọc khách hàng để phản ánh chất lượng nợ phù hợp với năng lực tài chính thực tế của khách hàng. Với các biện pháp quản lý các khoản nợ sát sao, đa dạng các ứng xử tín dụng, chất lượng nợ của Agribank luôn được duy trì ở mức cao trong các năm qua.

Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể được thực hiện theo các quy định của NHNN, trong đó loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

6.1.3.5. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)

Agribank luôn bảo đảm và đáp ứng các nguyên tắc về quản trị rủi ro, cũng như tuân thủ các quy định của NHNN về tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn.

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	Quy định (*)
Tỷ lệ an toàn vốn riêng (CAR)	9,06%	11,21%	11,12%	≥ 8%
Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (CAR)	9,2%	11,35%	11,26%	≥ 8%

(Nguồn: Agribank)

(*) Agribank tính toán và quản lý tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-

NHNN (từ 01/01/2023) và Thông tư 22/2023/TT-NHNN (từ 01/07/2024), quy định CAR (riêng lẻ và hợp nhất) tối thiểu là 8%.

6.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

6.1.4.1. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Agribank là NHTM hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh ngoại hối và cung cấp các dịch vụ ngoại hối đa dạng cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Agribank luôn đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu của khách hàng cá nhân bằng việc cung cấp tỷ giá cạnh tranh và phương thức giao dịch linh hoạt, qua đó góp phần hỗ trợ phát triển các hoạt động khác của Ngân hàng. Với lợi thế về mạng lưới, nguồn dự trữ ngoại hối dồi dào và nhân sự giàu kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ, Agribank không chỉ kịp thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng nói chung mà còn hỗ trợ tích cực cho khách hàng doanh nghiệp phòng tránh rủi ro trong hoạt động kinh doanh thông qua việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngoại hối đặc thù, phù hợp với thực trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Agribank luôn chú trọng đến công tác phát triển khách hàng nhằm khai thác tối đa các kênh khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới trên tất cả các phân khúc. Lãi kinh doanh ngoại tệ của Agribank trong năm 2023 và 2024 lần lượt là 2.007 tỷ đồng và 4.538 tỷ đồng. 6 tháng đầu năm 2025, lãi kinh doanh ngoại tệ của Agribank đạt 2.182 tỷ đồng, tăng 7,541% so với cùng kỳ năm 2024.

6.1.4.2. Hoạt động thanh toán

a) Hoạt động thanh toán trong nước

Agribank đã phát triển các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin, chủ động áp dụng các giải pháp ứng dụng cách mạng công nghệ 4.0 để phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, mở rộng tiện ích, nâng cao chất lượng dịch vụ E-Banking: Mở tài khoản trực tuyến trên ứng dụng Agribank Plus; Triển khai phiên bản mới của dịch vụ Agribank Plus có tính năng hiện đại, độ tùy biến cao, chức năng được sắp xếp khoa học, rõ ràng hơn, màu sắc tươi trẻ, hiện đại và khách hàng có thể chủ động trong việc thiết lập các chức năng ưu tiên ngay trên ứng dụng theo nhu cầu; Triển khai dịch vụ chuyển khoản qua mã VietQR; Bổ sung chức năng chọn tài khoản nguồn; Bán bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc mô tô – xe máy trên ứng dụng Agribank Plus; Triển khai dịch vụ thu nợ tiền vay trên ứng dụng; Nạp tiền vào tài khoản giao thông ePass; Nộp ngân sách Nhà nước; Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử trên ứng dụng; Bổ sung thêm nhiều tiện ích trên ứng dụng Agribank Plus (tính năng quét QR, gọi taxi, đặt món ăn, đặt sân Golf; mua sắm trực tuyến, đặt vé tàu xe, giao hàng, thanh toán hóa đơn, dịch vụ mua gói học trực tuyến...); Triển khai thi điểm Agribank E-Banking, hệ thống phần mềm cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử thông qua các thiết bị có kết nối Internet (dịch vụ thanh toán, tài khoản tiền gửi, tín dụng, thanh toán quốc tế, thương mại điện tử, thẻ, dịch vụ phi tài chính và các dịch vụ khác...); Phát triển sản phẩm Tiền gửi trực tuyến trên ứng dụng Agribank Plus đáp ứng nhu cầu gửi tiền trực tuyến, giảm tải giao dịch tại quầy; Cập nhật bổ sung đặc điểm, tiện ích tiền gửi có kỳ hạn theo quy định của NHNN; Liên kết hợp tác, ký kết

thỏa thuận hợp tác với các đối tác, công ty fintech để phát triển dịch vụ vi điện tử, thu hộ, chi hộ... đáp ứng nhu cầu thanh toán không dùng tiền mặt của nền kinh tế; Triển khai phát hành thẻ chip nội địa không tiếp xúc theo chuẩn VCCS, ứng dụng kết nối POS với phần mềm hệ thống kế toán của Đơn vị chấp nhận thẻ; Triển khai thí điểm sản phẩm thẻ liên kết bệnh viện; Triển khai Đề án phát triển dịch vụ thẻ tại thị trường nông nghiệp, nông thôn. Xác định hướng phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ trên nền tảng công nghệ thông tin, Agribank tập trung phát triển mạnh dịch vụ ngân hàng điện tử, dịch vụ ứng dụng giải pháp công nghệ 4.0, triển khai các công việc ban đầu để phát triển ngân hàng số, thực hiện chuyển đổi số. Dịch vụ ngân hàng điện tử có sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về số lượng tiện ích và chất lượng dịch vụ. Tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu ngày càng tăng, tạo nguồn thu đáng kể cho Agribank. Đây là nhóm dịch vụ sẽ là kênh phân phối khách hàng ưa thích sử dụng.

Năm 2023, Agribank triển khai bổ sung một số sản phẩm, chức năng, tiện ích mới, như: Sản phẩm thẻ First Class; bổ sung một số chức năng mới trên ứng dụng Agribank Plus (Đăng ký phát hành/phát hành lại thẻ, chuyển đổi thẻ chip nội địa, mở khóa thẻ, định danh thẻ); Đơn vị chấp nhận thẻ trực tuyến (E-Merchant) chấp nhận thẻ nội địa; Thí điểm chức năng giao dịch bằng CCCD gắn chip tại ATM đến tháng 6/2024; Mở rộng chức năng rút tiền bằng mã QR tại ATM.

Năm 2024, Agribank đã triển khai thêm nhiều chức năng tiện ích mới trên ứng dụng Agribank Plus: Triển khai giải pháp Open Smartbank (OSB); Chức năng bán ngoại tệ của khách hàng cá nhân; Chức năng cập nhật sinh trắc học trên ứng dụng Agribank Plus qua tài khoản VneID; Cho vay có bảo đảm bằng sổ dư tiền gửi trực tuyến đối với KHCN trên ứng dụng Agribank Plus; Dịch vụ thông báo biến động sổ dư tài khoản thanh toán bằng âm thanh (Voice OTT).

Năm 2025, triển khai dịch vụ Tap to Phone (SoftPOS) với Napas; Triển khai dịch vụ thanh toán bằng mã QR từ nguồn thẻ ghi nợ quốc tế và thẻ tín dụng trên ứng dụng Agribank Plus; Triển khai một số chức năng, tiện ích cho chủ thẻ tín dụng (tự động gửi sao kê và báo mật sao kê thẻ tín dụng quốc tế đến email của khách hàng, thiết lập mật khẩu báo mật sao kê thẻ Lộc Việt, tự động gửi thông báo thu nợ và nhắc nợ cho chủ thẻ tín dụng Lộc Việt qua email và/hoặc tin nhắn SMS, v.v...); Triển khai dịch vụ kết nối cổng thanh toán trực tuyến bằng tài khoản thanh toán Agribank đã đăng ký Ecommerce qua Napas; Triển khai sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế Agribank Mastercard World.

b) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

Tính đến ngày 31/07/2025, Agribank có 161 Chi nhánh loại I, 44 Chi nhánh loại II và 01 Chi nhánh nước ngoài tại Campuchia thực hiện Thanh toán quốc tế trực tiếp; Trung tâm tài trợ thương mại thực hiện tác nghiệp tập trung nghiệp vụ L/C, nhờ thu cho 75 Chi nhánh loại I và loại II; Tác nghiệp nghiệp vụ bảo lãnh có yếu tố nước ngoài qua SWIFT, nghiệp vụ UPAS L/C nhập khẩu do Agribank phát hành, nghiệp vụ xác nhận và hoàn trả L/C đến 100% Chi nhánh toàn hệ thống... Trong nhiều năm qua, Agribank liên tục nhận được các giải thưởng về “Tỷ lệ điện đạt chuẩn cao” được Bank of New York Mellon (Mỹ) và Citibank (Mỹ) trao tặng,

“Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc” do Wells Fargo (Mỹ) trao tặng với tỷ lệ điện chuẩn đạt 100%, Giải “Chất lượng thanh toán xuất sắc và tỷ lệ điện thanh toán chuẩn (MT103)” do J.P Morgan Chase (Mỹ) trao tặng; Giải “Chất lượng thanh toán xuất sắc năm 2023” do Standard chartered Bank trao tặng.

c) Hoạt động thanh toán biên giới

Thanh toán biên giới là một trong những thế mạnh của Agribank và Agribank cũng là ngân hàng đầu tiên triển khai nghiệp vụ này vào năm 1996 tại thị trường Trung Quốc. Hiện nay, Agribank đang triển khai hoạt động này với thị trường Trung Quốc và Lào. Tính đến hết năm 2024, Agribank có 07 chi nhánh đầu mối trực tiếp thanh toán biên giới với Trung Quốc và 01 chi nhánh đầu mối trực tiếp thanh toán biên giới với Lào. Hoạt động thanh toán biên giới của Agribank được thực hiện qua Hệ thống thanh toán biên mậu CBPS là hệ thống thanh toán, chuyển tiền quốc tế hoàn chỉnh do Agribank xây dựng và giữ bản quyền trên nền tảng công nghệ Internet tiên tiến, áp dụng các giải pháp bảo mật cao cấp của Agribank. Hệ thống này đã được Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA) trao giải thưởng Sao Khuê 2017.

Việc triển khai thanh toán biên giới qua CBPS đã giúp Agribank nâng cao chất lượng và mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, đáp ứng chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt, đồng thời góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy quan hệ hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu tại biên giới.

Năm 2024, tổng doanh số thanh toán biên giới (TTBG) tại thị trường Trung Quốc đạt 34.485 tỷ đồng và thị trường Lào đạt 832,5 tỷ đồng (tăng 52% so với năm 2023). Tổng phí TTBG tại hai thị trường đều tăng, đạt 22,5 tỷ đồng tương đương tăng 25%. Doanh số TTBG qua Agribank 7 tháng năm 2025 đạt 17.973 tỷ đồng và tổng phí TTBG đạt 11,48 tỷ đồng.

6.1.4.3. Dịch vụ kiều hối

Để tăng doanh thu từ dịch vụ kiều hối, năm 2020 Agribank đã ký sửa đổi bổ sung Hợp đồng với Western Union, trong đó đã bỏ điều khoản độc quyền. Từ đó tạo cơ sở cho Agribank mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác là Công ty chuyển tiền ở những thị trường tiềm năng như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. Năm 2023, lượng kiều hối Agribank đạt 1,23 tỷ USD. Năm 2024, doanh số chi trả kiều hối Agribank đạt 1,274 triệu USD. Đến 31/07/2025, lượng kiều hối Agribank đạt 894,8 triệu USD.

6.1.5. Hoạt động đầu tư

6.1.5.1. Hoạt động đầu tư chứng khoán

Bên cạnh hoạt động tín dụng và nguồn vốn, Agribank cũng chú trọng đến phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm đầu tư hiện đại. Danh mục đầu tư giấy tờ có giá liên tục được điều chỉnh theo hướng tăng khả năng sinh lời nhưng vẫn đảm bảo dự trữ thanh khoản cho toàn hệ thống. Tính đến 30/06/2025, quy mô đầu tư chứng khoán hợp nhất của Agribank đạt 250.951

tỷ đồng, tăng 3,648% so với cuối năm 2024. Trong đó, Trái Phiếu Chính phủ chiếm tỷ trọng khoảng 58,284% trong tổng danh mục đầu tư giấy tờ có giá của Agribank.

Danh mục đầu tư của Agribank

Đơn vị: Tỷ đồng

Danh mục đầu tư	31/12/2023	31/12/2024	% tăng (giảm) 2024/2023	30/06/2025
Chứng khoán kinh doanh	11	414	3663,636%	213
Chứng khoán nợ	-	347	-	104
Trái Phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	-	245	-	-
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	-	102	-	104
Chứng khoán vốn	11	67	509,091%	109
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	11	5	(54,545%)	8
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	-	62	-	101
Chứng khoán sẵn sàng để bán	97.780	167.248	71,045%	175.973
Chứng khoán nợ	97.725	167.200	71,092%	175.925
Trái Phiếu chính phủ	79.394	92.669	16,720%	90.789
Trái Phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	7.729	7.727	(0,026%)	5.629
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	10.602	66.804	530,108%	79.507
Trái Phiếu do các TCKT trong nước phát hành	-	-	-	-
Chứng khoán vốn	55	48	(12,727%)	48
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	55	48	(12,727%)	48
Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	77.212	75.170	(2,645%)	74.765
Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt	690	-	-	-
Trái Phiếu Chính phủ	56.452	55.948	(0,893%)	55.475
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	18.198	18.167	(0,170%)	18.151
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	1.103	286	(74,071%)	70
Trái Phiếu Công ty mua bán nợ và tái sản tồn đọng của doanh nghiệp ("DATC") (*)	170	170	-	170
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	599	599	-	899

Danh mục đầu tư	31/12/2023	31/12/2024	% tăng (giảm) 2024/2023	30/06/2025
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(669)	(798)	-	(814)
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(0,29)	(9)	-	(10)
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(35)	(20)	-	(35)
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(634)	(769)	-	(769)
Tổng cộng	174.334	242.035	38,834%	250.137

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Trái phiếu DATC có kỳ hạn 10 năm từ năm 2013 đến năm 2023 và có lãi suất cố định 8,9%/năm, lãi được trả một lần vào ngày đáo hạn trái phiếu. Trái phiếu này đã quá hạn trả gốc và lãi từ ngày 12 tháng 9 năm 2023.

6.1.5.2. Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn

Trong những năm gần đây, ngành ngân hàng đã đẩy mạnh thoái vốn dẫn các khoản đầu tư góp vốn, không chỉ thoái vốn khỏi các TCTD khác, các ngân hàng cũng đã thoái vốn khỏi các khoản đầu tư ngoài ngành. Hiện nay, Agribank không còn nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết của một TCTD nào khác.

Đến thời điểm 30/06/2025, giá gốc các khoản đầu tư vào công ty con của Agribank là 1.765.005 triệu đồng; giá gốc các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn khác là 26.800 triệu đồng. Tổng giá trị dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn tính đến thời điểm 30/06/2025 là 466.503 triệu đồng. Số liệu chi tiết như sau:

31/12/2023		31/12/2024		% tăng (giảm) 2024/2023	30/06/2025		
Tỷ lệ nắm giữ (%)	Giá gốc Triệu VND	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Giá gốc Triệu VND		Tỷ lệ nắm giữ (%)	Giá gốc Triệu VND	
❖ Đầu tư vào công ty con							
Công ty Cho thuê Tài chính I Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	100	172.087	100	172.087	-	100	172.087
Công ty Cho thuê Tài chính II Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	100	294.416	100	294.416	-	100	294.416
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam	100	288.249	100	288.249	-	100	288.249

	31/12/2023		31/12/2024		% tăng (giảm) 2024/2023	30/06/2025	
	Tỷ lệ năm giữ (%)	Giá gốc Triệu VND	Tỷ lệ năm giữ (%)	Giá gốc Triệu VND		Tỷ lệ năm giữ (%)	Giá gốc Triệu VND
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank	100	30.000	100	30.000	-	100	30.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	74,92	1.250.916	74,92	1.250.916	-	74,92	1.250.916
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam	51,74	195.840	52,08	195.840	-	52,08	195.840
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con		(466.503)		(466.503)	-		(466.503)
Tổng cộng		1.765.005		1.765.005	-		1.765.005
❖ Góp vốn, đầu tư dài hạn khác							
Quỹ Bảo Lãnh Tín dụng Yên Bái	7,23	1.800	7,23	1.800	-	7,23	1.800
Công ty Cổ phần Chuyển mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam	8,00	25.000	8,00	25.000	-	8,00	25.000
Tổng cộng		26.800		26.800	-		26.800
❖ Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn							
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(466.503)		(466.503)	-		(466.503)

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Ngày 31 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 1009/2018/QĐ-TBPS tuyên bố phá sản và chấm dứt hoạt động của Công ty Cho thuê Tài chính II Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("ALCII"), công ty con của Ngân hàng với tỷ lệ sở hữu là 100%. Ngày 8 tháng 9 năm 2018, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2936/QĐ-CTHADS về việc thi hành án chủ động của ALCII và phân công chấp hành viên chịu trách nhiệm tổ chức thi hành án. Kể từ thời điểm này, Ngân hàng không còn quyền kiểm soát đối với ALCII và vì vậy, ALCII không còn thỏa mãn điều kiện ghi nhận là công ty con theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Theo Công văn số 9457/NHNN-TCKT ngày 11 tháng 12 năm 2018 của NHNN, Ngân hàng đã ngừng hợp nhất báo cáo tài chính của ALCII vào báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.

Khoản đầu tư vào ALCII được phản ánh theo giá gốc và đã được trích lập dự phòng 100% trong báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng. Ngân hàng đang xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền về việc xử lý rủi ro khoản đầu tư này.

Agribank đã trích lập dự phòng toàn bộ 100% vốn đầu tư của Agribank tại ALCII (294,4 tỷ

đồng) trong Báo cáo tài chính từ năm 2009 và theo Văn bản số 7453/NHNo-HĐTD ngày 29/12/2010 của Tổng Giám đốc Agribank.

Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đang trong quá trình thực hiện xử lý tài sản của ALCII để phân chia cho đối tượng liên quan của ALCII nên Agribank chưa xác định được số tiền được phân chia với vai trò là chủ nợ, chủ sở hữu ALCII để xác định số tiền thiệt hại làm cơ sở cho việc xử lý tổn thất.

6.1.6. Hoạt động hợp tác quốc tế, ngân hàng đại lý và các dự án quốc tế

6.1.6.1. Hoạt động hợp tác quốc tế và ngân hàng đại lý

Agribank luôn duy trì và phát triển mạng lưới ngân hàng đại lý đa dạng, an toàn; tích cực làm việc với các đối tác, thắt chặt quan hệ, tìm kiếm cơ hội và nâng cao hiệu quả trong các lĩnh vực hợp tác; đánh giá và so sánh trong việc lựa chọn tối ưu các định chế cung cấp sản phẩm dịch vụ. Tính đến 31/07/2025, số lượng ngân hàng đại lý của Agribank là 639 ngân hàng tại 76 quốc gia và vùng lãnh thổ. Mạng lưới ngân hàng đại lý hiện tại tập trung nhiều nhất ở Châu Á (369 ngân hàng, chiếm 57,75% tổng số lượng NHDL), tiếp đến là Châu Âu (185 ngân hàng, chiếm 28,95%), Châu Mỹ (71 ngân hàng, chiếm 11,11%), châu Úc (11 ngân hàng, chiếm 1,72%), ít nhất là Châu Phi (03 ngân hàng, chiếm 0,47%).

Agribank đang triển khai 134 thỏa thuận hợp tác quốc tế về tài trợ thương mại, sản phẩm dịch vụ ngân hàng, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật với các định chế tài chính nước ngoài. Không dừng lại ở hợp tác song phương, Agribank còn là thành viên tích cực của 05 hiệp hội quốc tế, bao gồm: Hiệp hội Tín dụng Nông nghiệp Nông thôn Châu Á - Thái Bình Dương (APRACA), Hiệp hội Ngân hàng Châu Á (ABA), Hiệp hội Ngân hàng Tiết kiệm và Bán lẻ Thế giới (WSBI), SFSC (EUROCHAM) và Phòng công nghiệp và thương mại Pháp tại Việt Nam (CCIFV). Agribank luôn triển khai mạnh mẽ và hiệu quả các hoạt động hợp tác, đồng thời thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của một thành viên trong các hiệp hội này.

Hàng năm, Agribank tích cực kết nối, phối hợp với các Hiệp hội quốc tế, tổ chức quốc tế, tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế, các đại sứ quán, các ngân hàng đại lý tổ chức, tham gia hàng trăm hội nghị, hội thảo, diễn đàn trong và ngoài nước nhằm mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác với đối tác, trao đổi kinh nghiệm, cập nhật các nghiên cứu, phân tích chuyên sâu về hoạt động nghiệp vụ, các xu hướng mới nổi trong ngành ngân hàng và tài chính quốc tế... Một số hội nghị tiêu biểu mà Agribank đã tham gia gần đây như: Hội nghị thường niên ADB lần thứ 58 (Ý); Hội nghị APRACA và Diễn đàn chính sách khu vực (Indonesia); Hội nghị thường niên lần thứ 10 của Ngân hàng Đầu tư Cơ sở Hạ tầng Châu Á (Trung Quốc); Hội thảo của FAO và CBI đồng tổ chức cho Agribank về Trái phiếu xanh và Tài chính nông nghiệp bền vững hướng tới các mục tiêu quốc gia (Việt Nam)...

Agribank được các Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế là Moody's xếp hạng tiền gửi và nhà phát hành nội tệ và ngoại tệ dài hạn; xếp hạng rủi ro đối tác và đánh giá rủi ro đối tác nội tệ và ngoại tệ dài hạn mức "Ba2" với triển vọng "Ổn định" – mức xếp hạng cao nhất Việt Nam. Fitch Ratings xếp hạng Agribank ở mức BB, triển vọng "Tích cực" và mức BB+ với triển vọng "Ổn định", bằng với trần xếp hạng quốc gia và là mức xếp hạng cao nhất trong các ngân

hàng tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Agribank tiếp tục nhận được nhiều giải thưởng do các ngân hàng uy tín trên thế giới (J.P Morgan, Wells Fargo, Standard Chartered Bank New York và The Bank of New York Mellon, CitiBank...) trao tặng về chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc. Agribank duy trì vị trí Top 10 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam năm 2024 và Top 5 ngân hàng Việt Nam có giá trị thương hiệu cao nhất theo bảng xếp hạng Brand Finance Banking 500. Trong lần đầu tiên đánh giá xếp hạng các doanh nghiệp tại Khu vực Đông Nam Á của Tạp chí Fortune, Agribank đã đạt được xếp hạng thứ 37 đồng thời đứng thứ nhất trong hệ thống các ngân hàng thương mại tại Việt Nam trong bảng xếp hạng Top 500 doanh nghiệp lớn nhất khu vực Đông Nam Á.

6.1.6.2. Dự án quốc tế

Agribank luôn là đối tác được tin nhiệm của các nhà tài trợ quốc tế trong việc triển khai các dự án tín dụng, phục vụ các dự án ODA. Tổng nguồn vốn Dự án đến 31/07/2025 đạt khoảng 2.168 tỷ đồng, tổng dư nợ cho vay từ nguồn vốn Dự án đạt 2.057 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng vẫn được duy trì ở mức thấp là 0,26%. Hiện nay, Agribank đang thực hiện vai trò ngân hàng phục vụ cho 25 Dự án với tổng giá trị tương đương 1,36 tỷ USD. Lũy kế đến nay, Agribank đã tiếp nhận và triển khai 185 Dự án ngân hàng phục vụ với tổng số vốn tương đương 9,7 tỷ USD. Vốn từ các dự án giúp Agribank tăng thu phí dịch vụ, có thêm nguồn vốn trung dài hạn ổn định với lãi suất hợp lý để đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền nông nghiệp nước nhà và nâng cao đời sống người dân.

6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

6.2.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

Agribank cơ bản hoàn thiện các quy trình, chính sách và các hạn mức quản lý rủi ro, liên tục rà soát, cập nhật định kỳ nhằm phù hợp với quy định hiện hành của NHNN, đẩy mạnh công tác quản lý an toàn thông tin, phòng chống gian lận bằng các giải pháp công nghệ, tăng cường các công cụ hỗ trợ quản lý rủi ro; tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ trong toàn hệ thống.

Đối với Rủi ro tín dụng, Agribank đã ban hành: (i) Quy chế, quy trình về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đáp ứng theo yêu cầu của Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 và Thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024; (ii) Quy định về cảnh báo sớm rủi ro tín dụng trong hệ thống Agribank và hướng dẫn các chi nhánh sử dụng, vận hành hệ thống cảnh báo sớm; (iii) Quy chế về Quản lý rủi ro; (iv) Quy định về Quản lý rủi ro tín dụng và quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN; (v) Quy định về Hạn mức rủi ro tín dụng và hạn mức rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng trong hệ thống Agribank; (vi) Ban hành Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và Quy trình đánh giá Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của Agribank đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024; (vii) Quy định về hoạt động thông tin tín dụng của

Agribank với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 15/2023/TT-NHNN.

Đối với rủi ro thị trường: Agribank đã ban hành các quy định, quy trình quản lý rủi ro thị trường, hướng dẫn định giá giá trị thị trường đối với các danh mục chịu rủi ro thị trường, quy định hạn mức rủi ro thị trường và các văn bản có liên quan đảm bảo đáp ứng yêu cầu của NHNN tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN, phù hợp với tình hình thực tiễn tại Agribank. Cơ chế giám sát và xử lý kịp thời giúp Agribank hạn chế tối đa việc vượt hạn mức rủi ro thị trường và khắc phục nhanh chóng các vi phạm phát sinh (nếu có).

Đối với rủi ro hoạt động, Agribank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro hoạt động bao gồm Quy định và các văn bản hướng dẫn có liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu của NHNN tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN, phù hợp với tình hình thực tiễn tại Agribank.

Đối với rủi ro thanh khoản: Agribank thực hiện công tác quản lý rủi ro thanh khoản thống nhất toàn hệ thống, tập trung tại Trụ sở chính nhằm đáp ứng các tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định của NHNN và hiệu quả kinh doanh. Quy trình quản lý rủi ro thanh khoản được xây dựng rõ ràng, cụ thể, phù hợp với bản chất và mức độ phức tạp của các hoạt động của Agribank. Năm 2024, các tỷ lệ an toàn thanh khoản của Agribank luôn đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN và duy trì mức an toàn cao. Nguồn vốn của Agribank tăng trưởng ổn định, trong đó vốn huy động từ dân cư chiếm tỷ trọng lớn, tài sản có tính thanh khoản cao luôn duy trì đủ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong mọi điều kiện.

Để hạn chế rủi ro tập trung, Agribank đã ban hành quy định về quản lý rủi ro tập trung tín dụng, xây dựng hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng, theo sản phẩm, ngành/lĩnh vực kinh tế; các tiêu chí nhận diện người có liên quan, quản lý nhóm khách hàng có liên quan.

Đối với rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng: Agribank đã ban hành quy định và quy trình quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, xây dựng hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng bảo đảm đáp ứng yêu cầu của NHNN tại thông tư số 13/2018/TT-NHNN, phù hợp với tình hình thực tiễn tại Agribank.

6.2.2. *Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế*

Ngay từ đầu năm 2024, Agribank tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện, gia tăng tiện ích và tăng cường các giải pháp ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn, bảo mật. Mặt khác, Agribank thực hiện nghiêm túc kết luận của Thường trực Chính phủ, chỉ đạo của NHNN về việc tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vay vốn vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh, Agribank triển khai nhiều Chương trình tín dụng ưu đãi đối với khách hàng doanh nghiệp với tổng quy mô 175.000 tỷ đồng gồm Chương trình cho vay ưu đãi tài trợ Dự án đầu tư dành cho khách hàng doanh nghiệp với quy mô 25.000 tỷ đồng, chương trình cho vay ngắn hạn ưu đãi đối với khách hàng doanh nghiệp lớn với quy mô 60.000 tỷ đồng, chương trình cho vay ưu đãi khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa với quy mô 50.000 tỷ đồng, chương trình cho vay ngắn hạn ưu đãi đối với khách hàng

pháp nhân của Tập đoàn – Tổng Công ty thuộc Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước với quy mô 20.000 tỷ đồng, chương trình đồng hành cùng doanh nghiệp xuất nhập khẩu với quy mô 20.000 tỷ đồng.

Song song tăng trưởng tín dụng, Agribank đã quyết liệt chỉ đạo triển khai các giải pháp kiểm soát, xử lý thu hồi nợ xấu. Đến 31/12/2024, tỷ lệ nợ xấu nội bảng theo Thông tư 31 là 1,58%, giảm so đầu năm và thấp hơn kế hoạch Ngân hàng Nhà nước giao (dưới 2%). Đáng chú ý trong bối cảnh nhiều ngân hàng giảm tỷ lệ bao phủ nợ xấu thì Agribank tăng 1,2% so với đầu năm ở mức 131,1%, tạo bộ đệm dày dặn hơn giúp ngân hàng chủ động ứng phó khi rủi ro phát sinh.

Năm 2025, ngay từ đầu năm, Agribank đã triển khai rất nhiều chương trình tín dụng ưu đãi lãi suất dành cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân với tổng quy mô 320.000 tỷ đồng.

Cụ thể, đối với khách hàng doanh nghiệp, Agribank dành hơn 378.000 tỷ đồng và 100 triệu USD vốn tín dụng ưu đãi cùng nhiều ưu đãi về lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ và tỷ giá mua bán ngoại tệ, áp dụng từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025. Có thể kể đến chương trình tín dụng 5.000 tỷ đồng và 100 triệu USD thúc đẩy tăng trưởng doanh nghiệp FDI; 35.000 tỷ đồng dành cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu; 160.000 tỷ đồng vốn ưu đãi ngắn hạn tài trợ hoạt động của các doanh nghiệp lớn; 85.000 tỷ đồng dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và 30.000 tỷ đồng vốn trung dài hạn tài trợ doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư; 60.000 tỷ đồng dành cho doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, công nghệ số; 3.000 tỷ đồng dành cho doanh nghiệp có nguồn USD.

Đối với khách hàng cá nhân, Agribank cũng đang triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi với tổng quy mô trên 110.000 tỷ đồng, dành cho khách hàng vay tiêu dùng hỗ trợ nhu cầu đời sống, vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và hướng đến tín dụng xanh.

6.3. Thị trường hoạt động

6.3.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Ngân hàng có Trụ sở chính đặt tại số 02 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng số điểm mạng lưới của Ngân hàng là ba (03) văn phòng đại diện, ba (03) đơn vị sự nghiệp, một trăm sáu mươi (160) chi nhánh loại I, bảy trăm bảy mươi tám (778) chi nhánh loại II, một (01) chi nhánh tại Campuchia và một nghìn hai trăm tám mươi tư (1.284) phòng giao dịch.

6.3.2. Mạng lưới khách hàng và các dịch vụ cho khách hàng

6.3.2.1. Mạng lưới khách hàng

- Khách hàng tổ chức kinh tế: Tính đến 31/7/2025, số lượng khách hàng tổ chức kinh tế có số dư tiền gửi đạt 229.700 khách hàng, giảm 36.035 khách hàng (-13,56%) so với đầu năm 2025. Số lượng khách hàng tổ chức vay vốn đạt 25.996 khách hàng, tăng 1.088 khách hàng (+4,37%) so với đầu năm 2025. Số lượng khách hàng tổ chức kinh tế tại Agribank phân bố tương đối đều tại các khu vực trên toàn hệ thống. Một số khu vực có tỷ trọng số

lượng khách hàng tổ chức kinh tế lớn: Khu vực Bắc Trung Bộ (12,91%), Khu vực đồng bằng sông Hồng (13,73%), Khu vực Tây Nam Bộ (11,84%).

- Khách hàng cá nhân: Tính đến 31/7/2025, quy mô khách hàng cá nhân đạt gần 23,4 triệu khách hàng, tăng 0,8% so với đầu năm 2024; Số lượng khách hàng cá nhân tập trung chủ yếu tại khu vực nông nghiệp, nông thôn. Một số khu vực có khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn như: Đồng bằng Sông Hồng (14,8%), Tây Nam Bộ (14,6%), Khu 4 cũ (13,8%), Trung du Bắc Bộ (10,4%), Duyên hải Miền trung 10,4%)...Khu vực nước ngoài (Campuchia) có số lượng khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng nhì với khoảng 800 khách hàng.
- Tính đến 31/7/2025, số lượng Ngân hàng đại lý của Agribank là 639 ngân hàng tại 76 quốc gia và vùng lãnh thổ. Mạng lưới ngân hàng đại lý hiện tại tập trung nhiều nhất ở Châu Á (369 ngân hàng, chiếm 57,75% số lượng ngân hàng đại lý), tiếp đến là Châu Âu (185 ngân hàng, chiếm 28,95%), Châu Mỹ (71 ngân hàng, chiếm 11,11%), Châu Úc (11 ngân hàng, chiếm 1,72%), ít nhất là Châu Phi (03 ngân hàng, chỉ chiếm 0,47%).

6.3.2.2. Sản phẩm và dịch vụ cho Khách hàng

Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng cá nhân

- *Tiền gửi*: gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi trên kênh trực tuyến và giấy tờ có giá.
- *Tín dụng*: gồm cho vay tiêu dùng, cho vay sản xuất kinh doanh, chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác và bảo lãnh.
- *Dịch vụ thanh toán*.
- *Dịch vụ ngân hàng điện tử*: gồm dịch vụ Agribank Plus, dịch vụ SMS Banking, dịch vụ thương mại điện tử (e – Commerce), dịch vụ Agribank eBanking, dịch vụ Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital).
- *Thẻ*: gồm thẻ ghi nợ nội địa, thẻ ghi nợ quốc tế, thẻ tín dụng quốc tế, thẻ phi vật lý, thẻ Lộc Việt và thẻ trả trước.
- *Dịch vụ chuyển tiền ngoại tệ cá nhân và kiều hối*.
- *Dịch vụ liên kết ngân hàng – bảo hiểm- chứng khoán, liên kết khác*: gồm bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, chứng khoán và dịch vụ liên kết khác.

Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng tổ chức

- *Nhóm sản phẩm huy động vốn*: gồm tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi thanh toán), tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi rút gốc linh hoạt, tiền gửi tích lũy, tiền gửi trực tuyến, tiền gửi đầu tư tự động, giấy tờ có giá, tiền gửi rút gốc linh hoạt trực tuyến đối với khách hàng tổ chức trên kênh ngân hàng điện tử (E-Banking) và tiền gửi trả lãi sau định kỳ trực tuyến đối với khách hàng tổ chức trên kênh ngân hàng điện tử (E-Banking).
- *Tín dụng khách hàng pháp nhân*: gồm cho vay, bảo lãnh và chiết khấu công cụ chuyển nhượng giấy tờ có giá khác.

- Dịch vụ thanh toán trong nước.
- Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.
- Mua bán ngoại tệ.
- Thẻ tín dụng công ty.
- Dịch vụ ngân hàng điện tử: gồm dịch vụ SMS Banking, dịch vụ Agribank eBanking và Dịch vụ Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital).
- Dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ.
- Dịch vụ liên kết khác.

(Chi tiết sản phẩm và dịch vụ của Agribank được trình bày tại Mục 6.1.1 Phần IV)

6.3.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu (tại ngày 30/06/2025)	Dư nợ cho vay	Tiền gửi của khách hàng
Agribank	1.853.561	2.039.346
Toàn hệ thống NHTM	17.162.219	15.344.565
Thị phần của Agribank	10,800%	13,290%

(Nguồn: NHNN & BCTC hợp nhất soát xét năm 2025 của Agribank)

Agribank hiện nay là NHTM có thị phần đứng thứ ba nếu xét trên chỉ tiêu tổng tài sản. Tính đến 30/06/2025, tiền gửi của khách hàng của Agribank đạt 2.039.346 tỷ đồng chiếm 13,290% toàn hệ thống NHTM và dư nợ cho vay đạt 1.853.561 tỷ đồng chiếm 10,800% toàn hệ thống NHTM.

6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Để thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra, Agribank đã và đang triển khai nhiều dự án nhằm phát triển hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động phù hợp với các quy định hiện hành của NHNN và xu thế của các NHTM trong nước và trên thế giới, cụ thể Agribank đang thực hiện các dự án liên quan đến quản trị kinh doanh, công nghệ thông tin, quản trị rủi ro,...

Bên cạnh đó, Agribank đang triển khai các giải pháp theo Quyết định số 6200/QĐ-HĐTV-NHS ngày 05/10/2022 của Hội đồng thành viên về kế hoạch chuyển đổi số tại Agribank đến năm 2025, dự kiến đến năm 2030. Ngoài ra, Agribank đang tập trung mọi nguồn lực, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp... theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Liên quan đến dự án công nghệ thông tin (CNTT), quản trị rủi ro công nghệ thông tin, tại Đề án chiến lược phát triển hệ thống CNTT giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030 đã được HĐTV phê duyệt, Agribank đã xây dựng kiến trúc tổng thể CNTT phục vụ phát triển

hoạt động kinh doanh của Agribank trong tương lai bao gồm 11 nhóm giải pháp, trong đó có các giải pháp trọng điểm sau:

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank
Công nghệ thông tin	Kho dữ liệu doanh nghiệp và công cụ phân tích thông minh (Enterprise Data Warehouse and Business Intelligent).	Hệ thống Kho dữ liệu doanh nghiệp và công cụ phân tích thông minh (EDW&BI) phục vụ phân tích khách hàng, sản phẩm và lợi nhuận. Đáp ứng các yêu cầu luật định, quản trị rủi ro, quản trị kinh doanh và các yêu cầu phát triển kinh doanh. Cung cấp các báo cáo phân tích nâng cao cho lãnh đạo.
	Nghiên cứu, xây dựng phương án, giải pháp và lộ trình thay thế hệ thống IPCAS, các giải pháp liên quan đến hệ thống Corebanking theo yêu cầu về mô hình, nghiệp vụ ngân hàng hiện đại.	Corebanking là một hệ thống nền tảng xử lý các giao dịch ngân hàng hàng ngày, hạch toán giao dịch đến các tài khoản và hồ sơ tài chính liên quan. Agribank xác định Corebanking là giải pháp hạt nhân, đầu não chính trong toàn bộ hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của Agribank. Corebanking lấy trải nghiệm người dùng làm trọng tâm để tự động hóa xử lý các quy trình nghiệp vụ lõi của Agribank, tạo nền tảng hình thành hệ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng mới, qua đó gia tăng trải nghiệm người dùng, chủ động quản lý rủi ro và hỗ trợ Agribank phát triển bền vững.
	Giải pháp biểu mẫu thông minh	Giải pháp biểu mẫu thông minh (Smart Form) là ứng dụng hỗ trợ số hóa nghiệp vụ kênh giao dịch tại quầy để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dùng trong cùng một thời điểm, qua đó giúp Ngân hàng phục vụ khách hàng nhanh hơn, nhiều hơn, giảm thiểu các bước làm thủ công. Smart Form giúp giao dịch viên giảm thời gian giao dịch, đẩy mạnh việc bán sản phẩm dịch vụ theo gói và trang bị các thiết bị hỗ trợ giúp tăng trải nghiệm khách hàng.
Quản lý rủi ro	Triển khai giải pháp quản lý rủi ro	Hiện đại hóa công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu cho việc triển khai quản lý rủi ro theo quy định của NHNN, của Agribank và thông lệ quốc tế.
Thẩm định và tín dụng	Giải pháp khởi tạo khoản vay (LOS)	Giải pháp Khởi tạo khoản vay (LOS) cung cấp chức năng quản lý công tác thẩm định và giải ngân khoản vay hiệu quả, minh bạch và nhanh chóng gồm các hạng mục: xử lý nghiệp vụ từ quy trình thẩm định tín dụng cho đến giải ngân và phạt chậm trả một cách tự động. Giải pháp cũng cung cấp một cơ sở dữ liệu lịch sử về thông tin tín dụng của từng khách hàng (gồm khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp), nhằm tái sử dụng với các hồ sơ mới từ khách hàng. Giải pháp còn mở rộng chức năng ứng dụng ECM hiện có để số hóa các tài liệu liên quan đến LOS và tích hợp xuyên suốt với hệ thống BPM để kiểm soát luồng nghiệp vụ và đồng bộ dữ liệu.
Tài chính kế toán	Giải pháp Báo cáo tài chính chuẩn IFRS	Việc triển khai IFRS là một bước đi chiến lược của Agribank nhằm nâng cao tính minh bạch. Dự án được kỳ vọng sẽ giúp Agribank tăng cường năng lực

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank
		quản trị tài chính, quản lý rủi ro hiệu quả hơn theo các thông lệ quốc tế tốt nhất, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của Agribank trên thị trường trong và ngoài nước.
Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại	Dự án giải pháp Ngân hàng bán buôn	Giải pháp Ngân hàng bán buôn là dự án đầu tư tập trung triển khai hệ thống tài trợ thương mại bao gồm: tài trợ thương mại, tài trợ chuỗi cung ứng và tích hợp các hệ thống liên quan (hệ thống TF và SCF). Hệ thống giúp nâng cao năng lực thực hiện nghiệp vụ, tăng năng suất lao động và mức hài lòng người dùng nội bộ; cải thiện trải nghiệm khách hàng; hỗ trợ triển khai các sản phẩm mới kịp thời, đáp ứng nhu cầu thị trường; giảm chi phí hoạt động; nâng cao hiệu quả và góp phần xây dựng Agribank thành lập ngân hàng hiện đại, tiếp cận nhanh công nghệ và cung cấp dịch vụ chất lượng, an toàn đến khách hàng...

(Nguồn: Agribank)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Agribank trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất

7.1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)	Năm 2024	% tăng/giảm 2024/2023	6 tháng đầu năm 2025
Tổng tài sản	2.044.706	2.234.854	9,300%	2.389.611
Vốn chủ sở hữu	100.361	124.068	23,622%	129.929
Thu nhập lãi thuần	55.788	66.554	19,298%	34.651
Tổng thu nhập hoạt động	75.967	86.496	13,860%	45.776
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	45.040	54.233	20,411%	31.044
Lợi nhuận trước thuế	25.641	27.575	7,543%	13.232
Lợi nhuận sau thuế	20.521	22.067	7,534%	10.595
Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ (**)	-	-	-	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	155	132	(14,839%)	81
Lợi nhuận thuần trong năm	20.366	21.935	7,704%	10.514

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023

(**) Agribank không phải là Công ty cổ phần nên không có Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ

Kết quả hoạt động kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)	Năm 2024	% tăng/giảm 2024/2023	6 tháng đầu năm 2025
Tổng tài sản	2.042.755	2.231.961	9,262%	2.387.267
Vốn chủ sở hữu	97.754	121.465	24,255%	127.224
Thu nhập lãi thuần	55.433	66.184	19,395%	34.487
Tổng thu nhập hoạt động	74.867	85.357	14,012%	45.118
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	44.736	53.980	20,663%	30.851
Lợi nhuận trước thuế	25.305	27.307	7,911%	13.026
Lợi nhuận sau thuế	20.291	21.884	7,853%	10.436

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Theo BCTC hợp nhất, tổng tài sản năm 2024 tăng trưởng 9,300% so với năm 2023, đạt 2.234.854 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần trong năm 2024 đạt 21.935 tỷ đồng, tăng 1.569 tỷ đồng tương đương 7,704% so với năm 2023.

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2025, tổng tài sản hợp nhất của Agribank đạt 2.389.611 tỷ đồng, lợi nhuận thuần đạt 10.514 tỷ đồng.

7.1.2. Các chỉ tiêu khác

a) Cơ cấu Thu nhập lãi và các khoản tương tự

Thu nhập lãi và các khoản tương tự (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		% tăng (giảm) 2024/2023	6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi tiền gửi	6.189	4,033%	6.334	4,516%	2,343%	2.978	4,122%
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	139.015	90,590%	126.696	90,322%	(8,862%)	64.266	88,960%
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán	7.915	5,158%	6.916	4,930%	(12,626%)	4.818	6,669%

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		% tăng (giảm) 2024/2023	6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập từ nghiệp vụ cho thuê tài chính	0,145	0,0001%	0,171	0,0001%	17,931%	0,044	0,0001%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	331	0,216%	324	0,231%	(2,115%)	179	0,248%
Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	4	0,003%	1	0,001%	(75,000%)	0,235	0,0003%
Tổng thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	153.455	100%	140.271	100%	(8,591%)	72.241	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Thu nhập lãi và các khoản tương tự (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		% tăng (giảm) 2024/2023	6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi tiền gửi	6,123	3,996%	6,283	4,486%	2,613%	2,967	4,113%
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	138,876	90,623%	126,530	90,337%	(8,890%)	64,180	88,961%
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán	7,915	5,165%	6,916	4,938%	(12,622%)	4,818	6,678%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	331	0,216%	325	0,232%	(1,813%)	179	0,248%
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1	0,001%	10	0,007%	900,000%	0,233	0,0003%
Tổng thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	153.246	100%	140.064	100%	(8,602%)	72.144	100%

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023

b) Cơ cấu Tổng thu nhập hoạt động

Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		% tăng (giảm) 2024/2023	6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	55,788	73,437%	66,554	76,945%	19,298%	34,651	75,697%

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		% tăng (giảm) 2024/2023	6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.566	6,011%	5.026	5,811%	10,074%	3.090	6,750%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	2.007	2,642%	4.538	5,246%	126,109%	2.182	4,767%
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	5	0,007%	15	0,017%	200,000%	(32)	(0,070%)
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	2977	3,919%	(93)	-0,108%	-	(12)	(0,026%)
Lãi thuần từ hoạt động khác	10.534	13,867%	10.454	12,086%	(0,759%)	5.849	12,777%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	90	0,118%	2	0,002%	(97,778%)	48	0,105%
Tổng cộng	75.967	100%	86.496	100%	13,860%	45.776	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Tổng thu nhập hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		% tăng (giảm) 2024/2023	6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	55.433	74,042%	66.184	77,538%	19,395%	34.487	76,437%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.727	4,978%	4.225	4,950%	13,362%	2.457	5,446%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	2.007	2,681%	4.538	5,316%	126,109%	2.182	4,836%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	2.965	3,960%	(134)	-0,157%	-	-	-
Lãi thuần từ hoạt động khác	10.509	14,037%	10.342	12,116%	(1,589%)	5.945	13,177%
Thu nhập từ góp vốn,	226	0,302%	202	0,237%	(10,619%)	47,00	0,104%

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		% tăng (giảm) 2024/2023	6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
mua cổ phần							
Tổng cộng	74.867	100%	85.357	100%	14,012%	45.118	100%

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 và và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023

c) Cơ cấu Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		% tăng (giảm) 2024/2023	6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	198	0,640%	229	0,710%	15,657%	74	0,502%
Chi phí cho nhân viên	17.729	57,325%	18.581	57,592%	4,806%	8522	0,502%
Chi về tài sản	3.989	12,898%	4.316	13,378%	8,198%	1.839	12,483%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	6.017	19,455%	5.758	17,847%	(4,304%)	2.651	17,995%
Chi nộp bảo hiểm bảo toàn tiền gửi của khách hàng	2.088	6,751%	2.332	7,228%	11,686%	1.207	8,193%
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	(9)	-0,029%	37	0,115%	-	(0,01)	-0,0001%
Chi phí hoạt động khác	915	2,959%	1.010	3,131%	10,383%	439	2,980%
Tổng cộng	30.927	100%	32.263	100%	4,320%	14.732	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		% tăng (giảm) 2024/2023	6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	156	0,518%	184	0,586%	17,949%	52	0,364%
Chi phí cho nhân viên	17.331	57,517%	18.199	58,003%	5,008%	8.314	58,274%

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)		Năm 2024		% tăng (giảm) 2024/2023	6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Chi về tài sản	3.970	13,175%	4.250	13,545%	7,053%	1.754	12,294%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	5.649	18,748%	5.357	17,074%	(5,169%)	2.494	17,481%
Chi nộp bảo hiểm bảo toàn tiền gửi của khách hàng	2.109	6,999%	2.327	7,416%	10,337%	1.214	8,509%
Trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	1	0,003%	49	0,156%	4800,000%	-	-
Chi phí hoạt động khác	916	3,040%	1.010	3,219%	10,262%	439	3,077%
Tổng cộng	30.132	100%	31.376	100%	4,129%	14.267	100%

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023

d) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023 (*)		31/12/2024		% tăng (giảm) 2024/2023	30/06/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Vốn của TCTD	41.847	41,696%	52.217	42,087%	24,781%	52.346	40,288%
- Vốn điều lệ	41.269	41,121%	51.639	41,622%	25,128%	51.639	39,744%
- Vốn khác	578	0,576%	578	0,466%	-	707	0,544%
Các quỹ của TCTD	42.872	42,718%	42.877	34,559%	0,012%	42.878	33,001%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	15	0,012%
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	223	0,222%	223	0,180%	-	223	0,172%
Lợi nhuận chưa phân phối	14.071	14,020%	27.406	22,089%	94,769%	33.063	25,447%
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	1.348	1,343%	1.345	1,084%	(0,223%)	1.404	1,081%
Tổng cộng	100.361	100%	124.068	100%	23,622%	129.929	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Số liệu ngày 31/12/2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu (Công ty mẹ)
Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023 (*)		31/12/2024		% tăng (giảm) 2024/2023	30/06/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Giá trị		Giá trị	Giá trị
Vốn của TCTD	41.474	42,427%	51.844	42,682%	25,004%	51.844	40,750%
- Vốn điều lệ	41.269	42,217%	51.639	42,513%	25,128%	51.639	40,589%
- Vốn khác	205	0,210%	205	0,169%	0,000%	205	0,161%
Các quỹ của TCTD	42.401	43,375%	42.401	34,908%	(0,001%)	42.401	33,328%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	15	0,012%
Lợi nhuận chưa phân phối	13.879	14,198%	27.220	22,410%	96,124%	32.964	25,910%
Tổng cộng	97.754	100%	121.465	100%	24,255%	127.224	100%

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Số liệu ngày 31/12/2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Năm 2023, kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, lạm phát ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao, nợ công tăng mạnh, các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; hoạt động xuất, nhập khẩu bị thu hẹp; rủi ro an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng gia tăng. Kinh tế - xã hội trong nước chịu tác động của các yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại đã kéo dài nhiều năm; khả năng cạnh tranh, sức chống chịu của các doanh nghiệp còn hạn chế và bị bào mòn; dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, gây thiệt hại nặng nề ở nhiều địa phương. Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động, ảnh hưởng lớn đến hoạt động của ngành Ngân hàng cũng như hoạt động kinh doanh của Agribank. Agribank đã phát huy sức mạnh toàn hệ thống, đoàn kết, nỗ lực tối đa, vượt qua khó khăn, tăng trưởng vượt bậc, đặc biệt trong giai đoạn nửa cuối năm 2023. Đến 31/12/2023, vốn huy động (không gồm KBNN) đạt 1.885.384 tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm 2022 và hoàn thành 145% so với kế hoạch đặt ra. Dự nợ cho vay nền kinh tế đạt 1.550.333 tỷ đồng, tăng 7,4% so với năm 2022 đảm bảo mức tăng tối đa 7,5% theo thông báo điều chỉnh của NHNN.

Sang năm 2024, NHNN khá thành công trong kiểm soát lạm phát và tỷ giá. Tăng trưởng tín dụng và công tác điều hành tín dụng ngân hàng trong năm 2024 diễn ra trong bối cảnh thuận lợi và thách thức đan xen. Các yếu tố tích cực đến từ xu hướng phục hồi của nền kinh tế với

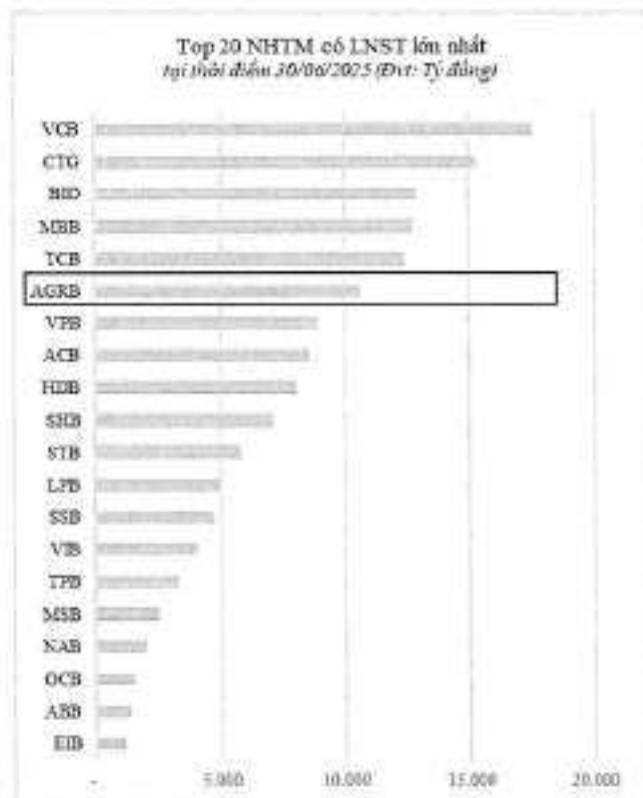
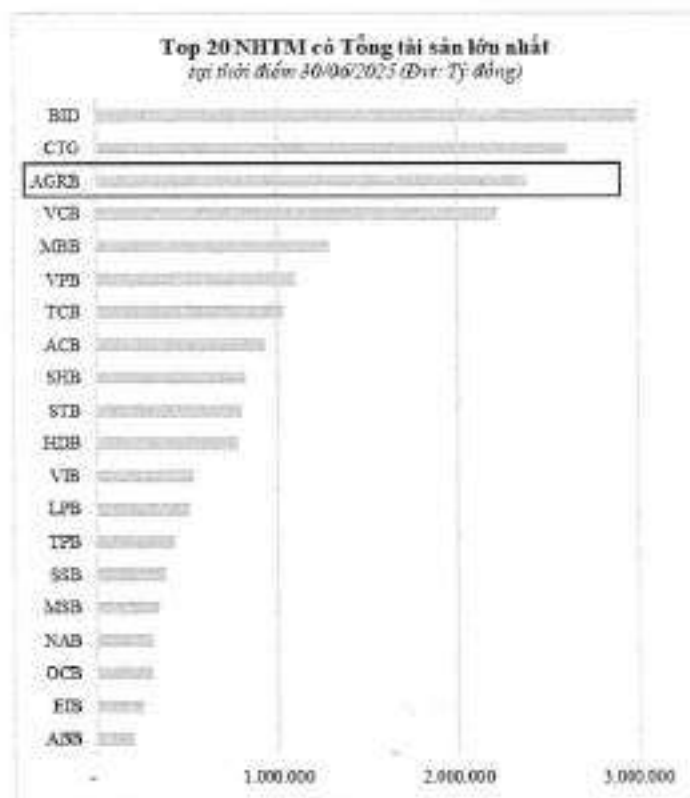
các động lực tăng trưởng chính như sản xuất công nghiệp, thu hút và giải ngân FDI, xuất khẩu, du lịch... đạt kết quả khả quan, lạm phát được kiểm soát phù hợp với mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, Việt Nam có độ mở lớn nên gặp nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chưa bền vững, rủi ro lạm phát vẫn hiện hữu, lãi suất USD giảm nhưng vẫn ở mức cao, đồng USD vẫn diễn biến phức tạp... Những khó khăn, thách thức này cộng hưởng với khó khăn, thách thức do thiên tai, bão lũ và các vấn đề còn tồn tại trước đó có tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp, ảnh hưởng tới khả năng hấp thụ vốn tín dụng ngân hàng. Cuối năm 2024, vốn huy động đạt 2.030.067 tỷ đồng, tăng 7,6% so với năm năm 2023 và hoàn thành 144% so với kế hoạch đặt ra. Dư nợ cho vay nền kinh tế đạt 1.721.209 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2023 đảm bảo mức tăng tối đa là 12%.

8. Vị thế của Tổ chức niêm yết so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

❖ Vị thế Tổ chức niêm yết trong ngành

Xét về quy mô, Agribank là ngân hàng có tổng tài sản lớn thứ ba trong số các NHTM tại Việt Nam. Tính đến 30/06/2025, tổng tài sản hợp nhất của Agribank đạt 2.389.611 tỷ đồng.

Xét về kết quả kinh doanh, với lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025 đạt 10.595 tỷ đồng, Agribank đứng vị trí thứ 6 trong ngành ngân hàng.



(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC hợp nhất soát xét bán niên của các NHTM)

❖ **Triển vọng phát triển của ngành**

Năm 2025, Ngân hàng Nhà nước dự kiến tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống khoảng 16% để đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế trên 8% của Chính phủ. Tăng trưởng tín dụng năm 2025 dự kiến cải thiện nhờ môi trường vĩ mô ổn định, niềm tin thị trường hồi phục và các chính sách hỗ trợ kinh tế.

Mặt tích cực, tín dụng dự báo tiếp tục tăng trưởng cao, đặc biệt tại các phân khúc chủ chốt, hỗ trợ tăng trưởng thu nhập từ lãi của ngân hàng. Bên cạnh đó, nguồn thu ngoài lãi cũng được kỳ vọng duy trì ổn định nhờ vào quá trình chuyển đổi số mạnh mẽ và mở rộng kinh doanh phi tín dụng.

Song song, đầu tư công tiếp tục là động lực chính, với các dự án hạ tầng lớn thúc đẩy hoạt động xây dựng, vật liệu và logistics. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) cũng tạo điều kiện mở rộng sản xuất và tiếp cận vốn. Và chính đầu tư công sẽ tạo ra nhiều dự án vệ tinh, từ đó kích thích tín dụng ngân hàng.

Một kênh khác kích thích tín dụng là thị trường bất động sản có khả năng phục hồi nhẹ, với kỳ vọng nguồn cung bất động sản tăng cao hơn trong năm 2025 sẽ hỗ trợ tích cực cho tín dụng cho vay mua nhà, vốn đã tăng trưởng chậm trong năm 2024. Bên cạnh đó, lĩnh vực sản xuất, thương mại sôi động tiếp tục là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng tín dụng trong năm 2025.

❖ **So sánh một số chỉ tiêu tài chính của Agribank với các ngân hàng trong cùng ngành (thời điểm 30/06/2025)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	AGRB	VCB	CTG	BID	TCB	MBB
Vốn điều lệ	51.639	83.557	53.700	70.214	70.649	61.023
Vốn chủ sở hữu	129.929	213.749	163.826	162.738	161.827	127.804
Tổng tài sản	2.389.611	2.217.941	2.609.788	2.991.671	1.037.645	1.289.644
Tiền gửi của khách hàng	2.039.346	1.586.683	1.719.958	2.074.788	545.079	783.292
Cho vay khách hàng	1.853.561	1.555.769	1.899.352	2.179.880	710.313	879.889
Thu nhập lãi thuần	34.651	27.847	31.318	28.937	17.442	24.064
Tổng thu nhập hoạt động	45.776	35.133	41.370	39.988	24.354	32.568
Lợi nhuận sau thuế	10.595	17.539	15.251	12.856	12.361	12.680

(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC hợp nhất soát xét bán niên của các NHTM)

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Agribank với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Trong năm 2025, ngành ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 16%, hỗ trợ nền kinh tế đạt mức tăng trưởng trên 8%, đồng thời đảm bảo ổn định thị trường tài chính - tiền tệ

góp phần kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế.

Để thực hiện nhiệm vụ đó, đã có nhiều giải pháp quyết liệt được Ngân hàng Nhà nước đưa ra ngay từ đầu năm, trong đó có yêu cầu về đổi mới công tác điều hành tín dụng, tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý trong lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng trên tinh thần đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khơi thông mọi nguồn lực... đặc biệt là áp dụng mạnh mẽ công nghệ mới trong điều hành, quản trị hệ thống dựa trên nền tảng đầu tư cho số hóa và trí tuệ nhân tạo (AI).

Ngày 03/11/2022, NHNN ban hành Quyết định số 1887/QĐ-NHNN Phê duyệt “Kế hoạch của ngành Ngân hàng triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2022-2025, cụ thể:

- **Một là**, phát triển thanh toán số theo hướng phổ cập tài chính toàn diện, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm: Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành tại Quyết định số 1309/QĐ-NHNN; Tổ chức triển khai Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Quyết định 2006/QĐ-NHNN; Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định của Chính phủ về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng; Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách về tài chính, phí, lệ phí theo hướng loại bỏ các rào cản thanh toán không sử dụng tiền mặt, từ đó, khuyến khích người dân thực hiện các giao dịch không sử dụng tiền mặt; Phát triển các hệ thống thanh toán; Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách các vấn đề liên quan đến tiền kỹ thuật số quốc gia...
- **Hai là**, hoàn thiện thể chế: Rà soát xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật trong ngành Ngân hàng phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số; chú trọng xây dựng các chính sách để nâng tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động của ngành Ngân hàng; triển khai các nhiệm vụ thuộc nhóm nhiệm vụ “Xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý tạo thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số trong ngành Ngân hàng” thuộc Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến 2030 ban hành tại Quyết định số 810/QĐ-NHNN; Xây dựng, ban hành, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật ngành Ngân hàng phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong ngành Ngân hàng.
- **Ba là**, phát triển, sử dụng nền tảng số: Xây dựng, tổ chức triển khai kế hoạch của ngành Ngân hàng thúc đẩy sử dụng các nền tảng số quốc gia; Xác định các nền tảng số của ngành Ngân hàng và xây dựng kế hoạch cụ thể để phát triển và thúc đẩy sử dụng các nền tảng số của ngành Ngân hàng.

- **Bốn là**, phát triển dữ liệu số: Tiếp tục hoàn thiện nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của NHNN nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau; kết nối liên thông, mở chia sẻ dữ liệu, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ số; Đẩy mạnh công tác số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu để phục vụ hoạt động quản lý, điều hành tiền tệ - ngân hàng của NHNN.
- **Năm là**, đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng: Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số; Phát triển nền tảng và tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng theo mô hình bảo vệ 04 lớp.
- **Sáu là**, phát triển kỹ năng số, công dân số, văn hóa số: Tổ chức triển khai Kế hoạch của ngành Ngân hàng triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” ban hành tại Quyết định 1033/QĐ-NHNN.
- **Bảy là**, phát triển doanh nghiệp số: Xây dựng và ban hành Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số của ngành Ngân hàng để triển khai Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số; Sử dụng Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp để làm thước đo chuyển đổi số của các TCTD. Định kỳ tổ chức khảo sát đánh giá mức độ chuyển đổi số của các TCTD.
- **Tám là**, một số nhiệm vụ, giải pháp khác như: Hợp tác với doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển các nền tảng số xuất sắc, chất lượng cao; Triển khai các chương trình truyền thông, giáo dục tài chính nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng cho người dân trong sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính – ngân hàng trên nền tảng số; Hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế số, xã hội số...

Hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm của toàn hệ thống Agribank đạt kết quả tích cực so với cùng kỳ năm trước, đạt cao nhất sau 04 năm triển khai Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025. Ngay từ những ngày đầu năm 2025, Agribank đã kịp thời ban hành các văn bản quan trọng trong quản trị, điều hành chỉ đạo toàn diện toàn hệ thống về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong năm 2025, tập trung vào các giải pháp mang tính đột phá, quyết liệt, khẩn trương theo chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, góp phần hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GDP trên 8%. Bên cạnh đó, ban lãnh đạo Agribank đã trực tiếp làm việc với các đơn vị trong hệ thống, kịp thời nắm bắt, chỉ đạo hoạt động kinh doanh, giải quyết các vướng mắc, khó khăn cho các đơn vị. Agribank thực hiện rà soát, hoàn thiện mô hình tổ chức, sắp xếp các đơn vị, nâng cao hiệu năng, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương; chỉ đạo quyết liệt công tác

chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị...

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng lao động

Tình hình lao động của Agribank tính đến 31/07/2025

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Trình độ Đại học và trên Đại học	38.476	95%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	781	2%
Trình độ Sơ cấp	1.289	3%
Lao động phổ thông	-	-
Tổng số	40.546	100%

(Nguồn: Agribank)

9.2. Các chính sách đối với người lao động

9.2.1. Chế độ, điều kiện làm việc

- Agribank thực hiện theo quy định tại Nội quy Lao động trong hệ thống Agribank số 429/NQLĐ-HĐTV-TCNS ngày 25/07/2022: Thời giờ làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần. Người sử dụng lao động hoặc người sử dụng lao động theo ủy quyền (sau đây gọi chung là người sử dụng lao động) có thể quy định làm việc theo giờ hoặc ngày hoặc tuần; trường hợp theo tuần thì thời giờ làm việc bình thường không quá 10 giờ trong 01 ngày nhưng không quá 48 giờ trong 01 tuần. Căn cứ yêu cầu hoạt động kinh doanh, người sử dụng lao động có thể rút ngắn thời giờ làm việc nhưng không thấp hơn 08 giờ trong 01 ngày, 40 giờ trong 01 tuần.
- Việc thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng hưởng nguyên lương, nghỉ không hưởng lương: Agribank thực hiện theo quy định tại Nội quy lao động và quy định pháp luật hiện hành.
- Agribank bố trí nơi làm việc với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, thuê lao động dịch vụ phục vụ bếp ăn, vệ sinh nơi làm việc, địa điểm làm việc, đảm bảo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, từ đó nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... đối với người lao động Agribank luôn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

9.2.2. Chính sách phúc lợi

Trên cơ sở quy định của pháp luật và quy định trả lương, thù lao trong hệ thống Agribank, người lao động được hưởng lương theo vị trí gắn với chất lượng, hiệu quả công việc và kết

quả kinh doanh của đơn vị.

Ngoài ra, Agribank cũng có những chính sách về tiền thưởng cho các ngày lễ trong năm và các chế độ phúc lợi khác như: Du lịch, nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ, hiếu hi...; các chương trình hỗ trợ người lao động (hỗ trợ người thân là thương bệnh binh...), tổ chức thăm hỏi động viên người lao động hoặc người thân nhân người lao động ốm đau, bệnh tật, từ tuất...

9.2.3. Chính sách đào tạo

Hàng năm, Agribank tổ chức xây dựng, triển khai và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch đào tạo, kiểm tra và thi trong toàn hệ thống. Các chương trình đào tạo được xây dựng hướng đến mục tiêu trọng tâm: (i) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước triển khai hoạt động đào tạo dựa trên khung năng lực, khung chương trình đào tạo và vị trí việc làm, làm cơ sở đánh giá năng lực đội ngũ cán bộ, góp phần nâng cao hiệu quả công việc, phù hợp với định hướng chỉ đạo của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Agribank lần thứ X nhiệm kỳ 2020-2025; (ii) Đáp ứng yêu cầu đổi mới hoạt động ngân hàng trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0, hỗ trợ nâng cấp sản phẩm, dịch vụ theo hướng hiện đại, hiệu quả, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng lợi nhuận, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống; (iii) Theo sát xu hướng phát triển ngân hàng số, chú trọng xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo phù hợp, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ trong công tác đào tạo, đẩy mạnh triển khai mô hình học tập kết hợp giữa hình thức đào tạo trực tiếp và đào tạo trực tuyến (E-learning), nhằm tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao trải nghiệm học tập của cán bộ. Kết quả cụ thể như sau:

9.2.3.1. Kết quả đào tạo theo kế hoạch đào tạo của các đơn vị trong toàn hệ thống Agribank

Tính đến 30/6/2025, Agribank đã tổ chức đào tạo 271.924 lượt người, tổng số ngày đào tạo là 288.938 ngày, số ngày đào tạo bình quân của toàn hệ thống đạt khoảng 7,15 ngày/người, trong đó Trường Đào tạo cán bộ là đơn vị đầu mối thực hiện Kế hoạch đào tạo tập trung của Agribank, các đơn vị thực hiện kế hoạch tự đào tạo tại đơn vị, kết quả cụ thể như sau:

- Về đào tạo tập trung (Trường Đào tạo cán bộ đầu mối thực hiện): đã triển khai 57 chương trình với 191 lớp học, số lượng học viên là 148.321 lượt người, số ngày đào tạo là 121.010 ngày, số ngày đào tạo bình quân khoảng 03 ngày/người (trong đó có 24 chương trình đào tạo nghiệp vụ, 08 chương trình đào tạo cho đội ngũ lãnh đạo các cấp, 12 chương trình về chuyển đổi số, 04 chương trình về đào tạo về ESG, 32 chương trình kỹ năng và kiến thức bổ trợ, 16 chương trình đào tạo qua hệ thống E-Learning, 05 chương trình đào tạo phát sinh theo nhu cầu đào tạo).
- Đào tạo tại các đơn vị (tự đào tạo): các đơn vị trong hệ thống đã đào tạo 123.603 lượt người, tổng số ngày tự đào tạo là 167.928 ngày, số ngày tự đào tạo bình quân đạt khoảng 4,15 ngày/người. Nội dung đào tạo của các đơn vị tập trung vào các văn bản, quy định quy trình nội bộ liên quan đến các mảng nghiệp vụ như: Tín dụng; Kế hoạch và Quản lý rủi ro;

Kế toán và Ngân quỹ; Kiểm tra, giám sát nội bộ; Công nghệ thông tin, chuyển đổi số; Kiến thức bổ trợ liên quan đến các nghiệp vụ và kỹ năng chăm sóc khách nhằm cập nhật kiến thức, kỹ năng cho người lao động tại đơn vị.

Bên cạnh các hoạt động đào tạo truyền thống, Agribank đã triển khai chương trình “Bình dân học vụ số” trong toàn hệ thống, nhằm phổ cập kiến thức, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người lao động. Chương trình hướng đến việc khơi dậy tinh thần tự học, chủ động cập nhật và nâng cao năng lực số, giúp người lao động sử dụng hiệu quả các nền tảng, công cụ và dịch vụ số trong công việc, từ đó hình thành tư duy số, thích ứng linh hoạt và coi công nghệ là yếu tố thiết yếu trong môi trường làm việc hiện đại.

Song song với đó, Agribank đang chuẩn bị tổ chức Hội thi “Agribanker làm chủ công nghệ trong kỷ nguyên số”. Đây là sân chơi nhằm phát hiện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và khả năng ứng dụng công nghệ số vào thực tiễn công tác. Lực lượng này sẽ đóng vai trò nòng cốt trong việc lan tỏa tư duy chuyển đổi số, đồng thời làm cầu nối, cổ vũ cho các hoạt động chuyển đổi số tại đơn vị và trên toàn hệ thống.

9.2.3.2. Tổ chức thi, kiểm tra nghiệp vụ trong hệ thống

Tính đến ngày 30/06/2025, Agribank đã tổ chức 05 đợt kiểm tra, thi nghiệp vụ với tổng số 38.155 lượt cán bộ tham dự, kết quả cụ thể như sau:

- Hoàn thành 02 đợt kiểm tra nghiệp vụ định kỳ đối với người lao động tại Trụ sở chính, Văn phòng Đại diện, Đơn vị sự nghiệp với số lượng 2.187 lượt cán bộ.
- Hoàn thành 01 đợt kiểm tra nghiệp vụ định kỳ đối với người lao động tại Chi nhánh với số lượng 33.364 cán bộ.
- Hoàn thành kiểm tra nghiệp vụ đối với Phó Giám đốc Chi nhánh loại I với số lượng 420 cán bộ.
- Hoàn thành kỳ thi sát hạch nghiệp vụ đối với người lao động tại Trụ sở chính, Văn phòng Đại diện, Đơn vị sự nghiệp với số lượng 2.184 cán bộ.

10. Chính sách cổ tức

Do là ngân hàng có 100% vốn của Nhà nước nên chính sách lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Agribank được quyết định bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Chỉ tiêu chủ yếu

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1. Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	41.269	51.639	51.639
- Tổng tài sản có (Tỷ đồng)	1.680.775	1.847.087	1.993.317

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
- Tỷ lệ an toàn vốn riêng (CAR)	9,06%	11,21%	11,12%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Huy động tiền gửi khách hàng (Tỷ đồng)	1.817.271	1.914.664	2.039.346
- Dư nợ cho vay khách hàng (Tỷ đồng) (Tổng dư nợ cho vay nền kinh tế)	1.550.247	1.721.208	1.851.343
- Doanh số thu nợ khách hàng (Tỷ đồng)	2.096.100	2.544.026	1.528.942
- Nợ quá hạn (Tỷ đồng)	61.743	58.211	55.772
- Nợ xấu (Nợ khó đòi) (Tỷ đồng)	29.435	29.009	26.593
- Hệ số sử dụng vốn (Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn)	23,11%	21,37%	22,74%
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%	0%
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (Dư nợ cho vay khách hàng)	3,98%	3,38%	3,01%
- Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ (Dư nợ cho vay khách hàng)	1,899%	1,685%	1,436%
3. Khả năng thanh toán			
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	16,35%	15,67%	14,91%
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR)	82,38%	83,45%	83,64%
Tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày đối với VND	183,05%	157,06%	143,71%
Tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày đối với ngoại tệ quy đổi USD	204,25%	151,67%	196,73%

(Nguồn: Agribank)

11.2. Chỉ tiêu khác

a) Tình hình các tài sản có khác

Hiện nay, Agribank còn một số các khoản phải thu từ các hoạt động đầu tư, cung cấp dịch vụ bảo hiểm, nộp thừa thuế thu nhập doanh nghiệp..., cụ thể như sau:

Các khoản phải thu (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023 (*)	31/12/2024	30/06/2025
Các khoản phải thu	8.293	7.650	10.736

Chỉ tiêu	31/12/2023 (*)	31/12/2024	30/06/2025
Các khoản lãi, phí phải thu	13.500	12.938	15.527
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	2	3	5
Tài sản Có khác	3.523	2.320	3.125
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(1.756)	(815)	(814)
Tổng cộng	23.562	22.096	28.579

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Số liệu năm 31/12/2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Các khoản phải thu (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023 (*)	31/12/2024	30/06/2025
Các khoản phải thu	7.622	6.887	9.971
Các khoản lãi, phí phải thu	13.414	12.856	15.413
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-	3
Tài sản có khác	3.002	1.743	2.545
Các khoản dự phòng rủi ro khác	(1.296)	(371)	(371)
Tổng cộng	22.742	21.115	27.561

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Số liệu năm 31/12/2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023

b) Tình hình công nợ

Agribank thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải trả và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

Công nợ các khoản phải trả (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023 (*)	31/12/2024	30/06/2025
Các khoản lãi, phí phải trả	39.837	30.269	31.506
Tài sản thuế TNDN hoãn lại phải trả	6	3	0,012
Các khoản phải trả và công nợ khác	17.286	15.606	12.528
Tổng cộng	57.129	45.878	44.034

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Số liệu năm 31/12/2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023

Công nợ các khoản phải trả (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023 (*)	31/12/2024	30/06/2025
Các khoản lãi, phí phải trả	39.869	30.100	31.327
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	2	4	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	14.768	12.831	9.753
Tổng cộng	54.639	42.935	41.080

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

(*) Số liệu năm 31/12/2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023

c) Trái Phiếu chưa đáo hạn

Đến thời điểm hiện tại, tổng dư nợ Trái Phiếu do Agribank đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 77.261.204 triệu đồng theo mệnh giá, bao gồm cả Trái Phiếu phát hành riêng lẻ và ra công chúng.

Chủ yếu các trái phiếu đã phát hành của Agribank là Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 theo quy định của NHNN (được gọi là Trái Phiếu tăng vốn).

Thông tin chi tiết về các Trái Phiếu chưa đáo hạn của Agribank như sau:

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá (đồng)	Giá trị mệnh giá (triệu đồng)	Đặc điểm, loại Trái Phiếu
I	Trái Phiếu phát hành ra công chúng					
1.	Agribank182801	25/12/2018	10 năm	1.000.000	3.961.937	Trái Phiếu tăng vốn
2.	Agribank202703	24/12/2020	07 năm	1.000.000	4.617.921	Trái Phiếu tăng vốn
3.	VBA121033	31/12/2021	07 năm	1.000.000	1.769.146	Trái Phiếu tăng vốn
4.	VBA122001	30/12/2022	08 năm	100.000	10.000.000	Trái Phiếu tăng vốn
5.	VBA123036	05/12/2023	08 năm	100.000	10.000.000	Trái Phiếu tăng vốn
6.	VBA124019	14/08/2024	10 năm	100.000	10.000.000	Trái Phiếu tăng vốn
7.	VBA125019	29/07/2025	10 năm	100.000	10.000.000	Trái Phiếu tăng vốn
Tổng cộng					50.349.004	
II	Trái Phiếu phát hành riêng lẻ					
1.	AGRIBANK BOND-15	02/12/2015	10 năm	1.000.000.000	4.350.000	Trái Phiếu tăng vốn
2.	Agribank2027012	24/09/2020	07 năm	1.000.000.000	2.000.000	Trái Phiếu tăng vốn

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá (đồng)	Giá trị mệnh giá (triệu đồng)	Đặc điểm, loại Trái Phiếu
3.	Agribank2027021	30/10/2020	07 năm	500.000.000	76.500	Trái Phiếu tăng vốn
4.	Agribank2027022	30/10/2020	07 năm	1.000.000.000	387.000	Trái Phiếu tăng vốn
5.	Agribank2027041	15/12/2020	07 năm	500.000.000	117.000	Trái Phiếu tăng vốn
6.	Agribank2027042	15/12/2020	07 năm	1.000.000.000	630.000	Trái Phiếu tăng vốn
7.	VBA12101	08/04/2021	07 năm	500.000.000	300.000	Trái Phiếu tăng vốn
8.	VBA12102	08/04/2021	07 năm	1.000.000.000	1.489.000	Trái Phiếu tăng vốn
9.	VBA12127	30/08/2021	10 năm	100.000.000	1.200.000	Trái Phiếu tăng vốn
10.	VBA12103	28/10/2021	07 năm	100.000.000	1.000.000	Trái Phiếu tăng vốn
11.	VBA12104	30/11/2021	07 năm	100.000.000	1.057.700	Trái Phiếu tăng vốn
12.	VBA12105	22/12/2021	07 năm	100.000.000	600.000	Trái Phiếu tăng vốn
13.	VBA12207	30/06/2022	10 năm	1.000.000.000	200.000	Trái Phiếu tăng vốn
14.	VBA12208	10/08/2022	10 năm	1.000.000.000	600.000	Trái Phiếu tăng vốn
15.	VBA12209	16/09/2022	10 năm	1.000.000.000	435.000	Trái Phiếu tăng vốn
16.	VBA12501	30/06/2025	10 năm	100.000.000	4.700.000	Trái Phiếu tăng vốn
17.	VBA12502	30/06/2025	15 năm	100.000.000	250.000	Trái Phiếu tăng vốn
18.	VBA12503	14/07/2025	02 năm	100.000.000	7.520.000	Trái phiếu thông thường
Tổng cộng					26.912.200	

Đối với Trái Phiếu chưa đáo hạn nói trên, Agribank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành Trái Phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn với tiền gốc, lãi Trái Phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản thuế và nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành đã được Agribank thực hiện kê khai và thanh toán cho các cơ quan thuế đầy đủ và đúng hạn, bảo đảm tuân thủ và phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chi tiêu	01/01/2024	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	Biến động, khác	31/12/2024
Thuế giá trị gia tăng	61	719	(717)	-	63
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.437	5.421	(6.628)	3	1.233

Chỉ tiêu	01/01/2024	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	Biến động khác	31/12/2024
Các loại thuế khác	118	1.578	(1.519)	-	177
Tổng	2.616	7.718	(8.864)	3	1.473

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024 của Agribank)

e) Trích lập các quỹ

Agribank tuân thủ và thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ được Agribank sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng. Tình hình trích lập các quỹ trong 02 năm gần nhất của Agribank:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Lợi nhuận chưa phân phối (năm 2023) (*)	Lợi nhuận chưa phân phối (năm 2024)
Số dư đầu năm	19.456	14.071
Tăng trong năm	20.366	21.935
Lợi nhuận thuần trong năm	20.541	21.935
Điều chỉnh quỹ trong năm	(175)	-
Tăng khác	-	-
Giảm trong năm	(25.751)	(8.600)
Công ty con tăng vốn điều lệ từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	(110)	-
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	(11.748)	-
Trích quỹ của các công ty con	-	(4)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.530)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi công ty con	-	(57)
Trích quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	(5)	(1)
Thoái vốn công ty con	-	-
Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	-	-
Tạm ứng chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước ("NSNN") trong năm	-	(7.092)
Chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước ("NSNN") trong năm	(7.370)	-
Quyết toán khoản tạm chuyển lợi nhuận về NSNN năm trước	-	(1.411)
Bán cổ phiếu quỹ trong năm của công ty con	-	4

Chỉ tiêu	Lợi nhuận chưa phân phối (năm 2023) (*)	Lợi nhuận chưa phân phối (năm 2024)
Biến động khác	12	(40)
Số dư cuối năm	14.071	27.406

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 của Agribank)

(*) Số liệu năm 2023 được trình bày lại theo Kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2023

D) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Triển vọng thị trường tài chính Việt Nam năm 2025 vẫn tích cực, song cũng đi kèm với không ít thách thức, đặc biệt là từ môi trường quốc tế nhiều bất định. Các chính sách mới về thương mại, thuế quan, đầu tư quốc tế và quan hệ đối ngoại từ chính quyền mới có thể tác động mạnh tới kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Riêng vấn đề thuế quan đối ứng giữa Việt Nam và Mỹ được xem là nhân tố then chốt ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế năm 2025. Các dự báo về tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 mang lại cả cơ hội và thách thức cho Việt Nam. Nhìn chung trong năm 2025, kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng ổn định nhưng dưới mức trung bình dài hạn, lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm, thương mại toàn cầu phục hồi, đồng USD có xu hướng tăng giá, thị trường chứng khoán toàn cầu hồi phục và xu hướng chính sách của các quốc gia có nhiều thay đổi. Việc điều hành linh hoạt, phối hợp chặt chẽ chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ với chính sách vĩ mô khác, theo dõi sát diễn biến kinh tế, tài chính thế giới sẽ giúp Việt Nam tận dụng tốt các cơ hội; đồng thời, ứng phó kịp thời với những biến động từ môi trường kinh tế quốc tế, bảo đảm phát triển và ổn định kinh tế vĩ mô.

Theo đó, thống đốc NHNN đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2025. Tại chỉ thị, Thống đốc NHNN yêu cầu các đơn vị thuộc NHNN và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện nghiêm túc các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2025, góp phần ưu tiên thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng kinh tế gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Năm 2025, NHNN dự kiến tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đồng thời ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát với mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 16%.

Trong thời gian qua, Agribank đã chủ động, linh hoạt cung ứng vốn tín dụng cho nền kinh tế và phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, tập trung cho 3 động lực tăng trưởng chính là tiêu dùng, xuất khẩu, đầu tư và ưu tiên 5 lĩnh vực mũi nhọn bao gồm xuất khẩu, nông nghiệp, công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ.

Ngay từ những ngày đầu năm 2025, Agribank đã tung ra gói tín dụng ưu đãi khủng trị giá 110.000 tỷ đồng nhằm hỗ trợ khách hàng cá nhân. Bên cạnh chương trình vay ngắn hạn, Agribank còn dành 20.000 tỷ đồng cho các khoản vay trung và dài hạn, nhằm hỗ trợ khách

hàng cá nhân thực hiện các kế hoạch đầu tư lớn hoặc mở rộng hoạt động kinh doanh lâu dài. Với mức lãi suất ưu đãi chỉ từ 6,0%/năm trong 6-12 tháng đầu, chương trình này giúp giảm bớt gánh nặng chi phí lãi vay cho khách hàng trong những giai đoạn đầu triển khai dự án. Với vai trò tiên phong trong việc thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, Agribank đã dành riêng 10.000 tỷ đồng triển khai chương trình cho vay “Tín dụng xanh” ưu đãi dành cho khách hàng cá nhân với sản lãi suất cho vay chỉ từ 3,5%/năm. Chương trình khuyến khích và hỗ trợ khách hàng cá nhân thực hiện các dự án xanh và thân thiện môi trường như sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng lượng tái tạo, công nghệ sạch. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025, nguồn vốn huy động của Agribank đạt trên 2,1 triệu tỷ đồng; dư nợ cho vay nền kinh tế của Agribank đạt trên 1,85 triệu tỷ đồng, tăng lần lượt 6,4% và 7,6% so với đầu năm, cao nhất từ năm 2021 trở lại đây, trong đó tiền gửi dân cư chiếm tỷ trọng lớn.

12. Hội đồng thành viên, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ
• Ông Tô Huy Vũ	Chủ tịch HĐQT
• Ông Phạm Toàn Vượng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
• Ông Trần Văn Dũng	Thành viên HĐQT
• Bà Nguyễn Tuyết Dương	Thành viên HĐQT
• Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên HĐQT
• Ông Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐQT
• Ông Lê Xuân Trung	Thành viên HĐQT
• Bà Từ Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT
• Ông Phạm Đức Tuấn	Thành viên HĐQT

➤ Chủ tịch Hội đồng thành viên

Họ và tên: **Tô Huy Vũ**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/6/1980

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001080044373, Ngày cấp: 09/12/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Năm 2003	Chuyên viên Vụ xuất nhập khẩu, Bộ Thương mại
Từ 2003 - 2010	Đào tạo tại Pháp
Từ 2011 - 2012	Trưởng phòng Marketing Công ty TNHH một thành viên Vietrans
Từ 2012 - 2013	Trưởng phòng Vụ Dự báo Thống kê Tiền tệ NHNN
Từ 2013 - 2015	Phó Vụ trưởng Vụ Dự báo Thống kê Tiền tệ NHNN
Từ 5/2015 - 8/2017	Vụ trưởng Vụ Dự báo Thống kê Tiền tệ NHNN
Từ 8/2017 - 3/2025	Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế NHNN
Từ 4/2025 - nay	Chủ tịch HĐQT Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Chủ tịch HĐQT Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Phạm Toàn Vượng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/5/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036076006776, Ngày cấp: 31/12/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1999 - 2000	Chuyên viên Ban Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 2000 - 2002	Chuyên viên Ban Thư ký pháp chế Agribank
Từ 2002 - 2004	Chuyên viên Phòng Kinh doanh Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 2004 - 2005	Tổ phó phụ trách Tổ kiểm tra, kiểm toán nội bộ Agribank Chi nhánh Quảng An
Từ 2005 - 2006	Phó phòng phụ trách phòng Nguồn vốn và Kế hoạch tổng hợp Agribank Chi nhánh Quảng An
Từ 2006 - 2007	Trưởng phòng Nguồn vốn và Kế hoạch tổng hợp Agribank Chi nhánh Quảng An
Từ 2007 - 2008	Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Hồng Hà
Từ 2008 - 2012	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Mỹ Đình
Từ 2013 - 2015	Giám đốc Agribank Chi nhánh Mỹ Đình
Từ 2015 - 2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 2021 - 2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ
Từ 10/2022 - 11/2022	Phó Tổng Giám đốc phụ trách ban điều hành Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ
Từ 12/2022 - 02/2023	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ
Từ 02/2023 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Agribank
Từ 02/2025 - nay	Chủ tịch Hiệp hội ngân hàng Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Chủ tịch Hiệp hội ngân hàng Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không




Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Trần Văn Dũng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 06/12/1966

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 042066000202, Ngày cấp: 10/8/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1994 – 2001	Cán bộ Ban Thư ký pháp chế Agribank
Từ 2001 – 2004	Cán bộ Ban Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 2004 – 2005	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Quản lý rủi ro Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 2005 – 2009	Trưởng phòng Quản lý rủi ro Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 2009 – 2014	Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank
Năm 2014	Trưởng ban Thư ký HĐQT Agribank
Từ 2014 – 2022	Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 01/09/2022 - 05/09/2022	Thành viên HĐQT Agribank
Từ 05/09/2022 - 12/2024	Thành viên HĐQT Agribank kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 12/2024 - 4/2025	Thành viên phụ trách điều hành HĐTV Agribank kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank
Từ 4/2025 - nay	Thành viên HĐTV Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐTV Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Nguyễn Tuyết Dương**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 25/12/1968

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001168002410, Ngày cấp: 29/04/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1995 – 1997	Chuyên viên tập sự Vụ Pháp chế NHNN
Từ 1997 – 2003	Chuyên viên Vụ Pháp chế NHNN
Từ 2003 – 2005	Phó Trưởng phòng Vụ Pháp chế NHNN




Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2005 – 2008	Trưởng phòng Vụ Pháp chế NHNN
Từ 02/2008 – 12/2018	Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế NHNN
Từ 01/2019 – nay	Thành viên HĐQT Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: Nguyễn Thị Thảo

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 10/10/1979

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 037179001768, Ngày cấp: 24/6/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

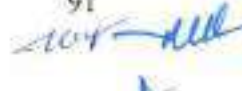
Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Ninh Bình

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2001 – 2007	Cán bộ phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Từ 2007 – 2012	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Năm 2012	Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Láng Hạ


Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2012 – 2013	Trưởng phòng Thẩm định Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Từ 2013 – 2016	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Từ 2016 – 2019	Giám đốc Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Từ 04/2019 – 08/2022	Phó Chủ nhiệm chuyên trách Ủy ban Nhân sự Agribank
Từ 01/9/2022 - 05/09/2022	Thành viên HĐQT Agribank kiêm Phó Chủ nhiệm chuyên trách Ủy ban Nhân sự
Từ 05/09/2022 - nay	Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Nguyễn Minh Phương**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/11/1968

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 025068000023, Ngày cấp: 26/12/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Phú Thọ

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1988 – 1996	Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú
Từ 1997 – 1998	Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Phú Thọ
Từ 1998 – 2001	Chuyên viên Ban Hạch toán kinh doanh Agribank
Từ 2001 – 2002	Phó Trưởng phòng Tổng hợp Trung tâm thanh toán Agribank
Từ 2002 – 2003	Trưởng phòng Tổng hợp Trung tâm thanh toán Agribank
Năm 2003	Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 2003 - 2004	Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 2004 - 2014	Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 2014 – 2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 2015 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS)
Từ 2018 - 2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Thành viên Hội đồng quản trị ALCI
Từ 2022 – 2023	Thành viên HĐQT Agribank; Thành viên HĐQT ALCI
Từ 08/2023 – 10/2023	Thành viên HĐQT Agribank kiêm Thành viên HĐQT ALCI, Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank
Từ 11/2023 – 02/2024	Thành viên HĐQT Agribank, Thành viên phụ trách HĐQT ALCI.
Từ 08/2023 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Thành viên HĐQT kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS)
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trường BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Lê Xuân Trung**

Giới tính: **Nam**

Ngày sinh: **09/12/1970**

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: **001070001885**, Ngày cấp: **20/7/2021**, Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Dân tộc: **Kinh**

Nơi sinh: **Hà Nội**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Kinh tế**

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Năm 1994	Cán bộ phòng Tín dụng Quốc doanh Trung tâm Điều hành Agribank
Từ 1994 - 1996	Cán bộ phòng Dự án lớn, Khối Tín dụng Trung tâm Điều hành Agribank
Từ 1996 - 1998	Cán bộ phòng Tín dụng Nông nghiệp Khối Tín dụng Trung tâm Điều hành Agribank
Từ 1998 - 2001	Cán bộ Tín dụng Doanh nghiệp Agribank
Từ 2001 - 2007	Cán bộ Ban Tín dụng Agribank
Từ 2007 - 2009	Phó Chánh Văn phòng Trụ sở chính Agribank
Từ 2009 - 2012	Phó Trưởng ban Thư ký Hội đồng Quản trị (nay là Ban Thư ký HĐQT) Agribank
Từ 2012 - 2014	Phó Trưởng ban Tín dụng doanh nghiệp (sau là Ban Khách hàng doanh nghiệp) Agribank
Năm 2014	Quyền Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank
Từ 2014 - 2015	Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank
Từ 2016 - 2017	Trưởng ban Khách hàng lớn Agribank
Từ 2017 - 11/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 2018 - 2021	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank



Handwritten signatures and initials in blue ink.

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2021 - 2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank, kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Tây Hồ
Từ 3/2022 - 5/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 12/2022 - 6/2023	Thành viên HĐQT Agribank
Từ 6/2023 - 01/2025	Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank
Từ 01/2025 - 4/2025	Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban quản lý rủi ro
Từ 4/2025 - nay	Thành viên HĐQT Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Từ Thị Kim Thanh**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 20/11/1972

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001172008280, Ngày cấp: 19/01/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:




Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1995 - 1998	Chuyên viên Vụ Quản lý các Tổ chức tín dụng hợp tác
Từ 1998 - 2005	Chuyên viên Văn phòng NHNN
Từ 2005 - 2008	Phó Trưởng phòng Tổng hợp – Văn phòng NHNN
Từ 9/2008 - 11/2011	Trưởng phòng Tổng hợp thuộc Văn phòng NHNN
Từ 11/2011 - 11/2022	Phó Chánh văn phòng NHNN
Từ ngày 12/2022 - nay	Thành viên HĐQT Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ Thành viên Hội đồng thành viên

Họ và tên: **Phạm Đức Tuấn**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 25/7/1969

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036069000002, Ngày cấp: 31/5/2023, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
-----------	--------------------

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1992 – 1994	Cán bộ phòng Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 1994 – 1999	Cán bộ Sở kinh doanh hối đoái Agribank
Từ 1999 – 2004	Trưởng phòng SWIFT Sở giao dịch hối đoái (Sở giao dịch) Agribank
Từ 2004 - 2005	Trưởng phòng SWIFT Sở Quản lý kinh doanh vốn và ngoại tệ Agribank
Từ 2005 – 2007	Trưởng phòng Ủy ban Quản lý Tài sản Có – Tài sản Nợ Agribank
Năm 2007	Cán bộ phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank
Từ 2007 – 2008	Phó Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank
Từ 2008 – 2009	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank
Từ 2009 – 2013	Trưởng phòng, Trưởng ban Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank
Từ 2013 – 2015	Trưởng ban Kế hoạch nguồn vốn Agribank
Năm 2015	Trưởng ban Định chế tài chính Agribank
Từ 2015 - 2016	Trưởng ban Tổ chức Lao động và Tiền lương kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank
Từ 2016 - 2017	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Tổ chức Lao động và Tiền lương kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank
Từ 2017 - 2020	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 2019 - 2024	Phó Chủ tịch Hiệp hội Thị trường Trái Phiếu Việt Nam (VBMA)
Từ 2020 - 2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC)
Từ 2022 - 2023	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 08/2023 - 01/2025	Thành viên HĐQT Agribank
Từ 01/2025 - 4/2025	Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban chính sách
Từ 4/2025 - nay	Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban quản lý rủi ro Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban quản lý rủi ro Agribank
 Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

12.2. Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
• Ông Trần Trọng Dương	Trưởng Ban kiểm soát
• Ông Nguyễn Xuân Hùng	Thành viên Ban kiểm soát
• Ông Phạm Văn Minh	Thành viên Ban kiểm soát
• Ông Lê Văn Đê	Thành viên Ban kiểm soát
• Bà Thái Thị An Hoa	Thành viên Ban kiểm soát
• Ông Lê Mạnh Thắng	Thành viên Ban kiểm soát
• Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên Ban kiểm soát
• Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên Ban kiểm soát
• Ông Đinh Việt Đông	Thành viên Ban kiểm soát

➤ Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên: **Trần Trọng Dương**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 10/11/1964

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 037064006839, Ngày cấp: 10/5/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Ninh Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1985 – 1987	Cán bộ Kế hoạch Chi nhánh NHNN huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải
Từ 1988 – 1990	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Agribank Chi nhánh Huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải
Từ 1990 – 1992	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải
Từ 1993 – 1995	Trưởng phòng Kinh doanh Agribank Chi nhánh Khu vực Bình Minh, Huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải
Năm 1996	Trưởng phòng Tín dụng Ngân hàng phục vụ người nghèo Thị xã Cà Mau, Tỉnh Minh Hải
Năm 1997	Phó Trưởng phòng Kinh doanh Agribank Chi nhánh Tỉnh Bạc Liêu
Từ 1997 – 2001	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Tỉnh Bạc Liêu
Từ 2001 – 2008	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Tỉnh Bạc Liêu
Từ 2008 – 2011	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Hùng Vương, Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 2011 – 2012	Phó Giám đốc Phụ trách Agribank Chi nhánh Bình Chánh
Từ 2012 – 2015	Giám đốc Agribank Chi nhánh Bình Chánh
Từ 10/2015 – 08/2017	Giám đốc Agribank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 08/2017 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Trưởng Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: **Nguyễn Xuân Hùng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 11/10/1974

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 024074000385, Ngày cấp: 24/08/2022, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1998 - 2001	Cán bộ tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hóa
Từ 2001 - 2003	Phó Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hóa
Từ 2005 - 2006	Phó giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hóa
Từ 2006 - 2015	Cán bộ Ban Kiểm tra, kiểm soát nội bộ
Từ 2015 - 2017	Cán bộ Ban thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo xử lý nợ Agribank
Từ 2017 - 2019	Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 11/2019 - 3/2020	Phó Tổng giám đốc phụ trách điều hành Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 3/2020 - 11/2022	Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 12/2022 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Phạm Văn Minh**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 21/5/1974

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001074005535, Ngày cấp: 25/04/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1995 - 1996	Học nghề tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
Từ 1996 - 1999	Nhân viên Phòng Bảo lãnh Hội sở chính BIDV
Từ 1999 - 2004	Nhân viên khai thác bảo hiểm Công ty liên doanh Bảo hiểm Việt - Úc
Năm 2004	Nhân viên phòng Tín dụng 3, Ban tín dụng Hội sở chính BIDV
Từ 2004 - 2005	Nhân viên phòng phát triển sản phẩm, Ban Dịch vụ Hội sở chính BIDV
Năm 2005	Phó Trưởng phòng phát triển sản phẩm, Ban Dịch vụ Hội sở chính BIDV
Từ 2005 - 2006	Thành viên tổ công tác của BIDV đàm phán mua lại phần góp vốn của Tập đoàn bảo hiểm và tái bảo hiểm QBE trong Công ty Liên doanh Bảo hiểm Việt - Úc
Năm 2006	Trưởng phòng giải quyết khiếu nại Công ty Bảo hiểm BIDV
Từ 2006 - 2009	Trưởng phòng Quản lý rủi ro Hội sở chính Ngân hàng Liên doanh Việt Nga

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2009 - 2015	Phó giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch Ngân hàng Liên doanh Việt Nga
Từ 2015 - 2016	Giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch Ngân hàng Liên doanh Việt Nga
Từ 2016 - 2018	Phó Trưởng ban Kế hoạch Nguồn vốn Agribank nay là Ban Kế hoạch chiến lược
Từ 2018 - 2019	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách
Từ 10/2019 - 6/2020	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách được trung tập tham gia lãnh đạo Ban Thư ký Hội đồng thành viên
Từ 6/2020 - 10/2024	Trưởng ban Thư ký Hội đồng thành viên, Bí thư Chi bộ Ban Thư ký Hội đồng thành viên
Từ 10/2024 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

> Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Lê Văn Đề

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/3/1966

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 010066002937, Ngày cấp: 22/02/2025, Nơi cấp: Bộ Công an

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Lào Cai

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1992 - 1997	Chuyên viên Phòng Tiền tệ - Kho quỹ và Quản lý ngoại hối NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai
Từ 1997 - 1999	Chuyên viên phòng Tổng hợp và Quản lý các Tổ chức tín dụng NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai
Từ 1999 - 2002	Chuyên viên Thanh tra NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai
Từ 2003 - 2006	Phó Trưởng phòng Tổng hợp và Quản lý các Tổ chức tín dụng NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai
Từ 2006 - 2008	Trưởng phòng Tổng hợp và Quản lý các Tổ chức tín dụng NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai
Từ 2008 - 2017	Trưởng phòng Hành chính - Nhân sự NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai
Từ 10/2017 - 8/2022	Phó giám đốc NHNN
Từ 9/2022 - 02/2025	Phó Vụ trưởng Kiểm toán nội bộ NHNN
Từ 3/2025 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

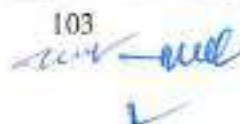
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Thái Thị An Hoa**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 25/12/1972

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001172045716, Ngày cấp: 01/11/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1996 - 1999	Chuyên viên phòng Thanh tra các Tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh
Từ 1999 - 2001	Thanh tra viên phòng Thanh tra các Tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh
Từ 2001 - 2008	Thanh tra viên Văn phòng Thanh tra NHNN
Từ 2008 - 2009	Phó Chánh Văn phòng Thanh tra NHNN
Năm 2009	Phó Trưởng phòng tổng hợp và điều tra thống kê, Vụ Dự báo thống kê tiền tệ NHNN
Từ 2009 - 2012	Trưởng phòng Tổng hợp và điều tra thống kê, Vụ Dự báo thống kê tiền tệ NHNN
Từ 3/2012 - 11/2015	Trưởng phòng Tổng hợp Vụ Dự báo, thống kê NHNN
Từ 12/2015 - 4/2025	Phó Vụ trưởng Vụ Dự báo, thống kê NHNN
Từ 4/2025 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Agribank:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:

Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành

viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Lê Mạnh Thắng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 17/10/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019076000331, Ngày cấp: 26/05/2023, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1998 - 2002	Nhân viên, Trưởng nhóm Kiểm toán Công ty Kiểm toán Việt Nam
Từ 2002 - 2003	Cán bộ phân tích dự án Công ty Dragon Capital – Văn phòng Hà Nội
Từ 2003 - 2005	Chuyên gia Tư vấn tài chính dự án, Công ty Chứng khoán Mekong
Từ 2005 - 2006	Chuyên gia Tư vấn quản lý dự án, Trung tâm Truyền máu khu vực - Bộ Y tế và Ngân hàng Thế giới
Từ 2006 - 2010	Chuyên gia Tư vấn, kiểm toán độc lập, Công ty TNHH Tư vấn Chuyên nghiệp
Từ 8/2010 - 7/2015	Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam
Từ 7/2015 - 4/2025	Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu
Từ 4/2025 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Nguyễn Quang Hải**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/8/1972

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 030072000120, Ngày cấp: 04/05/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1994 - 1996	Chuyên viên (tập sự), Vụ Tín dụng, NHNN
Từ 1996 - 1997	Chuyên viên, Vụ Tín dụng, NHNN
Từ 1997 - 2004	Chuyên viên, Văn phòng Thống đốc, NHNN
Năm 2004	Phó Trưởng phòng Tổ chức tín dụng cổ phần nông thôn, Vụ Các ngân hàng, NHNN
Từ 2004 - 2009	Phó Trưởng phòng Quản lý các ngân hàng, Vụ Các ngân hàng, NHNN
Từ 2009 - 2013	Trưởng phòng Hành chính, quản trị, Văn phòng, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, NHNN
Từ 6/2013 - 3/2025	Phó Chánh Văn phòng, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, NHNN

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 3/2025 - 7/2025	Trưởng phòng Kế hoạch, tổng hợp, Thanh tra NHNN
Từ 7/2025 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: Nguyễn Văn Thành

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 24/10/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019076018679, Ngày cấp: 10/5/2023, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1998 - 2002	Cán bộ tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Phổ Yên Thái Nguyên
Từ 2002 - 2004	Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh thành phố Sông Công Thái Nguyên
Từ 2004 - 2008	Phó giám đốc Agribank Chi nhánh thành phố Sông Công Thái Nguyên

Thời gian	Quá trình công tác
	Nguyên
Từ 2008 - 2011	Phó giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Định Hóa Thái Nguyên
Năm 2011	Quyển Giám đốc Agribank Chi nhánh thành phố Sông Công Thái Nguyên
Từ 2011 - 2014	Giám đốc Agribank Chi nhánh thành phố Sông Công Thái Nguyên
Từ 2014 - 2017	Phó giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên
Từ 2017 - 2018	Phó trưởng ban Trù bị Trung tâm xử lý nợ xấu khu vực phía Bắc, Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ xấu khu vực phía Bắc
Từ 2018 - 2021	Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên
Từ 01/2021 - 3/2023	Trưởng ban Kiểm tra, giám sát nội bộ
Từ 3/2023 - 8/2025	Trưởng ban Kiểm tra, giám sát nội bộ kiêm Phó Trưởng Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Agribank
Từ 8/2025 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Đinh Việt Đông**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 04/09/1978

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 027078000618, Ngày cấp: 20/5/2023, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Bắc Ninh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2002 - 2004	Cán bộ Thanh toán quốc tế - Phòng Thanh toán quốc tế Agribank Chi nhánh Hà Nội
Từ 2004 - 2005	Phó Trưởng phòng Thanh toán quốc tế Agribank Chi nhánh Hà Nội
Từ 2005 - 2008	Phó Trưởng phòng Kinh doanh ngoại tệ và Thanh toán quốc tế (sau là phòng Kinh doanh ngoại hối) Agribank Chi nhánh Hà Nội
Từ 2008 - 2009	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Tam Trinh
Từ 2009 - 2013	Cán bộ Ban Tổ chức cán bộ Agribank
Từ 2013 - 2015	Phó Trưởng ban Tổ chức cán bộ (sau là Ban Tổ chức Lao động tiền lương) Agribank
Từ 01/2015 - 6/2020	Chủ tịch Công ty Bảo hiểm Agribank
Từ 6/2020 - 8/2025	Giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Nội
Từ 8/2025 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

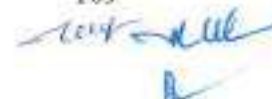
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do

NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

12.3. Ban Điều hành

Họ và tên	Chức vụ
• Ông Phạm Toàn Vượng	Tổng Giám đốc
• Ông Vương Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Hoàng Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Lê Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc
• Bà Phùng Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Trần Văn Dự	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Nguyễn Quang Hùng	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Đoàn Ngọc Lưu	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Đỗ Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Phạm Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Phùng Văn Hưng Quang	Kế toán trưởng

➤ Tổng Giám đốc

Đã trình bày tại Mục 12.1 phần IV.

➤ Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Vương Hồng Lĩnh

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/05/1973

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 040073019999, Ngày cấp: 29/9/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2001 - 2002	Cán bộ kế toán Agribank Chi nhánh Thống Nhất trực thuộc Agribank Chi nhánh huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk

Thời gian	Quá trình công tác
Năm 2002	Cán bộ tín dụng Phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk
Từ 2002 - 2004	Cán bộ tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Krông Buk, Đắk Lắk
Từ 02/2004 - 06/2004	Kiểm tra viên, Phòng Kiểm tra, Kiểm toán - Nội bộ Agribank Tỉnh Đắk Lắk
Từ 06/2004 - 09/2004	Cán bộ tín dụng Phòng tín dụng Thanh toán Quốc tế Agribank Chi nhánh Tỉnh Đắk Lắk
Từ 2004 - 2005	Cán bộ tín dụng Agribank chi nhánh Hòa Thuận, tỉnh Đắk Lắk
Từ 2005 - 2006	Tổ Trưởng tín dụng Agribank chi nhánh Hòa Thuận, tỉnh Đắk Lắk
Từ 2006 - 2008	Giám đốc chi nhánh Cấp 3 Agribank chi nhánh EaRaI, EaH'Leo, Đắk Lắk
Từ 2008 - 2009	Giám đốc chi nhánh Loại 3 Agribank chi nhánh EaRaI, Đắk Lắk
Từ 2009 - 2013	Giám đốc chi nhánh Loại 3 Agribank chi nhánh EaKPam, Đắk Lắk
Từ 2013 - 2016	Giám đốc chi nhánh Loại 3 Agribank chi nhánh huyện Cư M'Gar, Đắk Lắk
Năm 2016	Giám đốc Agribank chi nhánh 6 phụ thuộc Agribank CN Hùng Vương, Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 01/2017 - 05/2017	Phó Giám đốc Agribank chi nhánh Bắc Đắk Lắk
Từ 06/2017 - 06/2017	Quyền Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk
Từ 7/2017 - 8/2024	Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk
Từ 8/2024 - 11/2024	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk
Từ 8/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Agribank:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:

Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số

2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Hoàng Minh Ngọc**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 27/04/1977

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 042077000267, ngày cấp: 17/8/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2001 – 2004	Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh tỉnh Gia Lai
Từ 2004 – 2005	Nhân viên Tín dụng Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 2005 – 2008	Trưởng phòng giao dịch số 16 Khu Công nghiệp Thăng Long thuộc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 2008 – 2010	Giám đốc Phòng giao dịch số 16 Khu Công nghiệp Thăng Long thuộc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 2010 – 2013	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 2013 – 2014	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 5/2014 – 6/2014	Quyền Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 6/2014 – 4/2023	Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 4/2023 – 11/2023	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 11/2023 – 6/2024	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 11/2023 – nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Lê Hồng Phúc**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/12/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 030076006999, ngày cấp: 12/4/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Năm 1998	Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương
Từ 1999 – 2001	Nhân viên Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương
Từ 2001 – 2003	Phó Trưởng phòng Tín dụng thuộc Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương
Từ 2003 – 2005	Giám đốc Phòng giao dịch Ngũ Hành thuộc Agribank Chi nhánh Thanh Miện Hải Dương
Từ 2005 – 2008	Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương
Từ 2008 – 2009	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2009 – 2010	Quyền Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Ninh Giang, Hải Dương
Từ 2010 – 2015	Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Ninh Giang, Hải Dương
Từ 2015 – 2017	Phó Chánh Văn phòng Trụ sở chính Agribank
Từ 10/2017 – 12/2018	Giám đốc Agribank Chi nhánh Hải Dương II
Từ 01/2019 – 4/2023	Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Hải Dương
Từ 4/2023 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Phùng Thị Bình**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 08/03/1977

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036177011959, ngày cấp: 29/7/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1998 – 2000	Nhân viên phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Nam Sài Gòn
Từ 2000 – 2005	Nhân viên phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Sở giao dịch
Từ 2005 – 2013	Phó Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Sở giao dịch
Từ 2013 – 2014	Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Sở giao dịch
Từ 2014 – 2015	Phó Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank
Từ 2016 – 2016	Phó Trưởng ban phụ trách điều hành ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank
Từ 2016 – 2017	Phó Trưởng ban Tín dụng Agribank
Năm 2017	Phó Trưởng ban Khách hàng lớn Agribank
Từ 2017 – 2018	Phó Trưởng ban phụ trách điều hành ban Khách hàng lớn Agribank
Từ 2018 – 2019	Phó Trưởng ban Khách hàng lớn Agribank
Từ 10/2019 – 8/2021	Giám đốc Trung tâm quản lý rủi ro Agribank
Từ 8/2021 – 4/2023	Trưởng ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng Agribank
Từ 4/2023 – nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

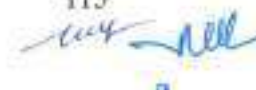
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Trần Văn Dự**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/11/1964

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001064012222, Ngày cấp: 21/08/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1985 - 1992	Cán bộ Tín dụng Agribank Chi nhánh Mỹ Đức, Hà Tây
Từ 1992 - 1994	Cán bộ Kế hoạch Agribank Chi nhánh Hà Tây
Năm 1994	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 1994 - 1998	Trưởng phòng Điện toán Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 1998 - 2003	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 2003 - 2004	Phó Giám đốc phụ trách Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 02/2004 - 08/2017	Giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 08/2017 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Nguyễn Quang Hùng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 18/12/1967

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 027067011597, Ngày cấp: 01/09/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Bắc Ninh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1987 – 1988	Cán bộ NHNN Chi nhánh huyện Lục Nam, tỉnh Hà Bắc
Từ 1988 – 1991	Nhập ngũ tham gia quân đội tại E 445 – Quân khu I
Từ 1991 – 1993	Cán bộ Kế toán Agribank Chi nhánh huyện Quế Võ Hà Bắc
Từ 1993 – 1996	Phó Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chi nhánh huyện Quế Võ Hà Bắc
Từ 1996 – 1997	Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chi nhánh huyện Quế Võ Hà Bắc
Năm 1997	Cán bộ Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh
Từ 1997 – 2003	Phó Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh
Từ 2003 – 2010	Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh
Từ 2010 – 2013	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh
Từ 2014 – 2022	Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh
Từ 09/2022 – nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 09/2022 – 10/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Bắc Ninh
Từ 02/2023 – 02/2025	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và Giám sát tuân thủ Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Đoàn Ngọc Lưu**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/8/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036076009576, Ngày cấp: 23/09/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1998 - 2004	Kiểm toán viên, Kiểm toán viên chính - Công ty TNHH kiểm toán Việt Nam VACO (Nay là Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam)
Từ 2004 - 2008	Giảng viên Khoa kế toán - Học viện Tài chính
Từ 2008 - 2009	Phó Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)
Từ 2009 - 2013	Thành viên Ban kiểm soát PVFC, Trưởng kiểm toán nội bộ - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)
Từ 2013 - 2016	Trưởng kiểm toán nội bộ PvcomBank
Từ 2016 - 2017	Phó Trưởng kiểm toán nội bộ Agribank

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2016 - 2017	Tham gia Lãnh đạo Ban Kế hoạch - Nguồn vốn, Agribank
Từ 2017 - 2018	Giám đốc Agribank Chi nhánh Bắc Nam Định
Từ 2018 - 2020	Trưởng Ban Kế hoạch Nguồn vốn Agribank
Từ 6/2020 - 2/2022	Giám đốc Agribank Chi nhánh Thăng Long
Từ 3/2022 - 1/2024	Phó Vụ trưởng Vụ kiểm toán nội bộ NHNN
Từ 2/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Đỗ Đức Thành**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 03/12/1978

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001078043291, Ngày cấp: 06/08/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2001 - 2004	Cán bộ tín dụng, Agribank Chi nhánh tỉnh Hà Tây
Từ 2004 - 2006	Cán bộ thẩm định, Agribank Chi nhánh tỉnh Hà Tây
Từ 2006 - 2007	Tổ phó phụ trách Tổ nghiệp vụ Thẻ, Agribank Chi nhánh tỉnh Hà Tây
Từ 2007 - 2008	Tổ phó Tổ nghiệp vụ Thẻ, Agribank tỉnh Hà Tây
Từ 2008 - 2009	Phó Trưởng phòng Dịch vụ và Marketing Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 2009 - 2010	Phó Trưởng phòng Tín dụng, Agribank Chi nhánh Hà Tây
Năm 2011	Phó giám đốc Agribank Loại 3 Xuân Mai Hà Tây
Từ 2011 - 2012	Phó Trưởng phòng Tín dụng, phụ trách bộ phận Thẩm định Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 2012 - 2014	Trưởng phòng Thẩm định, Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 2014 - 2017	Phó giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 8/2017 - 11/2017	Phó giám đốc phụ trách điều hành Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 11/2017 - 5/2020	Giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 6/2020 - 10/2024	Trưởng Ban Tổ chức nhân sự
Từ 10/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Ban Tổ chức nhân sự Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Ban Tổ chức nhân sự Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

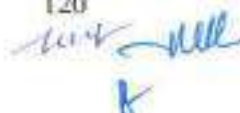
Các khoản nợ đối với Agribank:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:

Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Phạm Chí Thành**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/12/1985

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 034085011999, Ngày cấp: 26/06/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2008 - 2010	Kỹ sư xây dựng làm doanh nghiệp tư nhân
Từ 2011 - 2016	Nhân viên ban Xây dựng và Quản lý tài sản Agribank (Ban Quản lý đầu tư nội ngành)
Từ 2016 - 2017	Phó Trưởng ban Xây dựng và Quản lý tài sản Agribank
Từ 2017 - 2020	Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Agribank
Từ 6/2020 - 10/2024	Chánh Văn phòng Trụ sở chính
Từ 11/2023 - 10/2024	Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính
Từ 10/2024 – nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

12.3.1. Kế toán trưởng

Họ và tên: **Phùng Văn Hưng Quang**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/02/1965

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 026065003963, Ngày cấp: 10/5/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Vĩnh Phúc

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1988 - 1992	Nhân viên Agribank Chi nhánh Đoàn Hùng, Tỉnh Vĩnh Phú
Từ 1992 - 1993	Nhân viên phòng Kế toán thanh toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú
Từ 1993 - 1996	Phó Trưởng phòng Kế toán thanh toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú
Từ 1997 - 2000	Trưởng phòng Kế toán Ngân quỹ Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phúc
Từ 2001 - 2002	Trưởng phòng Kế toán Sở giao dịch Agribank
Từ 2002 - 2005	Phó ban Tài chính Kế toán Agribank
Từ 2005 - 2007	Phó ban Tín dụng doanh nghiệp Nhỏ và vừa Agribank
Từ 2007 - 2009	Trưởng ban Quản lý dự án cổ phần hóa Agribank
Từ 2009 - 2014	Trưởng ban Thống kê và dự báo kinh tế Agribank
Năm 2014	Trưởng ban Tài chính kế toán và ngân quỹ Agribank
Từ 10/2014 - 04/2021	Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban Tài chính kế toán Agribank
Từ 04/2021 - nay	Kế toán trưởng Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Kế toán trưởng Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Agribank:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:	Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

13. Tài sản

13.1. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tài sản cố định hữu hình hợp nhất tại thời điểm 30/06/2025 như sau:

Tài sản cố định hữu hình của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa và vật kiến trúc	12.500	5.831	46,648%
Máy móc thiết bị	4.170	697	16,715%
Phương tiện vận tải	3.371	788	23,376%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5.601	738	13,176%
Tài sản cố định khác	610	271	44,426%
Tổng cộng	26.252	8.325	31,712%

(Nguồn: BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

Chi tiết tình hình tài sản cố định hữu hình riêng tại thời điểm 30/06/2025 như sau:

Tài sản cố định hữu hình của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa và vật kiến trúc	12.262	5.656	46,126%
Máy móc thiết bị	3.930	625	15,903%
Phương tiện vận tải	3.235	761	23,524%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5.546	714	12,874%
Tài sản cố định khác	607	269	44,316%
Tổng cộng	25.580	8.025	31,372%

(Nguồn: BCTC riêng bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

13.2. Tài sản cố định thuê tài chính

Chi tiết tình hình tài sản cố định thuê tài chính hợp nhất tại thời điểm 30/06/2025 như sau:

Tài sản cố định thuê tài chính của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phương tiện vận tải	19,247	0,248	1,289%
Tổng cộng	19,247	0,248	1,289%

(Nguồn: BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

Chi tiết tình hình tài sản cố định thuê tài chính riêng tại thời điểm 30/06/2025 như sau:

Tài sản cố định thuê tài chính của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phương tiện vận tải	19,247	0,248	1,289%
Tổng cộng	19,247	0,248	1,289%

(Nguồn: BCTC riêng bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

13.3. Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tài sản cố định vô hình hợp nhất tại thời điểm 30/06/2025 như sau:

Tài sản cố định vô hình của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	2.443	2.118	86,697%
Phần mềm máy vi tính	1.735	215	12,392%
Tài sản vô hình khác	54	44	81,481%
Tổng cộng	4.232	2.377	56,167%

(Nguồn: BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

Chi tiết tình hình tài sản cố định vô hình riêng tại thời điểm 30/06/2025 như sau:

Tài sản cố định vô hình của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	2.125	1.861	87,576%

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phần mềm máy vi tính	1.675	196	11,701%
Tài sản cố định vô hình khác	53	44	83,019%
Tổng cộng	3.853	2.101	54,529%

(Nguồn: BCTC riêng bán niên soát xét năm 2025 của Agribank)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2025

14.1. Các chỉ tiêu kế hoạch

Chỉ tiêu	Năm 2025		% tăng/giảm so với 2024	Năm 2026
	Kế hoạch	Số liệu dự kiến		
Tổng tài sản	Tăng 7% - 10%, phù hợp với tăng trưởng huy động vốn	2.391.294 tỷ đồng – 2.458.339 tỷ đồng	7% - 10%	Tại thời điểm lập Bản cáo bạch này Agribank chưa xây dựng kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận cho năm 2026
Vốn chủ sở hữu	131.891 tỷ đồng	131.891 tỷ đồng	1,51%	
Vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư	Tăng từ 7% - 10%, điều chỉnh phù hợp với tăng trưởng tín dụng	2.048.690 tỷ đồng – 2.106.130 tỷ đồng	7% - 10%	
Dư nợ tín dụng	Tăng tối đa 12,95% và thực hiện theo thông báo của NHNN (nếu có)	1.944.106 tỷ đồng	12,95%	
Tỷ trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn	Phân đầu khoảng 65%	Phân đầu khoảng 65%		
Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ	< 1,5%	< 1,5%		
Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn	< 1,3%	< 1,3%		
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	20.836 tỷ đồng	20.836 tỷ đồng	Giảm 21,84%	
Thu dịch vụ	Tối thiểu 9.000 tỷ đồng	9.000 tỷ đồng		
Thu nợ đã xử lý rủi ro	Tối thiểu 12.000 tỷ đồng	12.000 tỷ đồng		
Lợi nhuận trước thuế	28.688 tỷ đồng	28.688 tỷ đồng	4,04%	
Lợi nhuận sau thuế	22.951 tỷ đồng	22.951 tỷ đồng	4,01%	
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	18%	18%	1,81%	
Tổng thu nhập	165.199 tỷ đồng	165.199 tỷ đồng	Giảm 0,45%	
Các tỷ lệ an toàn hoạt động	Đảm bảo tuân thủ quy định NHNN	Đảm bảo tuân thủ quy định NHNN		

(Nguồn: nghị quyết số 01/NQ-HĐTV ngày 06/01/2025 của HĐTV Agribank về chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2025 và Văn bản số 3008/NHNN-TCKT ngày 22/4/2025 của Ngân hàng Nhà nước về kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Agribank)

14.2. Các giải pháp chủ yếu

Để thực hiện hiệu quả định hướng và kế hoạch kinh doanh, Agribank chỉ đạo triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp, trong đó tập trung vào 10 giải pháp trọng tâm, bao gồm:

- a) Tập trung cơ cấu lại hoạt động, phân đầu hoàn thành toàn diện các mục tiêu của Phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025.
- b) Điều hành cân đối vốn an toàn, hiệu quả, thúc đẩy hoạt động kinh doanh trên cơ sở điều hành Bảng cân đối tài sản mục tiêu, giao và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh, các công cụ về lãi suất, FTP.
- c) Tăng trưởng quy mô tín dụng bền vững; cơ cấu lại danh mục tín dụng, phát triển khách hàng tiềm năng gắn với đặc thù kinh tế - xã hội từng địa phương.
- d) Tập trung kiểm soát chất lượng tín dụng, giảm tỷ lệ nợ xấu nội bảng, thu hồi nợ xấu, nợ đã XLRR.
- e) Nhất quán phương châm “lấy khách hàng làm trung tâm”, phát triển đa dạng, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tối ưu hóa chi phí, thời gian giao dịch, gia tăng tiện ích, nâng cao trải nghiệm khách hàng, bảo vệ quyền lợi người sử dụng dịch vụ.
- f) Tiếp tục hoàn thiện phương thức quản trị điều hành, mô hình, công cụ quản trị rủi ro theo hướng hiện đại, tiên tiến, từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế, đáp ứng các chuẩn mực theo Basel II và tiến tới triển khai Basel III.
- g) Tăng tốc triển khai các giải pháp phát triển CNTT, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo.
- h) Triển khai chiến lược phát triển thương hiệu Agribank đến năm 2030 gắn với văn hóa doanh nghiệp; Triển khai áp dụng toàn diện Bộ tiêu chuẩn ESG, định hướng phát triển bền vững.
- i) Triển khai quyết liệt các giải pháp nâng cao năng lực tài chính, hiệu quả sử dụng chi phí hoạt động, tạo dư địa giảm lãi suất cho vay theo chỉ đạo của Chính phủ, NHNN.
- j) Tập trung cơ cấu, sắp xếp lại mạng lưới hoạt động theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiệu quả; Nâng cao năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực.
- k) Ban hành, triển khai chiến lược đào tạo nguồn nhân lực, khung chương trình đào tạo phù hợp với hoạt động kinh doanh và xu hướng chuyển đổi số trong ngành ngân hàng; chú trọng công tác đào tạo đội ngũ cán bộ chiến lược các cấp thông qua các chương trình, kế hoạch cụ thể và đào tạo thực tế.

Đến 30/6/2025 nguồn vốn huy động của Agribank đạt 2.039.346 tỷ đồng, tăng 6,512% so với đầu năm, cao nhất từ năm 2021 trở lại đây, trong đó tiền gửi dân cư chiếm tỷ trọng lớn. Nguồn vốn của Agribank tăng trưởng ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu vay phát triển sản xuất, kinh doanh của khách hàng, hiệu quả sử dụng vốn được nâng cao, đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Dư nợ cho vay nền kinh tế của Agribank đạt trên

1.851.343 tỷ đồng, tăng 7,561% so với đầu năm, cao hơn cùng kỳ năm 2024 và đạt 95,229% kế hoạch trong năm 2025. Trong đó, dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt hơn 1,13 triệu tỷ đồng, chiếm tỷ trọng trên 61% dư nợ nền kinh tế. Kết thúc 6 tháng đầu năm 2025, tổng thu nhập của Agribank là 86.914 tỷ đồng, đạt 52,61% kế hoạch năm 2025; lợi nhuận trước thuế của Agribank là 13.232 tỷ đồng, đạt 46,124% kế hoạch năm 2025 và lợi nhuận sau thuế của Agribank là 10.595 tỷ đồng, đạt 46,16% kế hoạch năm 2025.

Do đặc điểm tín dụng của ngành ngân hàng có xu hướng tăng cao vào nửa cuối năm cùng với những dấu hiệu phục hồi tích cực của nền kinh tế khi tiếp tục giữ được đà tăng trưởng trong 6 tháng đầu năm, Agribank tin tưởng rằng có thể hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 đã đặt ra.

14.3. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Từ giờ đến cuối năm 2025, Agribank chưa có kế hoạch tăng vốn điều lệ. Dự kiến trong năm 2026, Agribank sẽ được Chính phủ phê duyệt tăng vốn điều lệ.

14.4. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Hội đồng thành viên thông qua

Hội đồng thành viên đã phê duyệt danh mục và kế hoạch vốn dự án hạ tầng và bảo mật Công nghệ thông tin năm 2025 và thời gian thực hiện cụ thể như sau:

STT	Tên dự án	Thời gian phê duyệt chủ trương dự án	Thời gian triển khai dự kiến
1.	Đầu tư thay thế máy chủ hệ thống thẻ	Phê duyệt chủ trương đầu tư ngày 04/06/2025	14 tháng kể từ ngày phê duyệt dự án
2.	Đầu tư thay thế hệ thống sao lưu tập trung	Ký kết hợp đồng triển khai ngày 27/6/2025 (ngày có hiệu lực: 04/7/2025)	Tối đa 08 tháng (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
3.	Nâng cấp, mở rộng hệ thống xác thực mật khẩu một lần (OTP) của Agribank	Ký kết hợp đồng triển khai ngày 16/7/2025 (ngày có hiệu lực: 21/7/2025)	Tối đa 12 tháng (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4.	Giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP)	Ký kết hợp đồng triển khai ngày 30/5/2025 (ngày có hiệu lực: 12/6/2025)	Tối đa 12 tháng (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

(Nguồn: Agribank)

15. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Agribank được dựa trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Agribank nói riêng. Trên cơ sở các kết quả tích cực đã đạt được, hoạt động kinh doanh có lãi trong nhiều năm qua, cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay

của Agribank, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2025 của Agribank là có tính khả thi, nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng và phát sinh các biến động lớn có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh tế vĩ mô, chu kỳ tăng trưởng và hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng.

Agribank dự kiến sử dụng nguồn thu được từ phát hành Trái Phiếu Ra Công Chúng, nguồn vốn tích lũy của Agribank, nguồn vốn huy động khác, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của Agribank sau khi trừ đi các khoản phải nộp cho các cơ quan thuế, nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, các khoản thanh toán đến hạn và chi phí hoạt động của Agribank, bảo đảm đủ để thanh toán lãi và gốc của Trái Phiếu đăng ký chào bán.

Trên cơ sở những thông tin đã thu thập được và sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về thực trạng hoạt động kinh doanh của Agribank – một Ngân hàng có vị thế và uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Tổ Chức Tư Vấn cho rằng các chiến lược kinh doanh, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu của Agribank có thể thực hiện được và có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, căn cứ vào các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán, cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân hàng. Do vậy, các đánh giá và nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào Trái Phiếu của Agribank.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết
Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Theo sự đánh giá và tin tưởng tốt nhất của Agribank thì không phát sinh vụ việc tranh chấp, kiện tụng nào có ảnh hưởng đáng kể đến giá hay khả năng thanh toán Trái Phiếu của Agribank.

V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT

1. Tên Trái Phiếu

Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2025.

2. Mã Trái Phiếu

Mã Trái Phiếu là: VBA125019.

3. Loại Trái Phiếu

Loại hình Trái Phiếu là Trái Phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản của Agribank, không kèm chứng quyền, thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật.

4. Số lượng Trái Phiếu phát hành

Số lượng Trái Phiếu phát hành là: 100.000.000 trái phiếu (*Một trăm triệu trái phiếu*).

5. Tổng giá trị theo mệnh giá

Tổng giá trị theo mệnh giá là: 10.000.000.000.000 đồng (*Mười nghìn tỷ đồng*).

6. Ngày phát hành

Ngày phát hành là: 29/07/2025.

7. Ngày đáo hạn

Ngày đáo hạn là: 29/07/2035.

8. Thời hạn Trái Phiếu

Thời hạn Trái Phiếu là 10 (mười) năm.

9. Mệnh giá

Mệnh giá Trái Phiếu là: 100.000 VNĐ/Trái Phiếu (*Một trăm nghìn đồng/Trái Phiếu*).

10. Mục đích phát hành Trái Phiếu

- Tăng vốn cấp 2 để đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động của Agribank theo quy định;
- Tăng quy mô vốn hoạt động, đáp ứng nhu cầu cho vay nền kinh tế.

11. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng sẽ được Agribank sử dụng với mục đích: tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, tăng quy mô vốn hoạt động, đồng thời nhằm mục đích thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành trái phiếu), đặc biệt là các dự án trung dài hạn trong các ngành nghề, lĩnh vực dự kiến được liệt kê dưới đây, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về các TCTD và quy định nội bộ của Agribank:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Lĩnh vực	Giá trị phát hành	Giá trị giải ngân	Tiền độ sử dụng vốn dự kiến
1	Năng lượng, điện	10.000	1.000	Quý II/2025 đến Quý I/2026
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo		1.000	
3	Nông, lâm, thủy sản		5.500	
4	Ngành khác		2.500	
Tổng cộng		10.000	10.000	

Agribank dự kiến sẽ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu để giải ngân đối với các ngành nghề, lĩnh vực nêu trên với thứ tự ưu tiên: (i) Năng lượng, điện; (ii) Công nghiệp chế biến, chế tạo; (iii) Nông, lâm, thủy sản; (iv) Ngành khác. Mức độ sử dụng vốn cụ thể sẽ căn cứ theo tiến độ giải ngân cụ thể của từng ngành nghề, lĩnh vực, nhằm đảm bảo hiệu quả và an toàn hoạt động theo quy định của NHNN. Trường hợp không huy động đủ số tiền phát hành như dự kiến, phần thiếu hụt nguồn vốn dự kiến phát hành, Agribank sẽ sử dụng nguồn vốn cho vay thông thường (từ nguồn vốn huy động thông thường) để bù đắp.

Agribank cam kết sẽ sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu theo đúng mục đích và tiến độ sử dụng vốn dự kiến nêu trên.

12. Nguồn thanh toán Trái Phiếu

Nguồn vốn để trả nợ gốc và lãi trái phiếu từ các nguồn sau:

- Nguồn thu nợ của các khoản cho vay từ nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu;
- Nguồn vốn tích lũy của Agribank;
- Nguồn vốn huy động khác; và
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Agribank.

13. Tổng số Trái Phiếu niêm yết

Tổng số Trái Phiếu niêm yết là: 100.000.000 Trái Phiếu, tương đương 100% tổng số lượng Trái Phiếu đã phát hành.

14. Lãi suất

Lãi suất của Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2025 (“Lãi Suất”) là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi Suất Trái Phiếu} = \text{LSTC} + \text{Biên độ}$$

Trong đó:

- Biên độ: 1,8%/năm.
- Nếu Agribank không mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại, biên độ = 3,0%/năm áp

đụng trong 05 năm cuối.

- **LSTC:** là lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) NHTM Việt Nam bao gồm: BIDV, Vietinbank, Agribank và Vietcombank (mỗi ngân hàng này được gọi là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Nếu không phải là số nguyên sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân. **Việc xác định Lãi Suất Tham Chiếu theo các quy định sau:**
 - Trường hợp một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất, thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại tại Ngày Xác Định Lãi Suất đó. Khi đó, Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền sẽ in bằng chứng để chứng minh việc trang thông tin điện tử chính thức của các Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động/không công bố lãi suất nêu trên.
 - Trường hợp trang thông tin điện tử chính thức của cả 04 Ngân hàng Tham Chiếu đều không hoạt động hoặc không công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất, thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền bằng văn bản. Khi đó, Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền sẽ in bằng chứng để chứng minh việc trang thông tin điện tử chính thức của các Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động/không công bố lãi suất nêu trên;
 - Trường hợp Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền không lấy được lãi suất mà lý do không phải xuất phát từ phía Ngân Hàng Tham Chiếu thì Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền có trách nhiệm thay thế bằng cách lấy xác nhận lãi suất tại Ngày Xác Định Lãi Suất bằng văn bản từ các Ngân Hàng Tham Chiếu tương ứng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh TP Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở Giao dịch I), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch);

- Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương chỉ được áp dụng khi Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố mức lãi suất cho kỳ hạn 12 tháng đáp ứng được điều kiện nêu trên. Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam của kỳ hạn tính bằng ngày gần với kỳ hạn 12 tháng nhất. Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất, có 02 (hai) mức lãi suất tương đương thì áp dụng mức lãi suất tương đương của kỳ hạn ngắn hơn;
- Tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền xác định lãi suất sẽ gửi thông báo kết quả xác định Lãi suất cho Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) đồng thời thông báo trên trang thông tin điện tử của tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền theo phương thức quy định trong Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu ít nhất 02 (hai) Ngày Làm Việc trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi;
- Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý rằng kết quả xác định Lãi Suất của tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng;
- **“Ngày Xác Định Lãi Suất”**: là ngày Agribank ban hành Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng đối với kỳ tính lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của mỗi Kỳ Tính Lãi.
- Lãi suất áp dụng cho năm thứ nhất của trái phiếu VBA125019 là 6,48%/năm (Kỳ Tính Lãi từ ngày 29/7/2025 cho đến, nhưng không bao gồm ngày 29/7/2026) và Ngày Thanh Toán Lãi năm thứ nhất của trái phiếu VBA125019 là ngày 29/7/2026.
- Nếu tại Ngày Xác Định Lãi suất của bất kỳ Kỳ Tính Lãi nào mà có quy định của pháp luật về mức lãi suất trần và quy định đó có hiệu lực bắt buộc đối với Trái Phiếu khi xác định lãi suất như vậy thì Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi đó là mức lãi suất được xác định theo công thức trên (nếu mức lãi suất áp dụng theo công thức này chưa vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định), hoặc là mức lãi suất trần đó (nếu mức lãi suất được xác định theo công thức trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định).

15. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

15.1. Kỳ tính lãi và Kỳ thanh toán lãi

- **“Kỳ Tính Lãi/Kỳ Xác Định Lãi Suất”**: định kỳ 01 năm/lần kể từ và bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi đó, cho đến, nhưng không bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi liền sau hoặc cho đến và không bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác đối với Kỳ Tính Lãi cuối cùng của Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- **“Ngày Bắt Đầu Tính Lãi”**: là Ngày Phát Hành đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên hoặc ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành đối với Kỳ Tính Lãi tiếp theo.
- **“Kỳ Thanh Toán Lãi”**: Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, định kỳ 01 (một) năm trả một

lần vào “Ngày Thanh Toán Lãi” là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành, riêng tiền lãi cho Kỳ Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào ngày đáo hạn. Nếu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì Ngày Thanh Toán Lãi kỳ cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi của kỳ đó sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

15.2. Kỳ hạn trả gốc

- Nếu không được mua lại trước hạn, các Trái Phiếu sẽ được hoàn trả tiền gốc bằng mệnh giá vào Ngày Đáo Hạn.
- Nếu Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo các quy định tại Bản Cáo Bạch này thì tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả vào ngày thực hiện mua lại tương ứng.

15.3. Thanh toán vào ngày làm việc

Trường hợp Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn không phải là Ngày Làm Việc thì việc thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu sẽ được thực hiện vào Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Để tránh hiểu lầm, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi liên quan đến việc thanh toán chậm do ngày đến hạn thanh toán không phải là Ngày Làm Việc.

16. Mua lại Trái Phiếu

- Mua lại trái phiếu trước hạn vào ngày thực hiện quyền mua lại: Agribank có quyền mua lại 100% khối lượng trái phiếu đã phát hành tại thời điểm tròn 05 (năm) năm kể từ ngày phát hành trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan; giá mua lại bằng mệnh giá của trái phiếu
- Mua lại trái phiếu theo thỏa thuận: Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Agribank có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất kỳ lúc nào bằng bất kỳ phương thức nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi người sở hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho Agribank hay không. Việc chào mua lại Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả người sở hữu Trái Phiếu.
- HĐQT quyết định việc mua lại Trái Phiếu trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của Tổng Giám đốc:
 - + Mục đích mua lại: Giảm nghĩa vụ nợ, cơ cấu lại nợ trái phiếu của Agribank. Việc mua lại phải đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định và không ảnh hưởng đến các quy định hiện hành khác.
 - + Nguồn vốn mua lại: Từ nguồn vốn kinh doanh của Agribank và các nguồn vốn khác quy theo quy định của NHNN.

17. Các đặc điểm pháp lý khác của Trái Phiếu

- Là Trái Phiếu mà trong mọi trường hợp, nhà đầu tư chỉ được thanh toán sau khi Agribank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có đảm bảo và không có đảm bảo khác (nợ thứ cấp).
- Không được đảm bảo bằng tài sản của Agribank.
- Agribank được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ.
- Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người sở hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.

18. Số lượng Trái Phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Không có.

19. Xếp hạng tín nhiệm

Agribank đã có kết quả xếp hạng tín nhiệm.

20. Phương pháp tính giá

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi Nhà Đầu tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{t=1}^n \frac{CF_t}{(1+k)^t} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó: PV: là Giá của Trái Phiếu

FV: là mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu

CF_t: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i

n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá Trái Phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác.

21. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi suất đáo hạn – YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ Trái Phiếu từ khi mua và nắm giữ Trái Phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lợi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà

đầu tư nhận được từ Trái Phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa: Giả sử một Trái Phiếu mệnh giá 100.000 đồng, thời gian đáo hạn là 08 năm, lãi suất Trái Phiếu 10%/năm, kỳ trả lãi 01 năm/lần, hiện đang được bán với giá 103.000 đồng. Lợi suất Trái Phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:

$$103.000 = \frac{10.000}{(1+k)^1} + \frac{10.000}{(1+k)^2} + \frac{10.000}{(1+k)^3} + \frac{10.000}{(1+k)^4} + \frac{10.000}{(1+k)^5} + \frac{10.000}{(1+k)^6} + \frac{10.000}{(1+k)^7} + \frac{110.000}{(1+k)^8}$$

Áp dụng phương pháp nội suy: $k = 9,6\%$. Do đó $YTM = 9,6\%/năm$.

22. Phương thức thực hiện quyền

Không có, vì Trái Phiếu đăng ký niêm yết là loại Trái Phiếu không chuyển đổi.

23. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với Trái Phiếu niêm yết

Năm 2024, Việt Nam tiếp tục thuộc nhóm các nước kiểm soát tốt lạm phát khi CPI tháng 12/2024 tăng 0,29% so với tháng trước, tăng 2,94% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân năm 2024 lạm phát cơ bản tăng 2,71% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung 3,63%, chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giao dịch, dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản. Đây là năm thứ 10 liên tiếp Việt Nam duy trì được mức lạm phát trung bình dưới 4%, góp phần đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng kinh tế bền vững, củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài vào đồng nội tệ và môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Thành công trong kiểm soát lạm phát là kết quả của sự phối hợp đồng bộ giữa chính sách tiền tệ (CSTT), chính sách tài khóa (CSTK) và các chính sách kinh tế vĩ mô khác, giữa các bộ, ngành quản lý kinh tế ở Trung ương và các địa phương trong công tác quản lý, điều hành giá, đảm bảo cân đối cung, cầu và lưu thông các mặt hàng trên thị trường và sự phản ứng chủ động, linh hoạt, kịp thời của các cơ quan chức năng trước những diễn biến mới từ thị trường quốc tế và nội địa.

Theo Tổng cục Thống kê, lạm phát bình quân 6 tháng đầu năm 2025 tăng 3,27% so với bình quân cùng kỳ năm 2024. CPI 6 tháng đầu năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước do giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,69%, tác động làm CPI chung tăng 1,24 điểm phần trăm.



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Dự kiến trong năm 2025 có 3 kịch bản lạm phát, trong đó với kịch bản thận trọng, lạm phát được dự kiến giữ ở mức 4,5%. Trong kịch bản trung bình, lạm phát được dự kiến ở mức 4,15%. Trong kịch bản tích cực hơn, lạm phát dự kiến tăng khoảng 3,83%. Có nhiều yếu tố có thể tạo áp lực lạm phát trong năm 2025, bao gồm xung đột quân sự ở một số quốc gia leo thang căng thẳng, cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn ngày càng căng thẳng, cũng như ảnh hưởng từ hiện tượng thời tiết cực đoan dẫn đến đứt gãy chuỗi cung ứng, làm gia tăng chi phí vận tải, tác động đến biến động giá các mặt hàng chiến lược trên thế giới. Đặc biệt, các chính sách thuế trong nhiệm kỳ của Tổng thống đắc cử Mỹ Donald Trump có khả năng rất khắc nghiệt, dẫn đến các phản ứng trả đũa từ các quốc gia. Bảo hộ thương mại và rào cản thương mại gia tăng sẽ làm trầm trọng thêm căng thẳng thương mại và phá vỡ chuỗi cung ứng toàn cầu - điều này có thể gây ra một đợt lạm phát mới, đồng thời làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu và tỷ lệ thất nghiệp có nguy cơ tăng cao trở lại.

24. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo

Không có, Trái Phiếu đăng ký niêm yết là loại Trái Phiếu không có tài sản bảo đảm.

25. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 21/12/2020 và Điều lệ của Agribank không giới hạn về tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu đối với nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong tương lai, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài và khi đó có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ nhà đầu tư trong nước cho nhà đầu tư nước ngoài.

26. Các loại thuế liên quan

Các loại thuế liên quan đến Trái Phiếu được xác định dựa trên các quy định Pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phát sinh các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu. Những nội dung tóm tắt

dưới đây là những phân tích dựa trên các quy định Pháp luật có hiệu lực tại Ngày Phát Hành, không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư. Một số nhà đầu tư phải tuân theo các quy định riêng. Vì vậy, các nhà đầu tư Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia về thuế và các loại thuế có liên quan đến việc sở hữu và chuyển nhượng Trái Phiếu áp dụng riêng đối với từng trường hợp cụ thể.

26.1. Thuế thu nhập cá nhân

(a) Đối với thu nhập nhận được từ lãi Trái Phiếu do các tổ chức trong nước phát hành:

Căn cứ Điều 2 và Điều 10 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện luật thuế thu nhập cá nhân, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Thu nhập từ lãi Trái Phiếu là thu nhập từ đầu tư vốn, nhà đầu tư cá nhân nắm giữ sẽ chịu mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên số tiền lãi nhận được, áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(b) Đối với thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu:

Căn cứ Khoản 9, 10, Điều 2, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán chịu mức thuế suất 0,1% (không phải một phần trăm) trên giá bán chứng khoán từng lần áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(c) Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng Trái Phiếu:

Căn cứ Điều 16 và Điều 23 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện luật thuế thu nhập cá nhân, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 19 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ, thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng Trái Phiếu chịu mức thuế suất 10% (mười phần trăm) thu nhập tính thuế áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

26.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp Việt Nam (gồm các doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh được thành lập và hoạt động tại Việt Nam), thì theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP

ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi bổ sung thông tư 78/2014/TT-BTC, Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được coi là thu nhập chịu thuế khác của doanh nghiệp và được cộng gộp với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chung cho doanh nghiệp theo mức thuế suất cụ thể được áp dụng cho doanh nghiệp đó.

Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nước ngoài (gồm các doanh nghiệp và tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, còn được gọi là nhà thầu nước ngoài hay nhà thầu phụ nước ngoài) thì theo quy định tại thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014:

- (i) Doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập từ lãi Trái Phiếu sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên lãi nhận được.
- (ii) Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu của doanh nghiệp nước ngoài sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 0,1% (không phải một phần trăm) trên tổng giá trị Trái Phiếu bán ra.

26.3. Thuế Giá Trị Gia Tăng

Hiện tại, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu không là đối tượng chịu thuế Giá trị gia tăng. Trong trường hợp thuế Giá trị gia tăng được áp dụng đối với việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo luật Việt Nam sau Ngày Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

26.4. Khấu trừ Thuế Thu Nhập Cá Nhân

- (a) Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ khấu trừ, giữ lại và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lãi Trái Phiếu trước khi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí tính trên giá trị chuyển nhượng cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (b) Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tập trung tại VSDC: Việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân sẽ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của VSDC.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ Chức Kiểm Toán Báo Cáo Tài Chính

CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại : 024. 3946 1600

Số fax : 024. 3946 1601

2. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, Phường Đống Đa,
Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại : 024. 6276 2666

Số fax : 024. 6276 5666

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy phép hoạt động ngân hàng.
2. Phụ lục 2: Điều lệ của Agribank.
3. Phụ lục 3: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Agribank.
4. Phụ lục 4: Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2023; Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2024; Báo cáo tài chính bán niên soát xét riêng và hợp nhất năm 2025.
5. Phụ lục 5: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.



VIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN





PHẠM TOÀN VƯƠNG

TÔ HUY VŨ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG





TRẦN TRỌNG DƯỠNG

PHÙNG VĂN HƯNG QUANG

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK



LÊ SƠN TÙNG